

BÁCH KHOA

SỐ 83 — NGÀY 15.6.1960

KHẢO-LUẬN

NGUYỄN-PHÚC-SA Vay mượn vốn giữa tư nhân và phát-triển kinh-tế.

HOÀNG-MINH-TUYNH } Bàn về chữ « Từ »
và THONG-KHAM } trong Phật-giáo.

PHẠM-HOÀNG Tình người đối với vật-dụng.

BỬU-KẾ Châu bản triều Nguyễn.

CÔ-LIÊU Nước Anh đã và sẽ làm gì cho thanh-niên.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN Thành-tích 50 năm khoa-học.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ Dostoevsky (II).

BÌNH-NGUYỄN-LỘC } Tiếc thay duyên Tấn
và NGUYỄN-NGU-Í } phận Tần.

CÔ-LIÊU Viễn ảnh về tàu không-gian.

TRẦN-VĂN-KHÊ Hát ở-đào (II).

VĂN-NGHỆ — SINH-HOẠT

BÙI-KHÁNH-ĐAN Thanh khí.

NGUYỄN-VĂN-THƯ Họa bài Trống Rỗng.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN Diễm sách: V.N. Văn-học toàn thư: Thần-thoại (H.T. Miên).

VŨ-TRUNG Rừng.

Cô TRÚC-LIÊN Xe buýt và tôi.

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG Đau niềm chia phôi.

NGUYỄN Wang Lung (dịch P.S. Buck).

Yã-Hạc
NGUYỄN-VĂN-TRUNG Sáng trăng xanh.

PHAN-VĂN-TẠO Một trận quyền Anh.

MẠC-PHƯƠNG-ĐÌNH Mong Manh.

PHAN-DU Ả-Xu (II).

RƯỢU :— Rượu Âu mạnh "Eau de Vie Cũ" 40° và 50°
— Rượu Tàu "Lão-Mạnh-Tiểu"
— Rượu Tàu "Tích-Thọ-Tiểu"

SI-RÔ "Verigoud":

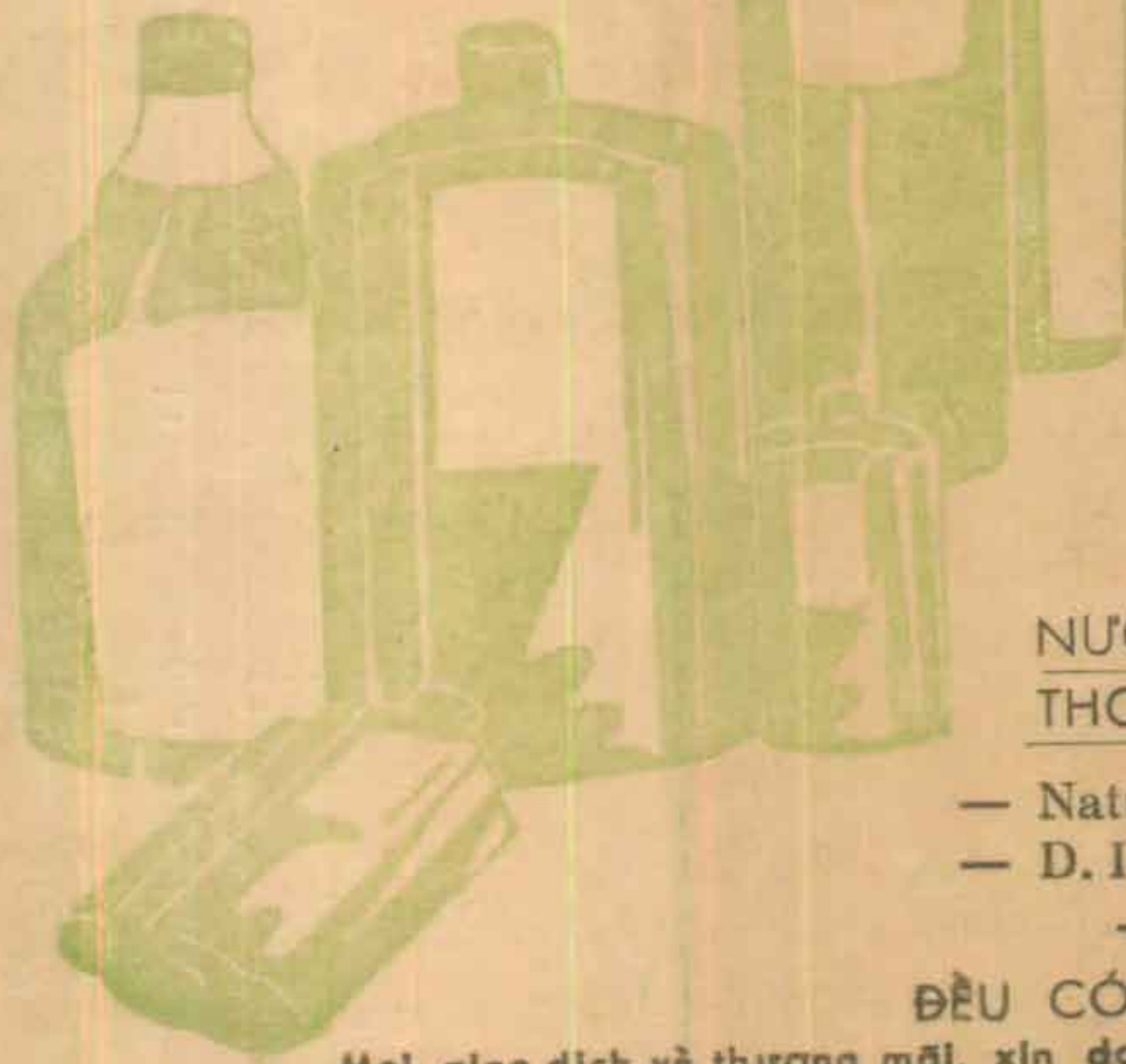
— Si-rô Cam, Quít, Chanh Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm Distarome

DISTILLERIES

DE L'INDOCHINE



NƯỚC HOA và DẦU
THƠM « D.I.C. »

— Naturelle — Fougère
— D. I. C. 5 — Lavande
— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mại, xin do :

ở **NAM-PHẦN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (S.F.D.I.C.)
135, đường Pasteur — SAIGON

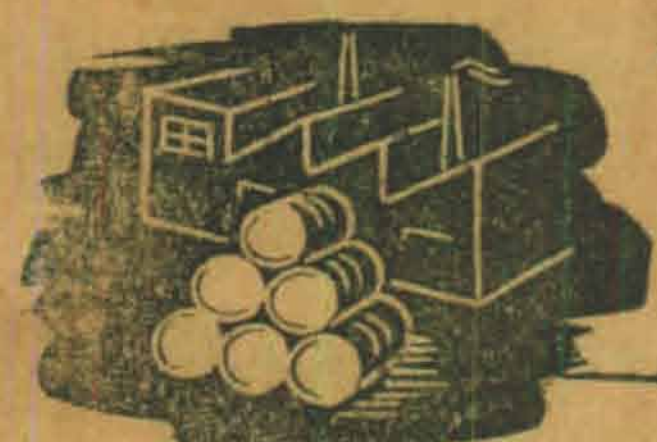
ở **TRUNG-PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MẠI, KỸ NGHỆ và TIÊU CÔNG NGHỆ
(S.I.C.A.) — 32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NANG
HÃNG RƯỢU NHIÊU-BÁ
6, đường Hoàng Hoa-Thám — NHA-TRANG



Để dùng vào
KỸ-NGHỆ
NÔNG-NGHIỆP
và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng
Quý Ngài những hoá-phẩm
do dầu hỏa chế ra.



→ Chất để pha trộn,
Acétone, glycérine, toluène



→ Xà-bông nước hoá-học



→ Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin,
Aldrin, Endrin, trừ các loài
sâu bọ cắn hại mùa màng



→ Hơi Butagaz để đun bếp
vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi



→ Thuốc sát trùng Shelltox, mùi
dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhạy

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn

Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.

Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE

VIETNAM : SAIGON. KHANH-HUNG

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Cof fres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.



NHỮNG GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT
TRÊN NHỮNG ĐƯỜNG BAY TRONG XỨ

CỦA

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

1) Giảm giá gia-đình 15 % trên vé bay cho hành-khách trong một gia-đình đi chung nhau và gồm có ít lắm :

- 3 người lớn
- 2 người lớn và 2 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi
- 1 người lớn và 4 trẻ em từ 3 đến 12 tuổi

2) Giảm-giá cho các đoàn nghệ-sĩ và thể-thao :

- 15 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 5 người
- 20 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn ít lắm là 10 người
- 25 % trên giá vé khứ-hồi cho những đoàn 15 người trở lên

XIN HỎI CHI-TIẾT NƠI :

Tổng Đại-Lý VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON

Đ. T. : 22.446-47, 21.624-25-26

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES
GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagree)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

SẢN PHẨM CỦA HÀNG THUỐC



COTAB

VIRGINIE



CÂY KI-NÁP ở VIỆT-NAM

Cây ki-náp ở Việt-Nam là một nguồn lợi
mới mẻ tối quan-trọng cho nước nhà.



VIETNAM EXPRESS

Công-ty sợi đay Việt-Nam
và Vietnam Jute Factory
hiện đang tăng gia sản-xuất
cây ki-náp để góp phần
độc-lập kinh-tế.

Trên thị-trường quốc-tế
năm 1960 Việt-Nam được
liệt vào hàng thứ ba sản-
xuất ki-náp, với 3.300 mẫu.
Nhờ thế mỗi năm Việt-Nam
sẽ tiết kiệm được nửa triệu
mỹ kim ngoại-tệ dùng để
mua sợi đay ngoại-quốc.

Kỹ-nghệ mới này cũng như
các kỹ-nghệ, khác đều cần đến dầu để
chạy máy và giữ gìn dụng-cụ.



HANG DẦU STANVAC

góp phần khuếch-trương kỹ-nghệ

STANDARD VACUUM OIL COMPANY và các sản-phẩm MOBILGAS — MOBIL OIL — MOBIL DIESEL, v.v.

VINACO

35, đường Phủ-Kiệt — SAIGON

ĐẠI-LÝ ĐỘC-QUYỀN :

XE XÌ-CÚT-TƠ VÀ
XE BA BÁNH
MÁY MAY ĐIỆN
VÀ ĐẠP CHÂN
QUẠT ĐIỆN
VÀ MÁY BƠM NƯỚC
MÁY CHỮ, MÁY TOÁN
MAY VIÊN ẤN
MÁY BƠM NƯỚC
MÁY GHE, TÀU
PHÂN HÓA-HỌC

LAMBRETTA
NECCCHI
MARELLI
OLIVETTI
LOMBARDINI
MONTECATINI

CREDIT FONCIER ET IMMOBILIER

Anciennement Crédit Foncier de l'Indochine



78, Rue Hai Bà Trưng
(ex. Paul Blanchy)

Tél : 21.067 et 21.068
SAIGON



TOUTES OPÉRATIONS IMMOBILIÈRES

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẠC DANH VỚI SỐ VON 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẻm Eden, Saigon



TẤT CA CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG



Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới



*Ngân Hàng thừa nhận do Viện Hối Đoái
Quốc - Gia Việt - Nam*

Mở các khoản tín-dụng về
Xuất-cảng — Nhập-cảng

PHÒNG

UỐN

TÓC

★

SỬA

SẮC

ĐẸP



BẢO AN

213^D Tự Do
SAIGON

*Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,*



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BÁCH-KHOA

Số 83 — Ngày 15.6.1960

	Trang
NGUYỄN-PHÚC-SA	
<i>Vay mượn vốn giữa tư nhân và phát-triển kinh-lẽ.</i>	3
HOÀNG-MINH-TUYNH và THONG-KHAM	
<i>Bàn về chữ « Tì » trong Phật-giáo</i>	10
PHẠM-HOÀNG	
<i>Tình người đối với vật dụng . . .</i>	15
BỬU-KẾ	
<i>Châu-bản triều Nguyễn</i>	16
CÔ-LIÊU	
<i>Nước Anh đã và sẽ làm gì cho thanh-niên</i>	21
NGUYỄN-TRAN-HUÂN	
<i>Thành-tích 50 năm khoa-học . . .</i>	27
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	
<i>Dostoïevsky</i>	31
BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í	
<i>Tiệc thay duyên Tấn phạn Tần . .</i>	42
ÁI-LAN	
<i>Bãi bể chiều hôm.</i>	48
NGUYỄN-VĂN-THƯ	
<i>Họa bài Trống Rỗng (thơ). . . .</i>	50
BÙI-KHÁNH-ĐÀN	
<i>Thanh-khi (thơ)</i>	51
TRẦN-VĂN-KHÊ	
<i>Hát ả-đào</i>	52
CÔ-LIÊU	
<i>Viễn-ảnh về Tàu Không-gian chạy bằng ánh-sáng mặt trời</i>	62
NGUYỄN-VĂN-XUÂN	
<i>*Điểm sách: V.N. văn-học toàn thư:</i>	
<i>Thần-thoại (H. T. Miên)</i>	67
<i>Rừng (thơ)</i>	77
<i>Xe buýt và tôi</i>	78
<i>Đau niềm chia phôi (thơ) . . .</i>	85
<i>Wang Lung (dịch P. S. Buck) . .</i>	86
<i>Sáng trắng xanh (thơ)</i>	94
<i>Một trận quyền Anh</i>	95
<i>Mong manh (thơ)</i>	100
<i>Á - Xiu (II)</i>	101

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HOÀNG-MINH-TUYNH

: Hiện tình Ấn-Độ
Vị Tổng-thống tương-lai ở Mỹ-quốc?

NGUYỄN-PHÚC-SA

: Thanh-niên trí-thức và nông-nghiệp.

NGUYỄN-ANH-LINH

: Nguồn gốc tôn-giáo

BÙU-KẾ

: Trả lời ông Nguyễn-Quang.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

: Cảm tưởng sau khi đọc cuốn « Văn học Việt-Nam » của Phạm-Văn-Điêu

H. Đ.

: Nghề xuất-bản với loại sách Tết cho thanh-thiếu-nhi bên Pháp.

TRẦN-VĂN-KHÊ

: Nhân bài « Vài thắc mắc » của Ô. Bút-Thu-Trình và lá thư giải đáp của Ô. Nguyễn-Phụng.

NGUYỄN-VĂN-HẦU

: Thi ca và cuộc đời của nhà cách-mạng Nguyễn - Quang - Diêu

NGUYỄN-NGU-Í

: Thử bàn về vài cái « nhỏ nhặt lặt vặt » chưa giải-quyết trong chữ Việt : chữ ghép (viết có gạch nối, viết dính, viết rời) ; cách viết tên người, tên đất, chức tước... ; cách viết âm i ..

VŨ-HẠNH

: Vàng Hời (truyện ngắn).

XUÂN-TÙNG

: Trộn bánh dầu (truyện ngắn)

PHAN-VĂN-TẠO

: Đám ma anh Văn.

MẶC-THU

: Mầu thuốc lá (truyện ngắn).

NGUYỄN

: Con người không tưởng (truyện dịch)

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

: Dịch cát.

PHẠM-PHẠM

: Đôi mắt (truyện ngắn)

VAY MƯỢN GIỮA TƯ-NHÂN VÀ PHÁT-TRIỂN KINH-TẾ

★ NGUYỄN-PHÚC-SA

TÍN dụng nói nôm na là việc cho vay cần thiết cho hoạt-động kinh-tế như không-khí đối với cơ-thể. Không thể nào quan-niệm một hệ-thống kinh-tế trong đó người kinh-doanh chỉ dùng tiền của mình sẵn có và mọi việc mậu dịch đều thanh toán tức thì bằng tiền mặt. Kinh-nghiệm các nước chứng tỏ rằng những thời kỳ bành-trướng hoạt-động kinh-tế là những lúc nhu-cầu tín dụng đặt ra cấp bách hơn hết. Mặt khác người ta có thể sử-dụng khí cụ cho vay như một cái thang để chặn đứng những sự hỗn độn hay như một phương thuốc cứu vãn những cuộc khủng-hoảng chót m phát.

Nước ta đang ở trong giai-đoạn phát triển kinh-tế. Doanh gia lớn nhỏ, kể cả quốc-gia, đều cần tín dụng; tín dụng càng dễ dàng và lợi xuất càng hạ bao

hiều, ảnh-hưởng sẽ hay bấy nhiêu. Điều-kiện này trong dân chúng hiện đã có chưa hay nói một cách khác, tình hình tín dụng hiện tại giữa tư-nhân như thế nào?

Ta cần phân biệt vay mượn để dùng vào việc sản-xuất hay thương mại và vay mượn để tiêu-thụ. Tín dụng để tiêu-thụ có tính cách xã-hội nhiều hơn kinh-tế. Mục-dích để giúp những gia-đình không có tiền để dành duy-trì mãi lực đều đặn trong khi chưa thấu hoạch lợi-tức. Những vụ vay để tiêu xài thường phải chịu lợi xuất cắt cổ. Không riêng gì người chà, chủ nợ người Việt cũng cho vay 5 trả thành 6, 10 thành 12, tức là 20 phần trăm trong một tháng, hay 240 phần trăm một năm. Trong dân gian, trước kia các vụ vay lúa để ăn trong khi chờ đợi mùa gặt, chịu lãi nhẹ hơn,

lãi 20 phần trăm cho suốt thời gian 3, 4 tháng, tức là 6, 7 phần trăm mỗi tháng. Ngoài ra, khi đến xin vay, người túng thiếu còn phải quả các, biếu nải chuối, cái lọng lọng, con cá ; hoặc khi nhà chủ nợ có giỗ tết phải đến làm giúp.

Cho vay dễ thúc đẩy tiêu thụ, như các nước cường thịnh áp-dụng là một điều trái với đòi hỏi của nền kinh-tế nước nhà trong giai đoạn này. Vậy có thể bỏ qua trạng-thái tín dụng này được.

Trái lại một cá-nhân hay một hội buôn thiết-lập một nhà máy hoặc lãnh thầu một công-tác, một nhà buôn là những người tích-cực điều hành bộ máy kinh-tế. Không mấy khi những cá-nhân hay hội này có đủ tiền riêng để không cần vay mượn ai. Doanh-nghiệp có khi thiếu vốn xây cất, trang bị, khuếch-trương. Vốn luân chuyển cũng rất cần thiết vì xí-nghiệp phải mua nguyên liệu, trả tiền công nhân-viên, trong khi mấy tháng sau khi làm ra, hàng mới tiêu được tiền về. Người buôn bán cũng vậy, có ai bắt khách hàng trả tiền trước rồi mới đi mua hàng về giao bao giờ ?

Cần tiền đi vay ắt phải chịu lãi. Điểm này ai cũng công nhận là hợp lý và chính đáng. Nhưng nếu số lãi quá cao, chiếm hết phần lời của cuộc kinh-doanh, ai dại gì đi vay để kinh-doanh.

Ở nước ta, cũng như tại các nước hậu tiến khác, mức lãi áp dụng trong dân gian rất cao. Mặc dầu pháp-luật dự liệu nhiều trừng phạt, lãi suất 4 hay 5 phần trăm một tháng, tức là 48 hay 60 phần trăm một năm rất thông thường.

Giữa tư nhân với nhau, người ta vay mượn qua những hình thức nào ?

Người chủ nợ không phải chỉ tham lãi mà thôi, dù ít dù nhiều họ phải đặt tín nhiệm nơi người vay. Tuy vậy, việc vay tiền mặt không có bảo đảm cụ-thể tương đối hãn hữu. Văn tự không thể ghi lợi suất thường áp dụng, vì trái luật lệ. Như vậy phải ghi tăng số tiền cho vay. Nếu con nợ vì một lẽ gì không trả, việc phải đưa ra trước công-lý, vụ kiện sẽ xét xử theo luật hộ, mất nhiều thì giờ trong khi hy vọng tiêu lại đủ số tiền khá mong manh.

PHẠM-HOÀNG sưu tập

Danh ngôn, danh lý THUẬT TRÁCH - VẤN

- * Nói ngay, nói thẳng điều mình nghĩ trong tâm là một chính-sách khôn ngoan. Lời trách vấn nghiêm khắc nhưng mau lẹ, làm cho người ta ít khổ tâm hơn là sự để tâm hờn giận mà không nói ra.
- * Phải đề có người dưới quyền biết rằng nếu họ không tuân-hành mệnh-lệnh họ sẽ bị phế truất, còn nếu họ tuân-hành mệnh-lệnh, dù sự tuân-hành có đưa đến tai biến, tai họa nữa, họ cũng được người bề trên bênh-vực... Người lãnh-đạo chân-chính bao giờ cũng nhận hoàn toàn trách-nhiệm về hành-vi, cử-chỉ của mình.

Cho nên chủ nợ bắt gởi đồ nữ-trang, vàng, văn tự nhà lễ nếu cần khẩn nợ tức thời, khỏi kiện tụng. Một phương-pháp khác là hai bên lập thể ước thể nào để người chủ nợ có thể truy tố theo hình luật : thí dụ con nợ nhận tiền để mua giúp xe hơi, một món hàng. Nếu không hoàn lại số tiền tức là bội-tín.

Trong trường-hợp trả nợ sòng phẳng, con nợ, đến kỳ hạn, phải trả cả vốn lẫn lãi. Món tiền lớn này có thể là một cố gắng nặng nề. Vì vậy, nhiều người cần tiền thích dùng thể thức chơi họ. Chơi họ đối với người cần tiền là một cách vay nợ ; đối với người không cần tiền, là một cách để dành. Chơi họ có hai cách, hội Nam và hội Bắc.

Thế nào là hội Nam ? Thí-dụ một dây hội là 100.000 đồng, chia làm 20 tháng, mỗi tháng 5.000 đồng. Theo nguyên-tắc phải có 20 người chơi, kể cả nhà cái. Nhưng một người có thể nhận 2 hay 3 phần, cũng gọi là bát. Khi người cái nhận nhiều bát, hội có thể biến thành hội ma, dễ đưa đến thất bại, thiệt hại cho người góp tiền.

Tháng đầu, tất cả 19 người góp mỗi người 5.000 đồng cho nhà cái. Nhận số tiền này, nhà cái có thể cho vay lại hoặc kinh-doanh. Mỗi tháng sẽ trả ra 5.000 đồng. Từ tháng thứ hai, tay em được quyền mua. Thí dụ mua 1.500 đồng, nghĩa là mỗi phần hội sống hay hội chưa mua — trong trường hợp tháng thứ hai, còn 19 người chưa mua — được ăn lời 1.500 đồng, chỉ phải đóng 3.500 đồng, thay vì 5.000 đồng. Người cái thâu các số tiền góp và chõng cho người mua hội. Trừ mua, trừ đóng, người này sẽ nhận

68.000 đồng. Từ tháng thứ ba, bát hội đã chết, người mua này mỗi tháng phải góp cho nhà cái 5.000 đồng đến hết tháng thứ 20. Kết quả là vay 68.000 đồng, người này trả làm 19 tháng, mỗi tháng 5.000 đồng, cộng lại thành 95.000 đồng. Nhà cái nếu sẵn tiền, có thể chõng theo, nghĩa là cho một người không chơi hội vay theo điều-kiện của người đã mua hội.

Đặc-điểm của hội Nam như sau : nhà cái không được ăn lời, chỉ được vay một số tiền trả góp hàng tháng không phải chịu lãi. Số tiền mua hàng tháng có thể lên hay xuống, chứ không nhất định mỗi tháng phải rút đi như hội Bắc.

Ai cũng biết cầm cái họ là một nguồn lợi cho nhiều bà ngoài Bắc trước đây. Trở lại thí dụ trên, việc chơi họ theo lối Bắc sẽ diễn ra như sau. Tháng đầu nhà quân được mua ngay. Nếu gặp trường hợp cần tiền, dây họ 100.000 đồng có thể mua tới 35.000 đồng hay 40.000 đồng ; số tiền mua là số lãi phải chịu. Số tiền này chia làm 3 phần, nhà cái hưởng một phần còn hai phần kia chia đều cho nhà quân, để trừ vào tiền góp hàng tháng. Tháng thứ hai gọi là áp cái, tất cả nhà quân đều góp đủ số 5.000 đồng, không được hưởng lãi. Từ tháng thứ ba trở đi, lại tiếp tục mua và phân chia lãi như tháng đầu, quân hai cái một. Cái có thể chõng họ theo giá mua hàng tháng. Giá này phải lần lần rút xuống. Như vậy, cầm cái họ theo lối Bắc rất lợi. Cho nên khi gọi họ phải có cỗ bàn, có phần biếu. Hàng tháng mua họ cũng có bánh nước chút ít. Nhà quân không được lãi nhiều như chơi họ lối Nam, nên ngày nay ở Saigon mời họ theo lối Bắc ít người hưởng ứng. Một hình-thức

tham bán có thể áp - dụng cho cả hai lối Bắc, Nam là định số hòa hồng hàng tháng cho nhà cái, còn số tiền mua sẽ chia tất cả cho các bát họ sống. Hình-thức này không được nhiều người hưởng ứng vì tiền hòa hồng của nhà cái vào những tháng chót quá cao so với tiền lãi của nhà quân. Trong việc chơi họ, dù theo lối Nam hay lối Bắc, người để đến tháng cuối được nhiều lãi, miễn là họ không vỡ hay không bị giựt. Phân xuất lãi khó tính vì nó tùy thuộc số tiền mua. Nếu có nhiều người cần tiền ngồi họ, tiền mua sẽ cao. Trái lại, nếu chỉ là mấy bà để dành tiền chơi với nhau, nhà cái phải ép mới mua thì rất ít lãi. Tuy vậy tiền lãi so với giới hạn pháp định vẫn còn cao lắm. Như trên đã nói, số dĩ người ta thích mua họ vì chơi họ không phải gán đồ bảo đảm, tiền lãi thường cũng suýt soát trường-hợp vay tiền, lại có thể trả nát gốc trong thời-gian giây họ được.

Nói tóm lại, trong dân chúng, tập quán vẫn mạnh hơn pháp luật, phân xuất tiền lãi đồng niên thường không dưới 40 phần trăm. Theo ước lượng của Viện Thống Kê, qua một cuộc khảo sát về đời sống của nông dân tháng 3 năm 1957, dân quê

Việt-Nam trong một năm đã trả tiền lãi tổng cộng 827,5 triệu bạc, so với 358,3 triệu địa tô và 529,6 triệu đóng thuế cho Chánh-Phủ. Mặc dầu không được hoàn-toàn xác thực, nhưng con số trên đủ cho ta một ý niệm về sự bóc lột của chủ nợ. Ảnh-hưởng của lợi xuất quá đáng về phương-diện kinh-tế còn tai hại hơn.

Người kinh-doanh xuất vốn riêng, số vốn này phải sinh lợi như tất cả các tiền vốn khác. Dành thời giờ, tâm trí vào công việc, người ấy phải được hưởng thù lao như mọi người làm việc khác. Ngoài ra, còn có tiền lời ở việc kinh-doanh gọi là nhuận lợi (profit), động lực khiến người ta bỏ vốn và vận dụng sức lực trí não và tay chân điều khiển xí-nghiệp. Công việc kinh-doanh nào cũng có sự bất trắc. Nếu bất trắc xảy ra, doanh gia sẽ mất tài sản riêng trong khi luật pháp bảo đảm quyền lợi của chủ nợ. Như vậy khi người chủ nợ yêu sách lợi xuất quá đáng, doanh gia sẽ ở tình-trạng « thằng còng làm cho thằng ngay ăn ».

Nếu cả người cho vay vốn lẫn người kinh-doanh đều được hưởng số lời mà

« Nhi bối thành công »

Nguyễn-Tịch coi lịch-sử Hán-Sử, phê-bình bằng một câu văn còn được người ta nhớ mãi : « *Nhi bối thành công* » (Lũ trẻ con làm nên việc).

Nguyễn-Tịch nói câu đó, có ý chê, khinh những anh hùng thời đó chỉ là một đàn con nít, may gặp thời-cơ mà làm nên công chuyện.

họ cho là phải chăng vì thông thường, giá thành sẽ lên quá cao. Người tiêu thụ phải mua vật dụng hoặc trả dịch vụ với một giá đắt. Nếu là việc lãnh thầu cho Chánh-Phủ, công quỹ bị thiệt thòi, công-dân phải đóng thuế nhiều hơn. Ở các nước tân-tiến, tiền lãi cho vay 8 phần trăm một năm đã được coi là quá đáng rồi. Doanh nghiệp thịnh-dạt lắm mới

mang lại nhuận lời 15 hay 20 phần trăm một năm. Trừ những trường-hợp hết sức đặc-biệt đã giúp các nhà tỷ-phú tạo lên sự-nghiệp, lòng tham của con người không thể ước vọng « nhất bản, vạn lợi » như chúng ta chúc nhau ngày Tết được.

Tuần báo Entreprise của Pháp cho biết kết-quả tài-chánh năm 1958 của những xí-nghiệp Pháp lớn nhứt như sau :

	SỐ VỐN RIÊNG	SỐ LÃI ĐÃ TRỪ CHIẾT CỤU VÀ TIỀN PHÒNG HỒ
Công-Ty dầu hỏa Pháp .	1.210 triệu NF	98,6 triệu NF
Xe hơi Renault	142 —	37,9 —
Hãng dầu Esso Standard .	524,5 —	32,5 —
Xe hơi Peugeot	408,5 —	31,8 —
Dược phẩm Rhône-Poulenc	341,6 —	29,6 —

Một N. F. (nouveau franc) trên thị-trường tự-do Việt-Nam bằng 15 đồng bạc. Nếu cộng vào số lãi ghi trên các khoản chiết cụu và phòng hồ, nhiều lắm bằng 25 phần trăm tổng số tiền lời, ta sẽ thấy các xí-nghiệp phát đạt nhứt hàng năm chỉ thực hiện được số lời khoảng 10 phần trăm tiền vốn.

Về điểm này, ta có thể nói rằng đạo luật hiện hành ấn định giá thuê nhà đã vô tình thừa nhận những lợi xuất nghịch lý khi cho tự-do định giá thuê nhà mới cất và không cho một số ngoại-quốc hưởng sự che chở của đạo luật ; kết quả là chủ phố có thể thâu về trong 4, 5 năm số tiền xuất ra cất hay mua nhà, và nhiều chủ phố khác cũng dựa vào tình-trạng này bóc lột đồng-bào.

Nếu doanh gia không được hưởng số lời kếch sù, tội gì họ lao tâm khổ tứ gánh vác công kia việc nọ, trong khi có những con nợ sẵn sàng nhận trả tiền lãi 4, 5 phần trăm một tháng ? Như vậy, lợi xuất cao đã cản trở thiện chí và sáng kiến của những người sẵn sàng góp phần tích-cực vào sự thịnh vượng của quốc-gia.

Trong công cuộc phát-triển kinh-tế tại các nước hậu tiến, ai cũng đồng ý phải huy-động tư-bản trong nước trước hết. Tư-bản ngoại-quốc, dưới hình-thức viện-trợ cho không, cho vay hay đầu tư không thể nào đủ để ứng phó với nhu-cầu rộng lớn của các nước này được. Huy - động tư-bản trong nước là kêu gọi những người có tiền tiết-kiệm lập hội, ký ngân dài hạn tại các ngân - hàng để các ngân-

hàng này tài trợ các dự-án khuếch-trương kinh-tế, nhận mua quốc trái hay trái phiếu do quốc-gia và các xí-nghiệp phát-hành.

Phương-pháp huy-động tư-bản thứ hai là Chánh-phủ đánh thuế để xung vào ngân-sách tài trợ công cuộc phát-triển.

Phương-pháp huy-động đặt trên tinh-thần tự giác tự nguyện của quần chúng không mang lại kết-quả khi người ta đã quen với những lợi xuất quá đáng vì lẽ những vụ đầu tư, ký ngân, mua trái phiếu không thể nào thỏa mãn yêu sách của họ được. Ta có thể nói rằng sự ngoan cố này đã buộc chánh-quyền phải dùng biện-pháp đánh thuế để dùng vào công cuộc khuếch-trương kinh-tế. Do đó, tất cả mọi người, trực tiếp hay gián tiếp, đã là nạn nhân của tệ đoan cho vay nặng lãi.

Như đã dẫn chứng, trong một xã hội lành mạnh, tiền nhuận lợi rất phải chăng. Chỉ những vụ kinh-doanh gian trá hay phi pháp mới giúp người ta hốt bạc. Nhưng không ai có thể bảo đảm sự thành công vĩnh cửu của những hoạt-động gian trá và phi pháp được. Những vụ tù tội, phá sản, lừa đảo đều do lòng tham hốt bạc gây ra cả. Số tiền dân chúng gửi quỹ tiết kiệm Đô-thành Saigon chỉ quanh quẩn lời 100 triệu bạc, trong khi có vụ lừa đảo tiền mua sổ sổ tới gần 30 triệu ! Những con số này chứng tỏ những món tiền đáng kể khả dĩ dùng vào việc kinh-doanh không phải là ít ; chỉ đáng tiếc ở chỗ người ta dùng tiền vào những việc không có lợi cho nền kinh-tế quốc-gia mà thôi. Khi nào đồng bào ta nhận-định rõ ràng địa vị của người có tiền cho vay, của người lao-động, và của người kinh-doanh trong sự hưởng thụ lợi tức quốc-gia, khi ấy chúng ta đã có

một cơ cấu tinh-thần rất quan hệ cho sự tiến bộ kinh-tế.

Bên lề quan-niệm lỗi thời đối với tiền lãi và tiền nhuận lợi, những vấn-đề sau đây đáng được chú-ý.

Chơi họ là một tập quán đã ăn sâu vào dân chúng. Đúc lại một cơ-cấu xã-hội vào những hình thức thích hợp với đòi hỏi của tình-trạng mới là một công cuộc lâu dài. Ta nhận thấy lợi xuất áp dụng trong việc mua họ cao hơn mức lời pháp định. Những vụ vỡ họ, giựt hụi xảy ra luôn luôn mặc dầu cơ-quan tư pháp từ 3, 4 năm nay tỏ ra nghiêm-khắc. Người chơi họ với mục-đích để dành bị mất hết vốn liếng. Ta cũng không biết nhà cái và nhà quân được hưởng lãi hay tiền hỏa hồng có chịu thuế lợi tức không ?

Ban hành mọi thể lệ về chơi họ có thể là việc rất hợp thời. Thí dụ luật sẽ định rằng lợi xuất không được quá một giới hạn nào. Người cái họ không khác gì một người chủ ngân hàng, họ phải có tài sản thế nào để bảo đảm cho các nhà quân dễ dành tiền. Việc chơi họ phải có sổ sách kế toán để giúp cơ-quan thuế vụ đánh thuế lợi tức.

Nhiều ngân-hàng và cơ-quan tín dụng đã được đặt ra để cho doanh nhân vay tiền với một lợi xuất nâng đỡ. Theo những bản kết toán hàng tháng của ngân-hàng quốc-gia, số tiền cho tư-nhân vay là 2.874 triệu tháng giêng năm 1959, 3.016 triệu tháng 7 năm 1959, 3.094 triệu tháng 12 năm 1959 và 3.381 triệu tháng giêng năm 1960. Việt - Nam Thương - Tín, Trung - Tâm Khuếch - Trương Kỹ - Nghệ, Nông-Tín-Cuộc, Quốc-Gia Kiến-Ốc-Cục,

Tiểu-Thương Tín-Dụng... cũng cho vay nhiều số tiền quan - trọng. Nói một cách tổng quát trong những vụ cho vay này, phần đầu tư, tức là phần để giúp nông-gia, kỹ-nghệ-gia tạo ra khả năng sản-xuất mới không chiếm phần lớn. Thí dụ trong ngành nông-tín, sự ích lợi khác hẳn tùy theo là cho vay làm mùa, cho vay để trồng cao-su cho vay để cải thiện hệ-thống và phương-tiện tát nước. Sự tiến bộ của nền kinh-tế theo nhịp đầu tư. Hoạt-động của các cơ-quan tín dụng trên đây càng hướng nhiều về cho vay để đầu tư bao nhiêu càng có ảnh-hưởng sâu xa bấy nhiêu.

Đối với người được hưởng lợi xuất nhệ của những cơ-quan tín dụng công lập, thiết tưởng cũng nên đòi hỏi về phía họ một cố gắng hạ mức nhuận lợi, tức là hạ giá các hàng hóa sản-xuất hay dịch vụ cung cấp. Phần nhuận lợi và tiền lãi đi song song với nhau. Nếu mức nhuận lợi hạ, không có

lý gì để duy trì lợi xuất quá cao. Nhiều doanh gia hợp lực trong công cuộc chống lại việc cho vay nặng lãi, chắc sẽ mang lại kết-quả mong muốn dù có phải kiên nhẫn phần đầu.

Với sự cam kết chân thành của doanh gia, người ta có thể lạm phát đến một mức nào để nuôi dưỡng tín dụng ; ảnh-hưởng đối với vật giá của một sự lạm phát có giới hạn sẽ nhờ sự hạ giá thành mà chế ngự được.

Trái lại, nếu các doanh gia được sự nâng đỡ bằng tín dụng cũng tham lam giữ mức nhuận lợi như các doanh nhân khác phải vay mượn của tư-nhân, tín dụng rẻ tiền sẽ là một ân huệ chớ không là một tiện nghi cho hoạt-động kinh-tế nữa.

NGUYỄN-PHÚC-SA

- ✱ Trước khi bạn buông lời trách vấn người cộng sự trách-nhiệm, bạn nên xem xét hoàn-cảnh và cách thức làm việc của người ấy trước đã. Bạn nên thành thật tự hỏi, nếu chỉ được sử-dụng những điều-kiện làm việc như người ấy đã được sử-dụng, liệu bạn có thể cũng phạm những sai lầm như người ấy không ? Trong trường hợp đó, bạn nên giải thích cho người cộng sự nghe các sự-kiện một cách khách-quan, phân tích nguyên-nhân và hậu quả của sự sai lầm ; bạn không nên phiên trách người cộng sự, trái lại, nên giúp họ sửa chữa lại các chỉ-thị đã ra không đúng đắn ; hoặc nếu người ấy có buồn nản về sự thất bại, bạn nên nói thẳng cho biết, nếu vào địa-vị họ, bạn cũng không thể làm khác hơn được ; sự thành thật của bạn sẽ làm cho họ phần khởi và đem lòng quý mến bạn (Courau).
- ✱ Người cầm đầu không bao giờ nên đổ lỗi cho những kẻ dưới quyền ; trái lại, người ấy phải tự cảm thấy mình có trách-nhiệm về sự đã huấn-luyện họ. Có nhà kỹ-nghệ nọ thường nói : mỗi khi phiên trách một người dưới quyền, ông có cảm-giác như chính ông có lỗi, vì hoặc ông đã đòi hỏi quá nhiều, hoặc ông đã sơ khoáng trong việc huấn-luyện, điều-khiển hay giám-thị họ.



BÀN VỀ

CHỮ « TỪ »

TRONG PHẬT-GIÁO

HOÀNG-MINH-TUYNH
và THONG-KHAM

(Xin xem từ Bách-Khoa số 80)

Đị-biệt chủ-yếu giữa « từ » và « ái »

« Từ » không phải là « Ái »

NHỮNG nhận xét trên, như chúng tôi trình - bày trước đây, mới chỉ là những nhận xét sơ bộ, chưa đi sâu vào tâm đề của vấn-đề. Chỗ dị-biệt chủ - yếu giữa « từ » của Phật-giáo và « ái » của Ki-tô-giáo, là bên Ki-tô-giáo, lòng yêu người lấy chính con người làm mục - tiêu, còn bên Phật-giáo thì không phải như vậy. Đã đành từ hay ái cũng đều chủ-trương yêu người như yêu mình — nhưng trong Phật - giáo, người ta yêu nơi mình một « bản-ngã » hư vô, cần phải hủy - diệt, và người ta cũng chỉ yêu tha-nhân với « bản-ngã » hư vô và

cần phải hủy-diệt như vậy. Do đây, từ của Phật - giáo không giống ái của Ki-tô-giáo. Từ chủ-yếu là thương xót, từ đối với tha-nhân, không phải là từ đối với bản-thể của tha-nhân, mà đối với tất cả khổ não, vật-chất hay tinh-thần của tha-nhân. Ái của Ki-tô-giáo thì khác hẳn : Ái « không phải đi từ kẻ giàu tới kẻ nghèo ; từ kẻ mạnh tới kẻ yếu, từ kẻ thông đến kẻ ngu. Ái đi tới ai thì không cần biết kẻ ấy có tỳ vết hay thiếu sót gì » (1). Vì nếu sự tận tâm đầy thân ái đối với những kẻ bị thiệt thòi về tài phạn hơn hết là hình-thức thượng-đẳng thì sự tận

(1) Pierre Charles, Semaine sociale de Paris 1928, trang 206.

tâm ấy vẫn phải mang điều-kiện công nhận bản chất cao quý của mỗi người, và tính-chất đồng nhất của gia-đình nhân-loại. Ki-tô-giáo không phủ-nhận giá-trị của lòng thương, nhưng lòng thương phải do tự lòng yêu phát sinh, chứ lòng yêu không thể do tự lòng thương phát sinh được. Thánh Augustin đã giải thích điều đó rõ ràng như sau : « Giả sử như không còn kẻ cùng khốn thì chắc các công cuộc từ-thiện cũng sẽ không còn nữa và như vậy thì lửa « ái » sẽ tắt mất sao ? (1) »

« Từ » có tính-chất « thương »
chứ không phải « yêu »

Chữ « từ » trong Phật - giáo, theo nghĩa thật tiễn hay siêu - việt, vẫn có tính-chất « thương » chứ không phải « yêu ». Nếu « thương » ấy, có người cho là có tính - chất « yêu » thì đó là hiểu ngoài giáo-lý chính xác của nhà Phật. Bởi cá-nhân — đối với Phật-giáo — không đáng kể, không đáng kể đến nỗi Phật - giáo coi « bi » càng có giá-trị, nếu càng trừu tượng và càng phổ biến. « Bi » là bi đối với toàn-thể khổ não, chứ không phải đối với riêng một kẻ phải khổ não nào. Chính Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni đã dạy các đệ-tử rằng : « Các người hãy tiêu trừ khổ não ». Nhưng khổ não lại là đời sống hiện thật của chúng ta, với tất cả mọi tội khiên mà đời sống hiện thật ấy là nguồn mạch, chứ khổ não không hẳn là những nông nổi phiền muộn của

mỗi cá-nhân. Về điểm này, quan-niệm của hai phái Phật-giáo Nguyên-thủy và Đại - thừa không khác nhau. Như một Santideva quan-niệm khổ não như sau : « Tôi phải tiêu trừ khổ não của tha-nhân, như là khổ não của chính tôi, bởi vì đó là khổ não. Khổ não không có chủ-thể thì ai có thể có khổ não (của mình) được ? Hết mọi khổ não đều có tính - chất vô ngã, nghĩa là không thuộc của ai : phải tiêu trừ khổ não vì khổ não, chứ không phải vì khổ não của ai. Tại sao lại giới hạn khổ não ở riêng nơi người nào » (2) ? Lý luận như thế là cốt để kéo người ta ra khỏi chỗ vị kỷ, để cho họ tranh đấu chống ác tà ở nơi họ cũng như ở nơi tha nhân. Chủ thể khổ não không có, cũng như chủ thể ác tà không có. Cho nên có thể thân-nhiên chịu đựng ác pháp, tà pháp mà không phải tha thứ, có thể thi hành từ bi mà không xúc cảm.

Do đây mà khi có người trách vấn rằng : đối với một vị bodhisattva sự sẵn sóc tha nhân có chỗ không thích hợp với trạng thái ninh tĩnh, tịnh tâm, ở cấp thứ bốn của dhyana (thiền na), thì đại đức Kumarajiva đối đáp lại rằng : « Không, không có gì là không thích-hợp. Vì kẻ muốn điều thiện cho tha nhân, không phải là muốn cho chính tha nhân trong cụ thể, mà cho tha nhân trong trừu tượng. Người ấy coi tha nhân như một ảo ảnh, như một chiêm bao, như

(1) Thánh Augustinô, trong Thư Gioan gửi dân Parthos.

(2) Santideva, Bodhicaryavatara, chương VIII, 94, 101, 102 (Finot tr. 113-114)

ánh trăng dưới nước, như bọt của sóng, như vang của tiếng, như đường bay của chim trong khoảng thanh không vậy. » (1)

Chính đây là điểm ngộ nhận của nhiều sử gia Tây-phương. Họ thấy chữ thương trong Phật-giáo không ngưng lại ở những trường-hợp cá-nhân và không thể lăm lăm với những cảm tính cá - thể để dãi họ liên cho chữ thương trong Phật-giáo có tính-chất đại-đồng (universel) trong khi chỉ có tính-chất phổ-bác (général) ; thật ra giữa đại - đồng và phổ-bác, có sự dị-đồng cũng như giữa cụ thể và trừu tượng có sự dị đồng. Do đây, một số người khi ca tụng chữ thương đã cho chữ thương trong Phật-giáo hợp với chữ ái trong Kì-tô-giáo, cho rằng ái này chỉ nhằm cá thể nên chỉ có tính chất cá nhân và vì đây, so với thương trong Phật-giáo, có phần thấp kém xa. Muốn hiểu rõ điều trên, cần phải coi lại lý-thuyết Đại thừa về ba bậc « bi » trong Phật-giáo thế nào. Theo lý-thuyết của phái Đại thừa thì « bi » không những cần phải phổ bác mà còn phải đi tới chỗ : *chân không*.

Lý-thuyết của Phật-giáo

Đại thừa về ba bậc « bi ».

Bi ở bậc thứ nhất là bi lấy chúng sinh khổ não làm đối tượng, gọi là Sattvalambana Karunā (bi lấy chúng sinh làm đối tượng) ; đó là thứ bi

tầm thường vì còn vướng mắc sai lầm quan trọng là còn coi chúng sinh hiện hữu. Bi thứ hai Dharma-lambana Karunā (bi lấy pháp làm đối tượng) ở bậc cao hơn, đối tượng là những cảm-giác khổ não, người ở bậc bi này biết thật-thể không có mà chỉ có dharma (pháp) thôi. Tuy nhiên, đó chỉ là mới gần tới « giác » vì cảm-giác khổ não tự nó không thể có, mà nguyên nó cũng không có. Bậc bi thứ hai này vẫn còn có avidyā (vô minh). Cần phải đạt tới bậc thứ ba là bi thuần-túy, bi không đối-tượng, gọi là analambana Karunā. Một đức tính càng cao quý khi nó càng thuần-túy. Bi hoàn-hảo, lý-tượng là đại-bi, mà đối-tượng không phải là tạo-vật hay thật-tại nào và mục-đích cũng không phải là tiêu trừ khổ não ; đại-bi chính là bi vì bi mà thôi. Kẻ đã đạt tới chỗ hy-sinh cho tất cả chúng-sinh không phân biệt cá thể, mà còn tin rằng có thật-tại để cho mình hy-sinh hoặc còn tin rằng bản thân mình vẫn có, chưa thể coi là sạch hết bụi trần, hành vi của họ vẫn là hành vi phạm tục và họ chưa thể nào đạt tới bền giác - ngộ được. Trái lại, nếu người ấy biết « không có kẻ cho, không có của cho, không có kẻ hưởng của cho, thì của cho của kẻ ấy mới thật thuần-túy, mới thật hoàn-toàn » (2).

Hai đặc - tính của « từ » khiến « từ » khác với « ái ».

Do đây, từ của Phật-giáo có hai đặc-tính sau đây, khiến nó khác biệt

(1) Kumārajīva (413) do cha L. Wiegner tóm lược lại.

(2) Nagarjuna chương VIII chương XX.

hân với ái của Ki-tô-giáo. Từ chỉ là một đức-tính tạm thời, chứ không phải là một giá trị tuyệt đối; là một phương tiện chứ không phải là một cứu-cánh.

Từ là một đức-tính tạm thời. Hay nói cách khác, từ vẫn còn thuộc phạm-vi phạm tục, như người Phật-giáo thường nói. Vì vậy không thể căn-cứ vào từ để xác nhận thật-tại — hay hư không — tuyệt-đối, và cũng vì vậy, không thể nào công nhận có một Thượng-đế chân xác, một Thượng-đế bằng hữu, một Thượng-đế phát thủy ra từ được.

Đối với người Ki-tô-giáo, lễ luật yêu Thiên-Chúa căn-cứ trên tình yêu của Thiên-Chúa đối với loài người và tình yêu của Thiên-Chúa đối với loài người đó biểu thị được thật tại của Thiên-Chúa: *Deus est caritas* (Thiên-Chúa là ái tình). Lễ luật thứ hai là lễ luật yêu đồng-loại, căn-cứ trên lễ luật thứ nhất và giống như lễ luật thứ nhất, vì loài người đã được dựng nên theo hình ảnh của Thiên-Chúa, nghĩa là giống bản-tính Thiên-Chúa. Lễ luật thứ nhất là lễ luật yêu Thiên-Chúa, bởi căn-cứ trên Thiên-Chúa hằng hữu, cũng trở nên lễ luật hằng hữu, nó không phải chỉ là đường đi, mà còn là cùng - đích; nó vừa là phương tiện và pháp qui, lại vừa là cứu cánh và tường thưởng. Lễ luật thứ hai, bởi giống lễ luật thứ nhất, cho nên cũng vậy. Do được dựng nên giống bản-tính Thiên-Chúa, bản-tính loài người được dự vào bản-tính Thiên-Chúa và được trường-cứu cùng

với bản-tính Thiên-Chúa: *Solidabor in Te, Deus meus* (1) (Lạy Chúa, sự vững bền con sẽ ở trong Chúa).

Phật-giáo thì không quan-niệm như vậy. Chủ-nghĩa vị tha trong Phật-giáo là một phương thể từ bỏ thị dục. Từ-bi là một cách dùng để thoát tục. Maitrì (từ) trong Phật-giáo Nguyên-thủy, cũng như đàna (bồ thí) và Ka-runà (bi) trong hai phái Phật-giáo cũng đều như thế cả. Triết-gia Max Scheler đã phân biệt điều trên rất rõ ràng như sau:

...« Nếu Đức Phật cho từ-bi có một giá-trị tích-cực, đó chỉ vì từ-bi là một cách thể « giải-thoát » cái tâm, chứ không phải bởi từ-bi là một nguồn cảm-hứng phát sinh ra những hành-vi tích-cực; đó chỉ là vì từ-bi là một phương-thuật giúp cho người ta thắng được bản ngã cá-thể nằm trong mình và tới một mức độ cao nhất, thắng được cả cá-nhân cũng bản-vị mình nữa. Cồ nhiên khi dùng phương-thuật ấy, người ta có thể phát-xuất những hành-vi nhân-từ, bác-ái, nhưng đó chỉ là những điều phụ thuộc tùy tòng; điều chính vẫn là cốt đạt tới chỗ từ mình, chỗi mình, bỏ mình đi để được giải-thoát. »

Vị-trí của « từ » trong

sáu độ paramita.

Từ-bi không phải chỉ là một đức-tính giúp người diệt-dục để diệt bản ngã. Tính chất thật dụng và tạm thời của nó đã được nêu rõ bằng

(1) Thánh Augustin.

vị-trí của nó trong sáu Paramita. Phật-giáo đại thừa chủ-trương có sáu độ Paramita là: *dāna* (bồ thí) *sīla* (trì giới) *ksanti* (nhẫn nhục) *vīrya* (tinh tấn) *samādhi* (thiền định) *prajñā* (trí huệ). Thứ tự trên có một ý-nghĩa đặc-biệt (1). Cao Tăng *Asanga* (Vô-Trước) giải-thích như sau:

« Vị Bodhisattva (Bồ-tát) phải dùng ba Paramita đầu để đối đãi với tha-nhân: *dāna*, nghĩa là bồ thí cho người; *sīla* nghĩa là đừng làm điều ác cho người, *ksanti* nghĩa là tha thứ cho người.

Rồi phải dùng ba paramita sau để đối đãi với mình căn-cứ vào *vīrya* (tinh tấn) để đi tới *samādhi* (thiền định) và giải thoát bằng *prajñā* (trí huệ).

« Sáu paramita phải thực hiện lần lần, theo thứ tự trước sau, vì độ này phát sinh độ kia, và càng lên cao thì càng thêm vi-diệu. Độ này phát sinh độ kia, như không đoái hoài đến của cải thì vị bodhisattva mới giữ được trì giới, v.v...; độ sau

cao hơn độ trước, như trì giới cao hơn bồ thí, v.v... Độ càng cao thì càng thêm vi-diệu, như bồ thí còn ở bậc thô lậu, tầm thường, v.v... »

Thứ tự của các paramita, trong các bộ Kinh Phật đều giống nhau. Như trong tập Lục Đạo tập kinh, trong bộ *Cariya pitaka* (2) tức là bộ Jataka bằng tiếng Phạn, trong bộ Đại tạng Kinh của *Nagarjuna* (Long-Thọ) Lục Độ đều được sắp đặt đúng như vậy. (Duy theo ông Jean Thamar (3) thì *dāna* lại ở độ thứ bốn, trước *dhyana* và *prajñā*, và coi như đức tính trung gian). Theo thứ tự trên này, thì « bồ thí hữu lậu » hay « bồ thí vô lậu » cũng đều là một kết quả linh diệu, chứ thiên và loài người rất ưa chuộng; ai thật hành bồ thí sẽ giảm bớt si mê và vì vậy bồ thí coi như điều kiện tiên quyết của *nibbana* (nát bàn, tịch diệt).

(còn một kỳ nữa)

HOÀNG-MINH-TUYNH

và

THONG-KHAM

(2) Một bộ trong Tạng Kinh.

(3) *Prajna paramita*, trong bộ *Etudes asiatiques* (Zürich) 1949, tr. 22 và trong bộ *Etudes traditionnelles*; 1950, tr. 171.

(1) Sáu độ Paramita, tức là Lục độ Ba-la-mật, là sáu độ phải đi qua để « đào hi ngân » (đến bờ bên, tức là đến bờ giác-ngộ.)

★ Nếu người cộng-sự của bạn tái phạm một sai lầm hoặc cố tình từ khước việc thi-hành mệnh-lệnh, bạn không nên trì-hoãn việc khiển trách, và cần phải khiển trách cho đích đáng; liều thuốc dù đắng đến đâu, cũng cần phải quyết-liệt đem ra để trị liệu ngay. Tuy nhiên, bạn nên khoan-hòa, những phương thuốc đắng công hiệu nhất, nếu dùng quá liều, rất có thể di hại. (Courau)

Dòng tư-tưởng...

Tình người đối với vật dụng

Làm công việc nội-trợ với một tấm lòng dăm-thăm tinh-mật, thường khiến cho cửa nhà đượm-nhuần một vẻ phong-quang đầy sinh-khí. Đây không hẳn là vấn đề sạch-sẽ, ngăn-nắp hoặc thứ-tự. Trong cái tỉ-mỉ, tận-tình nơi đường kim • mũi chỉ, trong cái cần-cù, cần-trọng trước án, đỉnh, hương, đèn, trong cái tươm-tắt, thành-tâm ở cổ bàn giỗ tết, ý-tứ thiết-tha của bà nội-trợ như thông cho sự-vật một hồn sinh-động. Giữa tinh-vì, khiết-tịnh của đồ-đạc hay thức ăn thức uống và công-lao của bậc hiền-phụ, có mối tương-quan không hoàn-toàn vật-chất và biểu-lộ cho ta thấy vì sao cùng một vật-dụng mà có thứ sưởi ấm lòng ta, có thứ dửng-dưng với ta thường khi đến ghẻ-lạnh, tùy theo nó phản-chiếu sự « hữu-tình » hay sự « vô-tri ».

Khi chăm-chút, kiêu-dưỡng của bà nội-trợ trở thành một lễ-nghi, nó có thể hóa thành thiêng-liêng, để lại ở nơi vật-chất dấu-vết của tinh-thần. Phải chăng đó là vì người tận-tình với vật-dụng thì vật-dụng cũng dường như biết phản-ánh mà đáp lại tận-tình của người : tổ con chim, cũng như tổ con người, chẳng kỳ lớn, nhỏ, càng được đan-dệt xây-dựng kỳ-khu với mỗi tình thắm-thiết thì lại càng phô-diễn được vẻ mỹ-lệ tuyệt-vời ?

PHẠM-HOÀNG

CHÂU BẢN TRIỀU NGUYỄN

Về vấn-đề sử-liệu

T A có thể nói rằng về sử-liệu, từ triều Nguyễn về trước không đâu phong-phú bằng Bắc Việt, nhờ ở Thư-viện Trung-Uơng Hà-Nội, trường Viễn-Đông Bác-cổ, các đình chùa miếu vũ, gia-phả của các tư-gia v.v.. Nhưng từ triều Nguyễn về sau thì ở Huế tài liệu lịch-sử nhiều hơn cả, hơn hẳn trường Bác-cổ Viễn-Đông, một thư-viện được liệt vào hàng thứ hai Đông-Nam-Á.

Về sử-liệu, Huế nhờ có điện đài, lăng tẩm, có gia-phả, có những bậc lão thành đã từng nghe, từng sống những ngày lịch-sử. Huế lại có Quốc-sử-quán, có Tàng-thơ-lâu, Nội-các, Tôn nhân Phủ và những thư-viện riêng của các ông Hoàng bà Chúa, của các vị Đại-thần.

Nhưng trong những tài liệu phong-phú nói trên, châu-bản có giá-trị nhất vì tính cách đối-dào và chân-xác của nó.

Châu-bản là gì ?

Châu là son ; bản hoặc bản là một tờ giấy có viết hoặc vẽ. (Bản sao, bản chánh, bản-đồ v...v..) Cát nghĩa có một cách trực-tiếp với châu-bản triều Nguyễn thì Châu-bản là những giấy tờ về việc quan, có việc bảy tám tờ, có việc vài ba tờ, tùy theo tính cách của mỗi việc. Những tờ giấy này đều được Vua xem qua, hoặc chấm vào một chấm son (châu điểm) hoặc cho ý kiến (châu phê).

Thế thì ai được phép tâu lên vua ? Các bộ như Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công, Tôn-nhân-phủ, Văn-thơ Phòng, Nội-Các, Cơ-mật viện. Còn Nội-thần, tuy chức-vụ nhỏ hơn, nhưng vì là những cơ-quan trực-tiếp với vua nên cũng được tâu như các bộ vậy. Đó là Thái-Y, Thái-giám, Thị-vệ, Võ-khố, Thượng-trà v...v.. Mỗi khi có việc gì cần phải tâu thì bộ, nha sở quan ấy gửi vào Nội-các 3 bản. Sau khi vua

xem và phê xong, Nội-các giữ lại bản có chữ Vua phê, đoạn chép lời phê ấy vào hai bản kia, một bản giao thẳng ra cho bộ sở quan, còn một bản giữ lại với bản chính.

Những tờ châu-bản này được đóng lại thành từng tập, cơ-quan nào đóng riêng cơ-quan ấy, theo năm tháng và chia ra các triều, từ Gia-Long xuống đến Bảo-Đại.

Nội-dung của châu-bản

Châu-bản cho ta biết tất cả cuộc sinh-hoạt trong nước từ hành-chánh, tài-chánh, binh-bị đến lễ-nghi, luật-pháp, bang-giao v.v... không phải chỉ những việc lớn lao mà ngay đến cả những việc con con cũng vậy. Như Vua Gia-Long rước bà đi về Phú-Xuân, các quan dâng cam nhân dịp Tết Nguyên-Đán v.v...

Tôi đưa ra đây một vài tờ châu-bản để bạn đọc nhận-thức về điều đó.

I.— Chỉ Dụ quốc-muội Nguyễn-thị-Ngọc-Du vâng thay :

« Nay có sai Khâm-Sai thuộc Nội Cai
 « cơ Cưu vào Gia-Định-trấn hầu Đức Di
 « cùng quốc-muội, thời quốc-muội tua khá vào
 « hầu Đức Di bẩm lại cho rõ, mà quốc-muội
 « cùng các chán với thần thuộc theo hầu
 « Đức Di lục-lộ khởi hành, đặng Cai
 « cơ Cưu hộ đễ về Phú-xuân kinh-thành
 « cho đoàn-viên khánh-hội, còn tư-trang
 « khi vật các hạng, đã truyền lưu trấn
 « quan, hễ đến ngày thuận gió, sai người
 « điệu tải về Kinh, cũng đặng ỏu-tiền,
 « Khâm-sai đặc Dụ ». (Phiên dịch chữ
 « nôm ra tiếng Việt).

Đọc bản dụ trên này chúng ta thấy triều Gia-Long cũng như triều Tây-sơn, đã dùng xen lộn cả chữ nôm lẫn chữ Hán,

có những chữ trước kia thường dùng nhưng bây giờ không được mấy ai nói đến nữa. « Vâng thay », « tua khá » (Quốc muội tức bà em Vua Gia-Long).

2— Bắc thành thần Chắt, Lê-Tôn-Chắt, Nông, Lê-Văn-Nông, khề thủ đồn thủ bách bái Cấn tấu : vì do tư cung ngô Nguyên đán tiết lễ, thần đồng tuân lệ, sức Hải dương trấn thần, thề mãi di-cam nhất thiên ngũ bách, cung đệ thượng thượng tấu. Thần đồng thành hoàng, thành khùng bát thông cung ngưỡng chí chí, cấn tấu

Xem xong vua phê: Tri đạo liễu (Đã biết rồi) Ý nói sau khi xem xong tờ tâu ta đã biết việc này rồi.

Dịch tờ tâu (nguyên-văn bằng chữ Hán)

Chúng tôi là Chắt, (tức) Lê-Tôn-Chắt và Nông (tức) Lê-Văn-Nông bề tôi ở Bắc thành, cúi đầu sát đất (ý nói cung kính hết sức) trăm lạy, tâu rằng : Vì gặp tiết nguyên-đán, kẻ hạ thần tuân theo lệ cũ, sức cho quan trấn ở Hải-dương mua cam ngọt 1.500 trái, đệ về Kinh để dâng lên cúng các bậc tiên đế, kẻ hạ thần khôn xiết run sợ, kính cấn tâu bày.

Nếu ta muốn nghiên-cứu một vấn-đề gì trong lịch-sử thì thật không đâu bằng trong châu-bản. Ví dụ các bạn muốn biết vua Gia-Long đối xử với nhà Lê ra thế nào thì lật tờ châu-bản ngày 26 tháng 7 năm Gia-Long thứ 16, các bạn sẽ thấy một tờ dụ về việc ấy :

Chiếu-Dụ thiên-hạ thần thứ đẳng đều biết : « Đạo làm vua sau khi được nước phải kính trọng đời trước để tồn hậu đạo và rộng lòng nhân. Ta thường xem sách cổ-kim, chính muốn phải trọng các bậc đời trước. Từ khi nhà Lê không đàn áp nổi giặc Tây-

son, để làm rối loạn chốn Bắc-Hà, tác đất người dân, nhà Lê mất sạch. Sau 10 năm chinh-chiến Bản-triều nhờ có oai trời, quét sạch bọn yêu nghiệt, nay tóm thần thiên-hạ, thiết lấy của giặc Tây, chứ không phải của cỏ Lê. Thế là con cháu nhà Lê cũng được nhờ đó mà rửa được hận thù của Tổ-Tôn đời trước. Sau khi đại định Ta đã sai trấn thần lập miếu đường nhà Lê, ban cấp từ phu và tự điền, thường năm tế hưởng, lại lựa con cháu nhà Lê, để mà nối dõi. Khi đó Lê-Duy-Hoán còn đại, lưu lạc ở rừng núi. Hồi ra mới biết là con cháu phái đích của Hiến-Tông Hoàng-Đế nhà Lê. Sai người đem về, cho tước trên các bậc Công, ban bổng lộc rất hậu để đơm quây nhà Lê, cùng nhau chung hưởng. Con cháu 5 chi của nhà Lê đều được gia ân và đều có bổng lộc, nhà Lê được đãi như thế, người có tai mắt, ai lại không biết. Thế mà Duy-Hoán lại tự vong ân mưu toan đại nghịch, nào là bất được nguy hiểm, nguy tở và nguy đảng đã cung-chiến đoan đích, tội phản nghịch của Duy-Hoán, Ta đã ra Chiếu ban tha, họ Lê cũng được tự an ủi.

« Kế đó tại Kinh tra phúc án lại, cho thấy thêm việc bọn nghịch tử của Nguyễn-Văn-Thành là Văn-Thuyên mưu phản, thế là Duy-Hoán đã rắp tâm âm mưu bất quỳ, xét tình như thế là « lấy oán trả đức » theo luật là phạm tội phản Vua, tội bất đạo, có nên khoan dung không ?

« Là vì con cháu đời trước, Ta xét cũng bất nhân. Sau khi Đình-thần hội lại, xét cầu phải làm theo hình-pháp để giữ quốc-điển, ngày 22 tháng 7 chỉ đem một mình Duy-Hoán và đảng lõa đến pháp trường chánh pháp còn con cháu đều được khoan miễn.

« Ta xét Duy-Hoán đại nghịch, đã đành tự mang lấy diệt vong, còn như miếu đường nhà Lê há bỏ không người hương khói ? Vì vậy ta đã sai Đình-thần chọn con cháu nhà Lê để có người phụng tự, để chứng tỏ rằng Ta rất để ý đến sự tồn vong kẻ tuyệt của nhà Lê.

« Vậy nên bổ cáo, ai nấy đều biết ».

(Dụ này bằng Hán văn, trên đây là bản dịch).

Qua ngày 10 tháng 12 năm Gia-Long thứ 16, chúng ta lại thấy một tờ chiếu đại ý nói : Năm trước phong Lê-Duy-Hoán làm Diên tự công để thờ phụng nhà Lê và ân ban mỗi năm 3.000 quan tiền cúng tế và cấp 6.974 vuông, 8 thăng lúa lại ban cho 148 suất dân của 3 thôn: Thẩn tịnh xá, Mật-Sơn và Kiều-Đại lo việc quét dọn, không ngờ Duy-Hoán phản nghịch, tội ác tày trời, đình thần đã chiếu luật xử quyết và tước khỏi họ Lê, thu hồi lương tiền để rõ phép nước. Song nhà Vua nghĩ đến lẽ phải, chiếu cho các quan ở Bắc thành xét các chi họ Lê, tìm con cháu Lê Hiến-Tông để tiếp tục việc cúng tế nhà Lê như trước.

Thế rồi, chúng ta có thể lần theo châu-bản, qua các triều Gia-Long, Minh-Mạng, Thiệu-Trị Tự-Đức v.v... để xem rõ triều Nguyễn đối xử với nhà Lê như thế nào. Ta sẽ biết rằng Lê-Duy-Thần đã từng được phong làm Cai cơ Thẩn bình hầu, giữ việc hương khói cho tôn miếu nhà Lê, Duy-Thần mất, Duy-Cật thay thế. Số dân phu sai phái giữ gìn lăng miếu nhà Lê dưới triều Minh-Mạng vẫn giữ y số 148 người như dưới triều Gia-Long, và số tiền, số thóc vẫn như cũ v.v... Nghiên-

cứu xong triều Minh-Mạng, Thiệu-Trị, ta lần xuống triều Tự-Đức đến vụ Cao-Bá-Quát và Lê-Duy-Cự v.v...

Như trên đã nói, không phải châu-bản chỉ giúp cho chúng ta nghiên-cứu những vấn-đề trọng-đại, mà ngay cả những việc lật-vật cũng cho ta thấy lắm điều mà ta không được biết.

1) Như lễ Thiên-Xuân, tức là ngày dâng sinh Hoàng tử, trước đó một ngày không thi-hành án tử-hình, cùng là *cấm không bán thịt heo ở các chợ*.

2) Tiền nguy, tức tiền của Tây-sơn, chỉ được phép tiêu trong thời hạn 5 năm, sau ngày vua Gia-Long thống-nhất toàn cõi.

3) Các quan mỗi khi đổi ra Bắc, vào Nam, đường sá xa xôi không thể mang tiền theo được, có thể đem bạc tiền gửi vào kho Nội-Vụ ở Huế, nhận biên lai, rồi đến nơi nhậm chức sẽ nhận tiền của cơ-quan tài-chánh nơi mình bổ đến v.v...

Châu-bản từ triều Gia-Long xuống đến Khải-Định dùng chữ Hán, riêng triều Gia-Long có xen lẫn chữ nôm vào. Đến triều Bảo-Đại, trong những năm đầu vẫn còn dùng chữ Hán, nhưng sau đổi qua chữ quốc-ngữ.

Cách làm việc của các triều trước với triều Bảo-Đại sau này khác nhau hẳn. Các vua trước, mỗi khi phiên sớ dâng lên đọc rất kỹ, nhiều khi sửa cả câu văn nữa. Ta thấy một việc con con như thế này thì đủ rõ. Quân lính tỉnh Gia-Định sau khi bắt được đồ đảng Lê-Văn-Khôi giải về Kinh, Đình thần tâu xin phái quân lính ở Kinh đi tiếp đón. Trong tờ tâu

xin phái toán trước khởi hành vào ngày 12, toán sau khởi hành ngày 14, Vua sửa lại một toán vào hôm 9 và một toán hôm 11).

Đến triều Bảo-Đại, mỗi khi có phiên sớ quốc-ngữ dâng vào một nhân-viên tóm tắt đại ý vào một mảnh giấy nhỏ, và nhà vua chỉ đọc mảnh giấy nho nhỏ ấy mà thôi.

Từ Nội-Các di chuyển ra Viện Văn-Hóa

Vào khoảng năm 1945, những châu-bản đang nằm yên trong Nội-các thì bỗng được chở ra Viện Văn-Hóa, lúc Viện này được chỉnh đốn lại, dưới quyền điều khiển của Ông Cố vấn Ngô-dình-Nhu. Một số khá đông các ông khoa mục (Phó bảng, cử-nhân, tú tài) được tuyển dụng để chuyên việc khai thác các châu-bản ấy. Những cái tủ cao bốn thước, lên tới trần nhà nối liền nhau để tàng trữ châu-bản. Ngoài châu-bản ra, lại còn các văn-kiện của Tòa Khâm sứ, của Nha Mật-Thám Trung-kỳ. Như cuộc khởi nghĩa của vua Duy-Tân, vừa trong châu-bản, vừa trong tài-liệu của Pháp có thể chất đầy một tủ rất lớn.

Khai-thác châu-bản

Các châu-bản đều được đánh số trang, và mỗi việc đều có người phiên dịch ra quốc-ngữ, một người chuyên tóm tắt bản dịch ấy chừng 10 dòng để đánh vào phiếu (fiches). Người chuyên việc tóm tắt cần phải chú trọng để khỏi mất chi tiết. V.d. : Nguyễn-tri-Phương được phái ra Bắc-hà chở lúa về, giữa đường, thuyền bị hư bánh lái phải ghé lại Cửa Tùng (Quảng-

Tri). Một việc như vậy phải đánh máy và dán thành 5 tấm phiếu, để đọc-giả tiện việc tra cứu. (1.— Nguyễn-tri-Phương — 2 Lúa gạo.— 3.— Cửa Tùng.— 4 Bắc hà.— 5.— Ghe thuyền. Khi xem tấm phiếu của Tùng ta biết ngay rằng ở đó có chỗ để sửa chữa bánh lái, xem phiếu Nguyễn-tri-Phương ta biết ngay ông từng ra Bắc chở lúa gạo, xem phiếu lúa gạo ta biết ngay xưa ta thường ra Bắc để chở lúa về. Thế rồi những phiếu về Nguyễn-tri-Phương tập hợp lại với nhau, phiếu Cửa Tùng tập hợp chung với nhau, không những về việc chữa bánh lái mà còn bao nhiêu chuyện khác nữa.

Làm xong triều Gia-Long xuống đến triều Minh Mạng thì cuộc chiến-tranh Việt-Pháp bùng nổ.

Châu-bản tản cư

Cuộc bang-giao Việt-Pháp trở nên gay go thì chúng tôi đã nghĩ ngay đến việc tản cư châu-bản. Vì tại mỗi công sở đều có một ủy ban phá hoại nhà cửa. Các châu-bản, chúng tôi đều bỏ cả vào trong những cái bao lớn, có đánh số bên ngoài, đoạn chở cả ra ngoài thành phố về làng Hiền-Lương cách Huế chừng 24 cây số.

Tại Hiền-Lương chúng tôi yêu cầu được trưng dụng mấy cái đình và chùa, mua tre làm thành sàn gác để châu-bản khỏi bị ẩm ướt. Lúc tiếng súng Việt-Pháp đưa nhau nổ, chính là lúc chúng tôi xông pha để đưa xe ca-mi-ông vào chở châu-bản ra khỏi khu chinh-chiến. Châu-bản nằm yên ở đình làng đâu được vài tuần thì quân Pháp đổ bộ và tràn về các miền quê và oái oăm thay ! lại đóng ngay trong đình,

mà chúng tôi để châu-bản. Lúc bấy giờ chúng tôi, nhân viên Viện Văn-Hóa đều phải chạy cả lên núi, phó thác châu-bản cho quân đội Pháp. Quân Pháp cho dân chúng được tự-do vào lấy châu-bản. Thế là những tài-liệu lịch-sử quý hóa dần dần biến thành giấy hút thuốc, giấy bồi liễn, củ đun bếp, và một số lớn gánh về bán ở chợ Đông Ba cho những kẻ không biết gì đến lịch-sử.

Châu-Bản trở về và hiện trạng của nó

Lúc tình-hình đã ổn-định, nền hành-chánh đã thiết-lập lại. Hội-đồng chấp chánh Trung-kỳ, có phái Bảo vệ quân đi sưu-tầm các cổ-vật, sách và các thứ đã tản-cư hồi Việt-Minh. Châu-bản 100 phần còn sót lại năm ba phần đã được chở về viện Văn-hóa, với một thân hình tiều tụy, gãy gò, có những quyển bị nước mưa ướt mềm trít vào nhau không tài nào gỡ ra được, có nhiều quyển mốc xanh mốc vàng trông rất thảm hại.

Tuy thế, giá-trị của châu-bản vẫn còn. Nhận thức điều đó, Ông Viện-Trưởng Viện Đại-Học Huế đã lo việc chỉnh đốn tất cả châu-bản hiện còn sót lại, và tuyển những vị nho học khoa mục làm một quyển mục lục để khai-thác các châu-bản ấy !

Việc làm mục lục này, do Ô. Trần-Kinh-Hòa, giáo-sư sử địa Viện Đại-học trông nom. Trong một ngày gần đây, quyển mục lục sẽ được xuất bản và chúng ta sẽ biết rõ trong kho tàng quý báu sử liệu hiện còn được những gì.

BÙU-KẾ

NƯỚC ANH ĐÃ VÀ SẼ

LÀM GÌ CHO THANH-NIÊN ?

★ CÔ-LIÊU

(tiếp theo Bách-Khoa số 82)

NGHỀ NGHIỆP

Là n thế nào để luyện nghề và tìm việc cho 200.000 thanh-niên mỗi năm thêm vào thị-trường công-nhân

Bên Anh từ 1959 đến 1964 sẽ có thêm 1 triệu nam nữ học-sinh thôi học để tìm nghề. Trong tình trạng kinh-tế hiện thời không có phương tiện thu dụng con số 200.000 thanh niên mỗi năm tràn vào thị trường nhân công. Như vậy vấn đề quan trọng của nước Anh là khoáng trưng kinh-tế để thu dụng số nhân công ấy, hầu tránh nạn thất nghiệp, một hậu quả tai hại cho sự quân bình xã-hội.

..

Khoáng trưng kinh tế là trọng yếu, ngoài ra còn vấn đề luyện nghề cho thanh niên. Người ta thấy ít lâu nay các xí-nghiệp không coi việc tuyển thanh niên vào học nghề là một việc làm có lợi về sau, phần vì phải chi tiêu một khoản khá quan trọng, phần vì lương người học nghề cũng cao.

Người ta đề nghị chính-phủ giảm thuế hay cấp một khoản chi phí đặc biệt cho các xí-nghiệp muốn lấy thêm một số thợ học nghề. Các xí-nghiệp dùng những thợ chuyên nghiệp giỏi sẽ đóng một khoản thuế theo tỷ lệ số thợ chuyên nghiệp mình dùng để lập một thứ quỹ luyện nghề. Ngoài ra chánh-phủ còn có thể bắt buộc các xí-nghiệp phải tham dự công tác luyện nghề hay tự ý thiết lập những trung tâm luyện nghề.

Chế độ giáo-dục ở Anh còn nhiều khuyết điểm. Chương trình học các lớp dạy nghề cho thợ học việc vào những ngày nghỉ cứng nhắc nên không hợp với sức học và ngành chuyên môn của họ. Theo một cuộc điều - tra mới đây người ta biết sự thất bại lên tới 80%. Chương - trình ấy lại kéo dài tới 5 năm, không kể là loại chuyên môn nào. Các xí-nghiệp muốn lợi dụng thời gian đó để hưởng cái lợi của những người đã khá, làm

việc được, xí-nghiệp chỉ phải trả lương tập việc nghĩa là rất ít.

Chương-trình học kéo dài 5 năm như thế có cái hại như sau : Nếu thời gian cưỡng bách giáo-dục tăng đến 16 tuổi thì trẻ em sẽ không theo trung học phổ thông nữa vì phải học nghề ngay đến 5 năm sau kịp kiếm được khá tiền. Người đã học một ngành chuyên môn nếu sau muốn tiến lên một bậc chuyên môn cao hơn và hợp khả-năng hơn sẽ không có cách nào thực hiện được ý chí. Với sự tiến-bộ về kỹ-thuật ngày nay, khi một ngành chuyên môn dùng máy thay người thì chuyên viên khó lòng sang qua ngành khác.

Tất cả những khó khăn ấy làm cho người ta phải nghĩ đến cách thành lập những ủy ban giám-định xét lại các chương-trình luyện nghiệp, các lớp dạy thanh-niên vào ngày nghỉ riêng cho người tập việc (day-release). Phần học phổ-thông sẽ được đưa thêm vào.

Trên đây chỉ nói đến thợ chuyên môn giỏi. Còn từ 50 đến 60% thanh-niên nam nữ sẽ làm những việc dễ dàng hơn. Vấn-đề đặt ra như sau : vì sự phân công quá tỉ mỉ trong các ngành kỹ-nghệ, công việc người thợ chỉ là nhắc lại một vài cử chỉ cho thành thạo, nên hóa ra chán nản. Phải tổ chức lại công việc thế nào để tránh những hậu quả tai hại của việc làm máy móc. Ủy-ban giám-định phải giải quyết tình-trạng đó cho người thợ nhất là cho thể-hệ thanh-niên sau này.

..

Thời kỳ thanh-niên thôi học và chọn ngành chuyên công là thời kỳ thanh-niên phải quyết định một sự lựa chọn quan-

trọng. Nếu chọn được một nghề hợp khả-năng và tính tình thì thanh-niên có hy vọng xây dựng một cuộc đời xung túc hay no đủ. Đã có một nha hướng nghiệp cho thanh niên. Nha này thu thập rất nhiều tài liệu chỉ dẫn về các ngành hoạt động kinh tế và tiếp xúc với thanh niên, với phụ huynh, với thầy học của họ để biết rõ khả năng và xu hướng của họ. Nha có nhiệm vụ liên lạc với các xí nghiệp để tìm việc cho thanh niên. Tới ngày nay Nha này đã giúp cho 45% thanh niên có việc làm hợp ý muốn. Sau khi có việc làm Nha còn liên lạc với thanh niên đến năm 18 tuổi để giải quyết giúp những khó khăn gặp phải hoặc những trường hợp cần đổi nghề. Nha đã có những nhân viên hiểu biết sâu rộng về những hướng mới của kỹ-nghệ mà để phòng những hậu quả như trường hợp loại trừ một ngành chuyên môn cũ và tạo lập một ngành chuyên môn mới.

Nhưng Nha này chưa có điều kiện thỏa đáng để điều hành công việc cho hợp với nhu cầu của thời đại mỗi ngày một phức tạp và nhiều hơn, phần vì thiếu công quỹ, phần vì nhân viên chưa được đầy đủ khả năng.

Công việc phải làm cho ngày mai là cải thiện bộ máy ấy cho thích hợp với hiện trạng xã-hội và thành lập thêm một Trung-Tâm Nghiên-Cứu Nghề-Nghiệp cho thanh-niên (Central Research Unit).

HÔN NHÂN

Đặt vấn-đề giáo-dục tình cảm, lập quỹ tiết-kiệm cho thanh-niên chuẩn bị hôn-nhân

Trên kia đã nói đến xu-hướng thành-hôn sớm của thanh-niên ngày nay. Sự kiện ấy ảnh-hưởng đến việc học hành. Nếu thời-

gian cường-bách giáo-dục tăng đến năm 16 tuổi, thì sẽ có nhiều thanh-niên nam nữ còn đi học đã hứa-hôn hay thành-hôn. Như vậy, đối với học-sinh lớn, phải quan-niệm giáo-dục như công cuộc sửa soạn cho chúng vào đời.

Các vấn-đề tình dục vẫn được coi là một sự bí mật không ai dám động đến tuy rằng người ta đã hiểu tình dục của loài người khác hẳn loài vật. Tình dục làm cho con người phát sinh những nguồn tình cảm mãnh liệt ảnh-hưởng lớn lao đến đời sống. Tuy rằng giáo-dục có một thái-độ dè dặt với vấn - đề tình dục nhưng phương - diện thương-mại của vấn-đề đã được khai-thác tình - vi từ lâu. Biết bao nhiêu sản-phẩm thương-mại phục-vụ nam nữ về phương-diện ăn chơi, biết bao nhiêu sách vở, báo chí, phim ảnh khai thác ái tình để câu độc-giả trẻ tuổi, mà những món đó phần nhiều chỉ đem lại cho thanh-niên một hình ảnh sai sự thật về ái tình. Thanh-niên không thể tìm ở đây một đường lối, một phương châm xử sự thích hợp với thực-tế.

Ở thời đại này các vấn-đề gia-đình, tình-dục, tình-cảm cần được quan-niệm như một vấn-đề giáo-dục.

Trong xã-hội Anh, luân lý cương thường không phải hoàn toàn tốt đẹp. Năm 1957 có 7 000 trẻ em không cha ra đời, mẹ chưa đến 20 tuổi, 17.000 thiếu nữ dưới 19 tuổi có mang trước ngày cưới. Trong số 5 người con gái dưới 21 tuổi lấy chồng thì có 1 người ly dị. Những con số đó che đậy biết bao thống khổ tâm tình ! Nếu phổ biến sâu rộng những sự hiểu biết về tình ái, chuẩn bị hôn nhân chu đáo hơn, chắc có thể giảm bớt những con số đáng e ngại ấy.

Xu hướng tảo-hôn còn ảnh-hưởng đến khả-năng nghề nghiệp của phụ-nữ. Vừa mới thôi học họ phải hấp tấp tìm một nghề để nuôi gia-đình, sau này mắc bận con cái họ cũng không thể trau dồi khả-năng để tiến, xã-hội cũng không khai thác được những khả-năng tiềm tàng của phụ-nữ, đó là một sự thiệt thòi cho quốc-gia. Đảng Lao-Động nêu lên điểm này trong vấn-đề phụ-nữ với chức nghiệp để mọi người chú-ý đến hơn.

Nền tài chính của một gia-đình thanh-niên trẻ tuổi thường eo hẹp, nhất là khi có

Mối tình của nàng Didon

Thi-sĩ Virgile (Enéide IV, 23) đã cực tả cái tình si của nàng Didon, vợ góa của Sichée, khi thú thật với người chị em mới yêu đương thăm kín của nàng đối với Enée, cũng thăm thiết như mối tình yêu đương trước kia đối với chồng cũ : « *Agnosco veteris vestigia flammae* », ta nhận thấy dấu vết của mối tình nồng cháy thuở ban đầu. Câu trên, người đời sau thường dùng để chỉ những thị-dục, si mê chưa dập tắt hẳn được.

một hai con. Đối với đa số thanh-niên, vấn-đề nhà ở thật là một vấn-đề nan giải. Chánh quyền địa-phương đã có biện pháp cho vay để giúp vợ chồng trẻ kiếm nhà ở. Tuy nhiên còn phải dự định cho vay những khoản rộng rãi hơn để sắm đồ. Ngoài ra cũng nên tăng thêm các khoản phụ cấp gia-đình.

Nhưng biện-pháp trường cửu và thỏa đáng hơn cả là lập ra một quỹ tiết-kiệm để chi tiêu về hôn nhân như đã áp dụng bên nước Bỉ. Khoản tiền để dành đó sẽ khấu trừ vào lương ngay từ khi thanh-niên bắt đầu đi làm.

Một vấn-đề nữa có tầm quan trọng về phương-diện tâm lý là phụ-nữ khi đã mắc bện con cái thường sống cách biệt, ít liên-lạc với bè bạn, bà con, xóm giềng. Đã có những hội người vợ trẻ tuổi (Young Wives Clubs) trả lời vào tình-trạng ấy, nhưng trụ sở và phần việc ký nhi của hội chưa giải-quyết được thỏa đáng. Những hội này phải hợp tác với các tổ-chức thanh-niên để tăng tiến hoạt-động.

ĐỜI SỐNG

Phải bỏ những chế-độ ưu-đãi, đại-chúng học văn - chương, mỹ - thuật, cải-thiện thủ-tục làm việc để khuyến-khích thanh-niên tham dự vào đời sống cộng đồng. Đem lại cho thanh-niên những mục-tiêu lý-tưởng cao đẹp để họ theo đuổi ngoài mục-dịch thành-đạt và hưởng thụ.

Trên kia đã có nói thanh niên ngày nay cách biệt với người lớn, sự cách-biệt ấy càng ngày càng xa. Thanh-niên có những lối ăn mặc, những phẩm vật nhu dùng, những nơi thường lui tới khác với người

lớn và họ không ưa lui tới những tổ-chức của người lớn, họ muốn họp thành một cộng đồng riêng.

Nhưng ta không thể vì thế mà cho rằng thanh-niên không lưu-ý đến xã-hội. Trái lại họ nhiệt thành theo đuổi những công việc liên-quan đến đời sống của họ.

* *

Người ta cho rằng thanh-niên không ưa người lớn vì thanh-niên tính tình bông bột, hiếu động, không ưa cách làm việc nhiều giấy tờ, chậm chạp, thân trọng, tập-trung quyền chi-huy. Tham dự vào xã-hội người lớn thanh-niên lại còn có cảm-tưởng mình bất lực hay bị tước đoạt quyền.

Xã-hội ngày nay được tổ-chức một cách có sự hậu đãi những kẻ có khả-năng hay may mắn đã thành đạt vì họ chiếm hững nấc thang cao, còn phần đông đại chúng bình thường bị giam hãm trong những công việc chán ngán, cách sống xô bồ. Loại sau này thường có cảm-tưởng thất bại trên đường đời. Sân khấu, âm-nhạc, mỹ-thuật phản chiếu rõ ràng hai tính chất bình-dân và trí-thức. Có âm-nhạc cổ-diễn hay snob cao-kỳ khác với âm-nhạc khiêu-vũ, nhạc nhẹ bình-dân. Có chương-trình phát-thanh BBC cao hơn chương-trình ITA. Có báo-chí cho trí-thức, lại có báo-chí cho bình dân. Có trường Tự-Do (cho con nhà giàu) đối-diện với trường nhà nước v.v... Thanh-niên không thể không nhận thấy sự cách biệt ấy. Vì thế quan-niệm chánh-trị, xã-hội và giáo-dục cần phải đi đến một phương thức đại-chúng.

Tất cả những gì người ta làm ở xã-hội Anh ngày nay chỉ chú-trọng vào mục-tiêu

khuyến-khích thanh-niên thành-đạt và hưởng-thụ. Người ta không đề - nghị một tiêu chuẩn nào khả dĩ thức tỉnh quan-niệm lý-tưởng tiềm tàng của thế - hệ thanh - niên. Phải làm sao gây được sự thông-cảm giữa thanh - niên và những người theo đuổi những công cuộc khảo-sát khoa-học không vụ lợi hay hoạt-động trên địa hạt triết-lý nghệ-thuật để thanh niên có ý-thức cao đẹp về cuộc đời ngoài mục-dịch thành-đạt và hưởng-thụ.

Trên thực - tế những nhận xét trên đây giắt đến kết-luận phải cải-thiện thủ-tục giấy tờ, phá bỏ những thành trì ngăn cách giai cấp, phế bỏ những ưu đãi trong chế-độ giáo-dục, tăng cường ý-thức cộng-đồng. Nếu đạt được những mục - tiêu ấy người ta có thể thay đổi hẳn xã-hội nước Anh.

Đó là những vấn-đề to rộng của xã-hội Anh, hơn thế, của bất cứ xã - hội nào, có liên-hệ mật thiết đến vấn-đề thanh-niên. « Thanh-niên là tấm gương để trước mặt xã-hội, hình-ảnh xã-hội chiếu vào gương, người ta không thể thay đổi hình ảnh nếu không thay đổi vật để trước gương ».

Dưới đây là một vài đề-nghị giúp cho thanh-niên tham-dự vào đời sống đoàn-thể ngõ hầu lấp cái hố ngăn cách tuổi trẻ và người lớn bấy nay.

..

Ở Anh có hai cơ-quan khả dĩ thu hút được thanh-niên vì ý nghĩa cao đẹp, tinh-thần bác - ái, hoạt - động lại trả lời vào ý muốn phiêu lưu, thám-hiêm của thanh-niên. Ấy là hội Quốc-Tế Tình-Nguyên Làm Việc Cho Hòa - Bình thành-lập sau

hội Đại-Chiến và hội Quốc-Tế Tình-Nguyên Xuất-Dương mới thành-lập gần đây.

Hội trên chú-trọng đến những công cuộc từ-thiện, cứu trợ, như xây cất và tổ-chức những viện cho người mắc bệnh nan-y, cho người già cả. Hội-viên hoạt-động trong nước hay sang hoạt-động bên các nước bạn. Hội sau có mục-dịch tuyên người sang hoạt-động giúp các nước hậu-tiến. Hai hội này có triển-vọng khoáng trướng và tăng cường hoạt-động nhưng bị trở ngại vì tài-chánh eo hẹp. Người ta đang nghĩ cách xin tăng gia ngân-quỹ để hoạt-động mạnh mẽ hơn.

Người ta cũng nghĩ đến cách lập ra những loại trợ cấp riêng để giúp những thanh-niên có trí hướng khác thường, ngoài khuôn khổ thông thường. Muốn hưởng những khoản trợ cấp ấy thanh-niên phải có một chương-trình hoạt-động thật mới lạ và tỏ ra có khả-năng và thiện-chí.

Chương trình học hay huấn nghiệp ngày nay được tổ-chức một cách khiến cho khi thanh-niên đã chọn một nghề là phải theo nghề ấy suốt đời. Người ta nhận thấy khả-năng của thanh-niên có khi phát-hiện rất chậm, nếu sau này muốn đổi nghề cho hợp với tài chí hơn thật là khó. Vì vậy người ta nghĩ đến cách giúp phương-tiện cho họ tìm một lối thoát.

Các nghiệp-đoàn có thể giúp thanh-niên nhiều về phương-diện này. Nói đến nghiệp-đoàn người ta nhận thấy thanh-niên Anh hầu như có thái-độ lãnh đạm. Nghiệp-đoàn phải chú trọng đến thanh-niên hơn trước, đó là một lãnh vực hoạt-động quan-trọng mà ảnh-hưởng xã-hội to tát.

..

Sau hết là vấn-đề hạn tuổi bầu cử của thanh-niên. Hiện nay ở Anh Thanh-niên 21 tuổi mới được đi bầu. Hạn tuổi ấy đã được quyết-định từ lâu, không hợp với tình-trạng ngày nay nữa, mà lạ lùng là Quốc-Hội chưa hề đề ý đến. Ủy-Ban thanh-niên của đảng Lao-Động đề nghị rút xuống 18 tuổi, vì tới tuổi 18 thanh-niên đã đủ lớn khôn để đi quân-dịch, lập gia-đình, chịu trách-nhiệm về việc làm của mình; Hạ hạn tuổi bầu cử xuống người ta tạo cho thanh-niên cơ hội tham dự nhiều vào việc chung của quốc-gia.

* *

Bản nghiên-cứu vĩ-dại này được viết ra với quan-niệm đào-tạo một thể-hệ thanh-niên được võ-trang tinh thần và vật-chất đầy đủ trước khi vào đời để sau này thanh-niên có khả-năng cải-tiến và hoàn

thiện những cái gì người lớn không làm được vì mỗi một, bất lực. Nguồn hy-vọng độc nhất của chúng ta, chúng ta đặt vào thanh-niên. Chúng ta thành-khẩn muốn cho họ có tràn trề nhựa sống, hừng khởi và lạc-quan khi chúng ta giao lại cho họ một tương-lai còn phải xây dựng nhiều.

Nước Anh là một nước tiến tiến, cơ-cấu tổ-chức xã-hội của người ta đã có những nền tảng vững chắc làm khởi điểm cho sự tăng tiến mai hậu. So sánh với họ chúng ta có nhiều khuyết-diểm nhưng cũng có ưu điểm. Nhận xét chung thì với sự cố-gắng của chúng ta trong mấy năm nay chúng ta đã đạt được nhiều căn-cứ thiết-yếu để phát động một phong-trào thanh-niên theo gương mẫu nước người, chúng tôi sẽ trình bày những quan điểm riêng trong một bài hác.

CÔ-LIÊU

★ Có một phương-pháp sinh-hoạt và tư tưởng, tôi gọi là tiêu-cực, và có một phương-pháp khác, tôi gọi là tích-cực.

Phương-pháp trên là phương-pháp bới lông tìm vết, xét nét những khuyết-diểm của người và của định-chế, cốt để thẳng thắn, hơn là để sửa chữa; lúc nào cũng nhìn về phía sau, và chỉ những muốn kiếm chuyện chia rẽ, gây sự bất hòa.

Phương-pháp sau là phương-pháp vui vẻ nhìn thẳng vào cuộc đời và vào nhiệm-vụ; tìm điều hay, điều tốt của người để mở mang, vun trồng; không bao giờ tuyệt vọng về tương-lai, vì coi tương-lai là kết-quả của ý-chí; xót xa vì lầm lỡ và hèn yếu của người, sự xót xa làm phát sinh ra hành-động và không để ta sống cuộc đời vô ích. (Elisabeth Leseur).

★ Khi trách-vấn, nên phân biệt sự-kiện do ta nhận xét thấy rõ ràng và sự-kiện do ta biện-giải ra; bạn có thể bảo một cộng-sự viên làm việc sơ-khoáng, cầu-thả (sự-kiện nhận xét thấy rõ ràng), song nếu bạn bảo người ấy ngu đần, dốt nát (sự-kiện biện-giải), người ấy có thể giận bạn đến chết, và chẳng bao giờ tin nhận xét của bạn là đúng. (Courau)

Thành-tích năm mươi năm khoa-học (1900-1950)

(Tiếp theo B.K. số 81)

Lý-thuyết đề giảng-giải sự-sống :
Lý-thuyết vật-lý học và lý-thuyết hóa-học
(Théories physiques et chimiques de la vie)

Trước những tiến-bộ lớn lao của khoa-học, nhiều nhà bác-học đã tìm cách đề hiểu sự sống và giảng-giải thế nào là sự sống. Vấn-đề này thật ra có đã từ lâu và có lẽ ngay từ lúc có loài người trên trái đất, Cồ-Kim, Đông-Tây, biết bao nhiêu nhà hiền triết, biết bao nhiêu nhà tu-hành của đủ các tôn-giáo trên hoàn-cầu đã xây đắp không biết bao nhiêu là giả-thuyết đề cố giảng-giải cho phần đông loài người biết thế nào là sự sống. Đến thế-kỷ thứ 20, vấn-đề này đã từ địa-hạt triết-học chạy sang địa-hạt khoa-học. Xưa kia có thuyết cho sự sống là do một ông Thần, ông Thánh nào đó tạo ra, Ky-tô giáo cũng có một thuyết tương tự. Nhà Nho bên Trung-Hoa và bên Viễn-Đông thì theo đúng lý-thuyết trong kinh

truyện mà tin rằng « Bàn-Cồ thủ xuất. Thủy phán âm-dương v.v... » Lại còn có thuyết cho sự sống chỉ là một mãnh-lực hiện ra trong một vũ-trụ không có thần thánh, không có Chúa Trời gì cả. Đó là lý-thuyết của phái Hoạt-lực (*vitalisme*). Các nhà thông-thái đầu thế-kỷ thứ 20 thì phần đông cho sự sống là do những động-lực sinh ra bởi những phản-ứng hóa-học và vật-lý-học. Một khi hiểu rõ được cái « máy huyền vi » của lý-hóa học thì có lẽ sẽ giảng-giải được sự sống một cách dễ dàng hơn. Nhưng buồn một nỗi đến hiện nay cũng chưa ai vén được cái màn bí mật đó và cũng chưa có một nhà thông-thái nào trên hoàn-cầu đã có thể chế-tạo ra một chất sống nào cả. Tuy nhiên con đường chung cho tất

cả các sự thí-nghiệm, tìm tòi, khảo-sát, con đường đó đều hướng về mặt giải-thích sự sống bằng lý-hóa tổng-hợp (explication physico-chimique de la vie).

Ở đây chúng ta hãy nói phác qua vài giả-thuyết về sự sống. Theo nhà bác-học Robertson đã cố công nghiên-cứu trong 20 năm trời (từ 1908 đến 1928) về tính-cách sự sống, thì sở dĩ một vật sống có thể sinh sôi nảy nở được, chẳng qua cũng chỉ do một phản-ứng hóa-học dài vô cùng, bắt đầu từ lúc vật đó sinh ra cho đến lúc nó chết, mới hết. Không những thế mà thôi, nguyên-hình chất (protoplasma), và các thành-phần của nó đều có tính chất của loại "Cô-lô-ít-dờ" (Colloïde : Trung-Hoa dịch là *Giao-trạng* thề, tức là một vật có tính chất như chất keo. Người Trung-Hoa đã dịch theo đúng gốc của chữ *Colloïde*, ở chữ Hy-lạp *Kollôdês* mà ra, và có nghĩa là keo, hồ... (hồ đề dán). Chữ *Colle* trong tiếng Pháp, chính nghĩa là hồ. Ngoài Bắc-Việt, xưa kia thường phiên âm *colle* ra cồn, và vì lỗi phiên-âm cầu thả ấy, mà có nhiều người nghe chữ cồn lại nhầm và tin là do chữ *Alcool* của Pháp mà ra). Tất cả sức hoạt-dộng của nguyên-hình chất cũng như của mọi thành-phần đều do diện-tích lớn hay nhỏ của các hạt mi-xen (*micelle* : chữ này do ông Naegeli đặt ra từ năm 1877 để chỉ đơn-vị nhỏ bé nhất của chất sống. Đơn-vị này có thể do nhiều *phân-tử* (molécule) hợp thành và cũng có đủ tính chất của một chất sống, nghĩa là có thể sinh sôi nảy nở được...) Những hạt mi-xen này ở trong phạm-vi nhỏ bé của từng tế-bào một. Theo giả-thuyết ấy, người ta có thể coi một mi-xen như một phân-tử "Cô-lô-ít-dờ" rất lớn. Và giả-thuyết này,

dựa trên cơ-sở "cô-lô-ít-dờ" đã được mệnh-danh là thuyết Cô-lô-ít-dờ của sự sống (Théorie colloïdale de la vie). Thuyết này đã được nhiều nhà bác-học như Lumière, Rudzika và Marinesco hưởng-ứng và tán-thành. Ông Lumière cho rằng sự già nua chẳng qua cũng như một chất cô-lô-ít-dờ bị hết nước mà khô lại.

Hiện-tượng chung ấy đã được mệnh danh là "nhứ-trạng phản-ứng" (réaction de flocculation) hay "nhứ-ngưng tác-dụng", chữ *nhứ* ở đây có nghĩa là những sợi, những lông, dịch đúng nghĩa chữ flocculation trong tiếng Pháp, vì người ta nghiệm thấy rằng khi một dung dịch cô-lô-ít (solution colloïdale) đọng lại, thì có nhiều chất như hình lông sợi, lắng xuống ở dưới đáy lọ thành từng cụm, từng bông một (flocons). Để cho ta hiểu rõ hơn, ông Lumière ví sự chết như chất lòng trắng trứng gà khi chất này đông lại. Thuyết "cô-lô-ít-dờ" của sự sống đã được nhiệt-liệt hoan-ngênh, và sau này, tuy nó không giải-thích được trọn vẹn thế nào là sự sống, nó cũng đã bắt người ta phải chú ý đến một phương-diện quan-trọng của vấn-đề này. Năm 1935, ông Stanley trong khi khảo-cứu về bệnh Mosaïque du tabac, đã tìm cách bắt được con vi-trùng rất nhỏ (virus) của bệnh ấy dưới hình-thức kết-tinh (état cristallisé). Lúc đầu mọi người còn hoài-nghi về công việc của ông, cho mãi đến năm 1942, nhờ có kính hiển-vi điện tử (microscope électronique) và kỹ-thuật chụp ảnh hoàn-hảo hơn, người ta đã chụp được hình của những "via-ruyết-sờ" ấy và người ta phải công nhận rằng những loại "via-ruyết-sờ" này tuy với hình-thức kết-tinh, có thể là những sinh-vật, hay ít ra cũng là một giai-đoạn hay một vòng xích

nổi liền sinh-vật với vô-sinh vật. Trước sự huyền-bí phức-tạp của một tế-bào sống, các nhà sinh - vật học đã tự hỏi có lẽ nên nghiên - cứu tỉ mỉ hơn, tinh - vi hơn, hiện - tượng của sự sống, không phải ở trong tế-bào nữa, vì tế - bào cũng vẫn còn to quá, mà phải khảo-cứu hiện tượng sống trong loại « gène » (di - truyền tử). Bắt đầu từ đó, đơn - vị của sự sống không còn là tế - bào nữa, và ai nấy đều đề ý đến công việc tìm tòi tính chất của loại gène (gie-nờ). Chữ gène trong tiếng Pháp, cũng như chữ gene trong tiếng Anh-Mỹ, đều do ở chữ Hy-Lạp *genos* mà ra. *Genos* nghĩa là nguyên-thủy sinh-sản. Chữ này đã tạo ra một loại chữ trong tiếng Pháp hay tiếng Anh như những chữ *gène*se (căn-nguyên), *géné*tique (do *Bescherelle* tạo ra từ năm 1846) có nghĩa là ngành khoa-học chuyên khảo về loại gène, người Trung-Hoa, Nhật-Bản dịch là *Phát-Sinh học*, *Tiến-Hóa học* hoặc là *Di-truyền học*. Ngành khoa-học này hiện giờ rất phát-triển ở bên Mỹ và bên Nga, nhất là từ sau chiến tranh lần thứ hai. Theo quan-niệm của các nhà khảo cứu thì đơn-vị của sự sống là một gène, và gène có thể coi là một phân-tử (*molécule*) pơ-ro-tê-in (*pro-téine*) chỉ phối toàn thể các bộ phận con người bằng những oóc-môn (*hormones*) đặc-biệt. Một gène có lẽ là một thứ men hay là tổng hợp của nhiều men khác nhau (*ferment*) và như vậy thì một via-rút (*virus*) có lẽ cũng chỉ là một *gene* vô định mà thôi. Năm 1945, ông *Schrödinger*, một trong những nhà bác-học sáng tạo ra ngành cơ-học ba-dộng (*Mécanique ondulatoire*), đã xuất-bản một cuốn sách nhan đề là « *What is life?* » (Sự sống là gì?) trong đó ông có nêu lên vài giả-thuyết rất

táo bạo và cũng rất lý thú về cách cấu-tạo và tổ-chức của chất sống...

Ngài vấn-đề này, còn một vấn-đề khác cũng mịt mờ khó hiểu là công việc tìm kiếm đề biết được là sự sống đã bắt đầu từ bao giờ trên trái đất, và bắt đầu bằng cách nào? Vấn-đề này thực ra thì từ xưa đến nay, bên Âu cũng như bên Á, các nhà khoa-học cũng như nhiều triết-gia, thi-sĩ, đã từng nêu lên và đến nay cũng chưa ai giải-quyết nổi. Đời Đường, *Trương-Nhược-Hư* trong bài « *Xuân giang Hoa nguyệt dạ* » đã có viết hai câu thơ rất hay, tựu chung cũng không ngoài ý-kiến muốn biết sự khai thiên lập địa ra sao? Hai câu thơ ấy như sau :

... *Giang bạn hà nhân sơ kiến nguyệt?*

Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân?

Phần đông các nhà sinh-vật học, không dám đả-động đến vấn-đề này. Năm 1918, ông *Osborn* có nêu ra thuyết sinh-lực (*théorie énergétique*) nhưng được ít người hưởng ứng. Năm 1942 hai ông *Dauvilliers* và *Desguins* đưa ra một giả-thuyết khác. Theo hai nhà bác học này thì vỏ trái đất sau khi đã « đóng bánh » lại, và sau khi các đại-dương đã xuất-hiện, thì không-khí bao bọc trái đất (không-khí lúc ấy mới chỉ có đạm-khí, cùng với hơi nước và khí các bô-ních mà thôi, chưa có dưỡng-khí) là thứ không-khí hầy còn rất trong và loại ánh-sáng tử-ngoại (*ultra-violet*) của mặt trời có thể đi suốt qua được. Loại tử-ngoại tuyến này khi xuyên qua từng

(1) Ngô-Tất-Tổ đã dịch ra Việt văn :

« ... Thời ai đầu thấy trăng sông ? »

Năm nao trăng thoát sợi trong cội người ? »

(trích ở cuốn *Đường Thi*, trang 50 - Nhà xuất bản Tân-Đầu Hà-nội 1942).

lớp không-khí, đã tạo ra chất An-đê-hít phoóc-mích (*Aldéhyde formique* hay là *Formaldehyde*) từ ở hơi nước, và an-hít-rít các-bô-níc (*anhydride carbonique*).

Trung-Hoa dịch *anhydride* là *can* và Nhật dịch là « vô-thủy hóa-hợp vật ».

Sau khi đã thành chất « An-đê-hít phoóc-mích » (*Aldéhyde formique*), chất này vì một tác dụng « tụ-hợp » (*polymérisation*) lại sinh ra nhiều chất đường (*glucides*) càng ngày càng phức tạp hơn. Từ ở đó mới bắt đầu phát-sinh ra dưỡng-khí, và ở chất dưỡng-khí ấy, một phần sẽ hoá ra ô-dzôn (*ozone > O3*). Chất ô-dzôn này, có lẽ đã cản những tia sáng ngoại-tử. Và cũng từ đây trở đi, với nhiều ảnh-hưởng khác xảy ra trong vũ-trụ như những hiện-tượng : điện trong không-khí, quang-hợp thành, (*photosynthèse*), v.v... nhiều đám sinh chất cô-lô-ít bắt đầu xuất hiện trên mặt nước. Những đám

cô-lô-ít ấy lúc khởi thủy chưa chắc đã là những vật sống, mà hẳn là đã phải qua nhiều giai-đoạn kết-tụ, tổ-chức, diễn tiến không ngừng để dần dần đến một trình-độ « tiền-sinh » (*prévivant*). Giai đoạn tiền-sinh này có lẽ đã cấu-tạo ra một mức sống tiền-tế-bào (*vie précellulaire*) mãi lâu về sau mới phát xuất được một sự sống hoàn-toàn dựa trên cơ sở của tế-bào. Giả thuyết này, của 2 ông Dauvilliers và Desguins, mới nghe, kể cũng tạm gọi là có lý, nhưng dù sao cũng vẫn chỉ là một giả thuyết và còn phải đợi nhiều bằng-cứ đến chứng-minh xem có đúng với sự thực khoa-học không? Từ đó đến nay người ta vẫn còn chờ đợi những chứng cứ ấy và hiện giờ vấn-đề này có thể coi như là chưa được giải quyết xong.

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

KỶ TỚI: Những khoa sinh-vật học.

- ★ Có điều rất tai hại là nhiều người coi việc giáo-dục là cách lợi-dụng sự lầm lỗi của người, để đem sự lầm lỗi ấy giờ qua giờ lại trước mặt họ mãi mãi, cho tới khi họ chỉ còn ý-thức được họ là một phạm-nhân, không có hy-vọng ngóc đầu lên được nữa (Foerster)
- ★ Khi bạn thấy cần trách vấn, bạn nên trách vấn dưới hình-thức một lời khuyên bảo cương quyết. Bạn đã « nói lời », thì phải « giữ lời ».
- ★ Lời trách vấn của kẻ làm đầu không nên như gáo nước lạnh giội vào xương sống người ta, mà nên như hơi thở làm tăng nhiệt khí lên. (Lamirand)
- ★ Khi nhận một việc nhỏ nhít, nhắc nhở lại hết mọi lầm lỗi của một người đã phạm từ trước, thật chẳng khác nào như giam hãm mãi người ấy ở trong những kỷ-niệm xấu xa của họ. (Duhamel)

Xin xem từ Bách Khoa số 82

DOSTOÏEVSKY

(1821-1881)

Một kẻ suốt đời
chịu đau khổ
để viết

*Pour bien écrire, il faut souffrir,
souffrir*

DOSTOÏEVSKY.

Cung nhi hậu công

ÂU-DƯƠNG-TU.

...Trả hết những món nợ gấp cho anh thu xếp xong chỗ ăn chỗ ở cho các cháu và đứa con riêng của vợ, ông lại đi du-lịch ngoại quốc và từ đây bắt đầu quãng đời lang thang, cơ hàn đề nhục nhất của Dostoïevsky...

Chỉ tại cái máu cờ bạc của ông. Tới tỉnh nào có sòng bạc lớn, ông cũng ghé, rồi la cà suốt đêm ngày ở bên tấm thảm

xanh, say mê trong cuộc đen đỏ. Hết được thì tiêu xài trong một vài ngày, lại tiệm cầm đồ chuộc quần áo ; rồi khi nào thua cháy túi thì cầm bán đồ đạc, nhịn đói, viết thư xin tiền, chịu những cảnh rất nhục nhã. Có lần chủ một khách sạn mắng vào mặt ông : « Chú không cần ăn vì chú không biết kiếm ăn. Tôi sẽ bảo bồi pha trà cho chú. Thế thôi. » Ba ngày như vậy, sáng tối chỉ có trà, mà ông không thấy đói, chỉ oán

chủ khách sạn là không đốt cho ông một cây nến để ông viết. Ông gởi đi khắp nơi những bức thư không dán cò — tiền đâu mà mua cò ? — giọng như mếu, như khóc, năn nỉ, van lơn, thề sống thề chết là sẽ không dám quấy rầy nữa, sẽ chờ hần, không cờ bạc nữa, để xin năm mươi rúp. Các tiệm cầm đồ nhấn mặt ông, các ngân hàng cũng nhấn mặt ông vì ngày nào ông cũng khoác cái áo lem luốc, vác bộ mặt thiếu não lại hỏi hai ba lần xem thư gởi tiền cho ông đã tới chưa.

Càng túng lại càng phải viết cho nhiều, để trả nợ, vì chủ nợ thúc mỗi ngày mỗi gấp. Trong nhật ký, ta thấy đoạn này :

“ Làm sao tôi có thể viết được bây giờ đây ? Tôi đi đi lại lại trong phòng, tôi bứt tóc, và ban đêm tôi không ngủ được. Tôi nghĩ đến cảnh cùng quẫn của tôi mà hóa điên ! Và tôi đợi ! Trời ôi, tôi thề rằng không thề nào tả tí mĩ nỗi cơ hàn của tôi lúc này ! Nghĩ tới mà xấu hổ... Vậy mà người ta buộc tôi phải viết cho có nghệ-thuật, phải trong trẻo, phải nên thơ một cách tự nhiên, không cuồng nhiệt, và người ta bảo tôi noi gương Tourgueniev với Gontcharov ! Sao họ không xét giùm hoàn-cảnh tôi làm việc ra sao ! ”

Nhưng rồi ông cũng viết xong và cần thận bộ *Tội lỗi và hình phạt* (*Crime et châtiment* — xuất bản năm 1866) dày năm trăm trang. Raskolnikov, một sinh-viên nghèo, tự đắc, tìm cách thoát cảnh túng bần. Chàng thấy một cụ già giàu có, chuyên sống về nghề cho vay nặng lãi, nảy ra ý giết cụ để đoạt tiền của, vàng bạc của cụ. Chàng nghĩ : “ Cụ đó hút máu

xã-hội như một con chó. Để cho cụ sống chỉ hại cho xã-hội. Giết cụ đi rồi dùng tiền của cụ để giúp mẹ chàng, em gái chàng, để tiếp tục sự học của chàng rồi sau này thành tài, giúp lại những người khác, như vậy có phải là hữu ích hơn không : diệt một mạng để cứu cả ngàn mạng khác. ” Nghĩ vậy, chàng thực hành ý định, ám sát cụ già và, vì bất buộc, giết luôn cả người chị (hay em) của cụ, vợ vét hết cả tiền nông, vàng bạc, trốn khỏi, không lưu lại một dấu vết gì cả, thành thử công an và tư-pháp không kiếm ra được thủ phạm.

Nhưng chàng không được yên ổn sống. Vài bữa sau, hình phạt của lương tâm bắt đầu. Mỗi ngày chàng bị lương tâm cắn rứt một chút, rồi lần lần chàng tìm thấy được nguyên do đích xác của tội lỗi : chàng giết người không phải vì cụ già đó đáng ghét, không phải vì mẹ chàng và em chàng nghèo, không phải vì chàng muốn giúp xã-hội, mà cũng không phải vì chàng cần tiền. Chàng giết người chỉ vì chàng tự đắc, tự cho mình là cao cả, không cần phải theo luân-lý của quần chúng. Chàng cũng như Nã-Phá-Luân, hoặc những nhà độc-tài, tin rằng mục-dích đủ biện hộ cho phương tiện. Nhưng chàng đã lầm, giết cụ già mà chính là tự giết mình, diệt cái “ ánh sáng thần linh ” trong bản thân mình. Và chàng ân hận nhận rằng một nhân mạng dù thấp hèn đến đâu cũng có giá-trị hơn một tư-tưởng trừu tượng của ta. Không có mục-dích nào biện hộ cho sự giết người được, vì một người, dù độc ác, dù vô ích cho xã-hội, cũng là hình ảnh của Thượng-Đế, cũng được Thượng-Đế yêu thương, không nở bỏ.

Muốn cho vơi nỗi lòng, chàng thú tội với một gái điếm, tên là Sonia. Sonia khuyên chàng thú tội với cảnh sát để chịu sự đau khổ và chuộc tội bằng sự đau khổ. Chàng nghe lời, ra ty Cảnh - sát tự thú... Tòa án đày chàng đi Sibérie. Sonia đi theo. Sự ân hận đã chuộc được tội cho Raskolnikov.

Tiểu-thuyết *Tội lỗi và hình phạt* được mọi giới hoan - nghênh, vì nó vừa là một truyện trinh - thám (truyện trinh - thám đầu tiên có giá-trị của nhân-loại), vừa là một truyện tình cảm, lại chứa một luận - đề triết lý.



Ngày mùng một tháng 10 năm 1866 (lúc đó ông đã về nước) ông sực nhớ rằng chỉ còn có một tháng nữa phải giao một tiểu-thuyết cho nhà xuất-bản đã đưa ông ba ngàn rúp hồi hai năm trước. Mà ông chưa viết được trang nào, cũng chưa nghĩ được cốt truyện. Ông đã quên bằng hăn đi. Ông luýnh quýnh, hoảng hốt, nói với bạn :

— Thôi, chết rồi. Hông cả đời tôi rồi. Đây anh coi tờ hợp-dồng này thì biết. Làm sao giữ hẹn được bây giờ ?

— Thế này thì nguy thật. Có một cách là anh nghĩ cốt truyện đi, rồi kể sơ cho bốn năm bạn thân, nhờ mỗi người viết tiếp anh một chương, như vậy mới kịp được.

— Nhờ người khác viết rồi ký tên tôi ? Không khi nào tôi chịu như vậy.

Người bạn suy nghĩ một lát rồi nói.

— Còn một cách nữa là anh đọc cho một người chép bằng tốc ký rồi người đó đánh máy lại.

Dostoievsky bằng lòng. Ông bạn kiếm được một cô tốc ký gia-đình khá giả, mới hai mươi tuổi, tên là Anna Grigorievna, và ngay hôm đó, Dostoievsky bắt đầu sáng tác bằng miệng tiểu-thuyết *Con bạc* (Le joueur) trong đó ông tả những ngày ông ham mê cờ bạc khi đi du-lịch Tây-Âu với Pauline Souslov. Ông đi đi lại lại trong phòng, đọc rất nhanh đến nỗi cô Anna ngày đầu chép không kịp, muốn khóc. Ít bữa sau cô quen lặn, và tới ngày 30-10, thì tác-phẩm đánh máy xong, sửa chữa xong, ông đem lại cho nhà xuất-bản, nhưng hăn đi vắng. Ông tính ý, hiểu mưu gian của hăn, nên đi thẳng lại ty Cảnh-sát, kể rõ đầu đuôi, giao cho Cảnh-sát trưởng, lấy biên-lai, như vậy nhà xuất-bản không thể kiện ông vào đâu được.

Sau một tháng làm việc chung với cô Anna, Dostoievsky thấy yêu cô, giữ cô ở lại làm thư ký đánh máy. Ông muốn hỏi cô làm vợ, nhưng cũng như Tolstoi, ông ngượng ngùng, chỉ sợ bị từ chối : người ta con nhà tử tế, có học, còn hơ hớ cái xuân, mà mình thì hơi ơ ! đã bốn mươi bốn tuổi, lại góa vợ, phải gánh vác hai gia-đình, mà lại nghèo, lại cờ bạc. Do dự lâu lắm rồi ông dùng một kế, một kế không nên thơ như kế hỏi vợ của Tolstoi, nhưng cũng là tài tình, chỉ một tiểu thuyết gia mới nghĩ nổi. Ông hỏi cô :

— Cô Anna này, tôi mới nghĩ xong một cốt truyện, nhưng có một đoạn về tâm-lý tôi giải quyết không được, cô giúp tôi nhé ?

Cô mừng lắm. Được một đại văn hào mời góp ý-kiến thì còn gì vinh dự cho bằng ? Cô đáp :

— Em sẵn lòng lắm, chỉ sợ không giúp được ông thôi.

— Tôi chắc cô giúp được. Vì là vấn đề tâm lý của một thiếu nữ như cô. Trước kia, hễ viết về thiếu nữ thì tôi hỏi một cô em họ tôi, nhưng nay cô ấy ở xa, nên tôi phải hỏi cô. Truyện như vậy : một họa sĩ không còn trẻ... tuổi cũng vào khoảng tuổi tôi vậy..., sống cô độc, khổ sở lắm, chỉ ước ao được trời ban cho một chút hạnh phúc, được ai an ủi cho một chút,... rồi tình cờ gặp một thiếu nữ, thông minh, nhu mì, đa cảm. Vấn đề tâm lý ở chỗ này : thiếu nữ đó có thể thành thực yêu họa-sĩ đó được không ? một họa-sĩ có tài.. Thí dụ như họa-sĩ đó là tôi đi, còn thiếu nữ đó là cô đi, và tôi.. thú thực lòng tôi với cô, thì...

— Thì em sẽ trả lời rằng : Em yêu ông, sẽ yêu ông suốt đời.

Đúng là một trang tiểu thuyết. Song thân cô Anna trọng tài Dostoïevsky bằng lòng gả con ; nhưng họ hàng ông thì tỏ ý phản đối : một phần vì tư lợi (họ sợ tác quyền của ông sau này sẽ về tay người khác), một phần vì ngại cho hạnh-phúc của ông (chồng già, vợ trẻ như vậy thì hòa thuận với nhau sao được).

Ông nhất định theo ý mình: năm sau (1867) làm lễ cưới, và đó là một điều đáng mừng cho ông. Lạ lùng thật ! Hai văn hào bậc nhất của Nga, Tolstoi và Dostoïevsky đều có những bà vợ rất trẻ, cả hai bà đều không hiểu gì nhiều về văn-chương nghệ-thuật, nhưng đều giúp chồng được nhiều trong cuộc sáng tác, bà Tolstoi thì chép lại bảy lần bộ *Chiến-tranh và Hòa-bình* còn bà Dostoïevsky thì suốt mười mấy năm,

đánh máy tác phẩm cho chồng ; cả hai lại đều có óc thực tế, biết tính toán, trông nom việc nhà. Nhưng Tolstoi khổ vì vợ thì trái lại Dostoïevsky làm cho vợ khổ.

Cô Anna nhà chỉ khá-già chứ không giàu. Mới cưới xong cô phải xin cha mẹ một số tiền để trả bớt nợ cho chồng. Nhưng con nợ nhiều quá, ngày nào cũng tới thúc, ông lại tính tới việc đi du-lịch ngoại quốc để trốn nợ.

..

Hai ông bà xa quê lần này tới bốn năm. Tới Berlin, Dresde rồi Dostoïevsky lại sà vào sòng bạc.

Stefan Zweig bảo ông đánh bạc không phải vì ham tiền, mà vì muốn tìm những cảm-xúc mãnh liệt, muốn sống một cách thực say mê, muốn được hưởng cái thú rờn-rợn của một kẻ " đứng trên đỉnh một ngọn tháp cao, nghiêng mình ngó xuống vực thẳm. " Lời đó đúng. Chính Dostoïevsky trong truyện *Con bạc* cũng tự thú : " Tôi thấy như có một dự-vọng phá mưu toan của định mạng, ngạo mạn, thách đố định mạng ". Hình như ông nghĩ rằng đời đã bắt mình nghèo khổ hoải, thì thôi chẳng cần gì nữa, chơi cho thua hết đi, xem cái cảnh nghèo túng cùng cực nó ra sao. "

Ông bỏ bà vợ trẻ mới cưới năm ở khách-sạn để đi đánh bạc thâu đêm. Có khi ông đi tới một tỉnh khác để tìm sòng bạc, cả tuần mới về với vợ một lần, mà lần nào về, mặt cũng bơ phờ, túi cũng rỗng tuếch. Ông quỳ xuống, khóc lóc, năn nỉ : " Mình tha lỗi cho anh, đừng coi

anh như đồ chó má. Anh đã mang một tội lớn. Anh đã thua hết, hết nhẫn rồi ». Nhưng chỉ hôm sau, hay ngay hôm đó, ông lại xin bà một số tiền nữa để đem nướng ; nướng hết rồi lại trở về, lại khóc lóc, năn nỉ, ân hận, hứa đủ thứ ; nhưng chỉ giữ lời được vài ngày rồi đầu lại vào đó. Như vậy trong bốn năm. Ta thử tưởng tượng nỗi khổ của bà ra sao. Ở xứ lạ quê người, con thì mới sanh (con gái đầu lòng sanh năm 1867, được ít tháng thì chết) mà chồng thì suốt đêm mê mẩn trong cuộc đen đỏ ; có lần ông cầm bán hết cả tư trang, quần áo của bà, và hai ông bà sống trong cảnh đói rét, thất vọng, muốn hóa điên trong một tháng ! Đúng như Stéfan Zweig nói : Dostoïevsky trong mấy năm đó như bị ma dặt lối quỷ đưa đường vậy. Nhưng Stéfan Zweig có ý bênh vực ông, bảo chúng ta không nên lấy quy-tắc luân lý trường-giả, nhỏ mọn, hẹp hòi mà xét những thiên-tài. Jacques Madaule, trong cuốn *Dostoïevsky* (Editions Universitaires 1956) ngược lại, cho rằng « đời sống một văn hào là một đời sống lạ lùng thật, nhưng tự nó không có lợi gì cho ta hơn đời một thường-nhân là bao nhiêu », « và từ một đời như đời của Dostoïevsky, ta chỉ rút ra được cái gì tầm thường thôi », vậy « chỉ có tác phẩm là đáng kể » chứ không phải là đời sống của tác-giả.

Tôi nghĩ khác hai nhà phê-bình đó. Hễ có tài thì có tật. Nhất là các nghệ-sĩ phương Tây thường có nhiều tật hơn nghệ sĩ phương Đông. Ta không thể so sánh họ với những vị thánh được ; ta không thể trách họ sao không đạo đức như Khổng-Tử, Thích-Ca được ; nhưng thấy họ có tật, thì ta vẫn có quyền chê vì

chính họ cũng xấu hổ về những yếu đuối của họ. Còn như bảo đời của họ chỉ cho ta những bài học tầm thường thì cũng không đúng hẳn. Dù họ có truy lạc như Tolstoi, như Dostoïevky, thì tâm-hồn họ cũng vẫn có những vẻ đẹp, đáng cho ta soi, mà những vẻ đẹp đó ở người thường không làm cho ta cảm-xúc mạnh bằng ở những danh-nhân, vì vậy mà ta vẫn thích đọc tiểu-sử danh-nhân hơn là đời những thường-nhân. Nếu ta lại học được tinh-thần của Khổng-Tử trong câu « Tam nhân « đồng hành, tất hữu ngã sư yên » thì tôi tưởng đọc tiểu-sử của các nghệ-sĩ dù là truy-lạc, ta cũng vẫn học được rất nhiều.

Dostoïevsky đam mê cờ bạc làm đau khổ cho vợ con thật, nhưng ông có được một đức rất quý là tận - tâm với nghệ - thuật. Ngoài cái vui bên tấm thảm xanh, ông chỉ còn biết cái vui bên tờ giấy trắng. Mà cái vui này cũng chưa xót như cái vui kia.

Viết đến mệt là, viết đến động kinh. Hồi hai mươi hai tuổi, ông viết truyện *Những kẻ đáng thương* mà nước mắt ròng ròng. Suốt đời, ông « viết bằng thần kinh, trong những cơn thống khổ và lo lắng », ông phải gắng sức hoài, mà hễ gắng sức lâu thì đau. Có lần ông than thở : « Đã ghê chưa ? Tôi ngồi đây, trong ghế bành của tôi, đầu nặng như đá, tay mỏi như dần, không thể gắng sức một chút được nữa... Mà bên cạnh tôi, con bé cháu nó la... mà tôi không có tiền mua thuốc cho nó uống ». Sáng - tác đối với ông là một nỗi khoan khoái mà đồng thời cũng là một cực hình. Khổ nhất là những lúc viết đề từ nợ. Biết là phải moi óc thâu đêm trong hàng tháng đảăng đng, phải rút cả tính tủy,

khí huyết, để rồi giao cho người ta, chẳng lãnh được đồng nào hết, mà cũng vẫn phải viết, viết gấp cho kịp hạn nữa, và viết kỹ cho khỏi phụ cây bút nữa! Ta thương Dostoïevsky và trọng Dostoïevsky ở đó. Nội một thái-độ từ chối sự giúp đỡ của bạn văn khi viết cuốn *Con bạc* cũng đủ là một bài học cho ta. Mà ta nên nhớ lần đó ông sở dĩ vay ba ngàn rúp là để trả nợ cho anh và nuôi các cháu. Ai bảo đời ông là tầm thường?

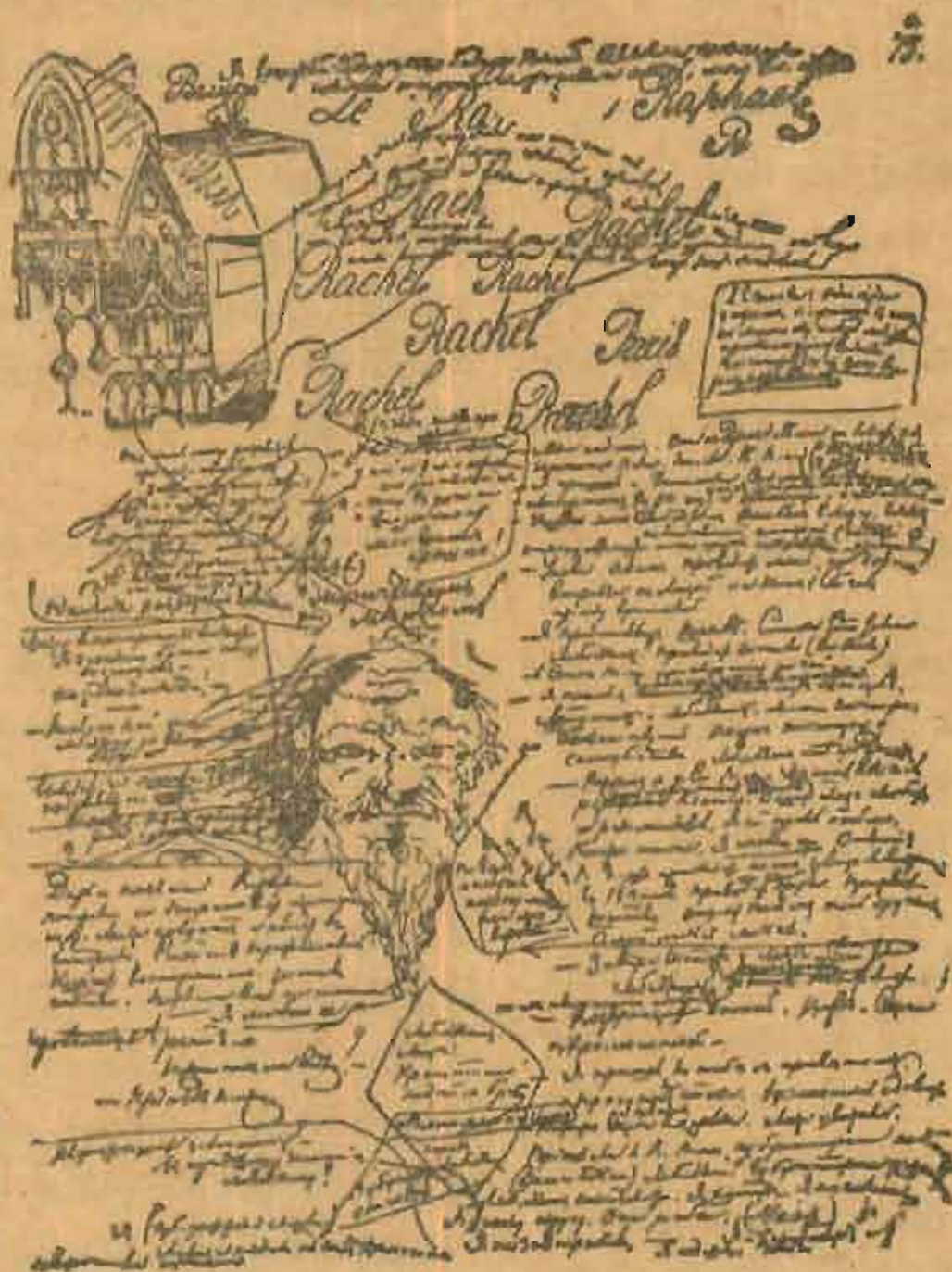
..

Ở Đức ít lâu, hai ông bà đi Genève. Tại đây ông viết truyện *Chàng ngốc* (*L'idiot* — xuất-bản năm 1868). Truyện tầm thường, nhiều đoạn rườm, không cân xứng. Nhân-vật chính là một anh chàng quý phái, trẻ tuổi, nhưng ngốc, từ trước sống ngoài lề xã-hội rồi bỗng lạc loài vào giữa một bọn gian tham, diêm đàng, mà biến đổi được tính tình của bọn đó nhờ tình cảm ngây thơ của mình. Truyện khó tin mà vai chính không phải là một vị thánh như Giê-Su, cũng không ra vẻ một chàng Don Quichotte, thành thử lỗ bịch.

Sau truyện đó, Dostoïevsky viết truyện *Người chồng vĩnh-cửu* (*L'éternel mari*)

cũng rất tầm thường, và truyện *Bọn Quý* (*Les possédés*) (1) có chút tiếng vang. Bọn quý đó là một nhóm người muốn cải tạo nước Nga theo chính sách xã-hội của Tây Âu. Ta nên nhớ ông viết vào năm 1870; hồi ấy, những tư-tưởng mới của Pháp chưa bành trướng mạnh ở Nga, mà trong truyện ông đã tiên đoán rằng nước ông sẽ bị một cuộc

cách mạng tàn phá. Ông hô hào quốc dân đừng bắt chước Tây Âu. Sau này người ta mới thấy tài tiên tri đó của ông. Ông cho rằng Giáo-hội La-Mã tham lam, muốn xen vô chính quyền, muốn chỉ-huy chính-quyền nên ở Tây Âu phong trào xã-hội mới nổi lên để lật đổ Giáo-hội, và như vậy là gây mất loạn trong quần chúng, vì theo ông * cái luật của nhân-sinh chỉ ở điều này: loài người phải có một cái gì mệnh



UNE PAGE DE BROUILLON DES « POSSÉDÉS ».

(Một trang bìa thảo « Les Possédés »)

mông để luôn luôn có thể cúi đầu sùng bái. Nếu làm cho loài người mất cái mệnh mông đó đi thì họ không còn muốn sống nữa, họ sẽ chết vì thất vọng

(1) Ông Henri Troyat trong cuốn *Dostoïevsky* bảo phải dịch là *Les démons* mới đúng; nhưng nhan đề *Les possédés* đã quen dùng ở Pháp.

« Phương Tây (tức Tây Âu) đã mất Chúa Giê-Su (do lỗi của Giáo-hội La-Mã), vì vậy mà Phương Tây đương hấp hối; chỉ vì vậy mà thôi ». Ông lại nói: « Loài người đã tạo ra Thượng Đế chỉ là để có thể sống mà không đâm giết nhau. » Và ông khuyên Giáo-Hội La Mã theo Giáo-hội Nga, quy thuận chính quyền, đừng xen vô chính-trị mà chỉ dùng lòng bác-ái để hoàn thành sứ mạng của mình.

Những tư-tưởng đó chẳng siêu việt gì; chỉ nhờ tài phô-diễn lòng nhiệt-thành của Dostoïevsky mà có tiếng vang: phe thủ cựu hoan hô vì ông đã đảo chính-sách gây loạn của phe xã-hội; mà phe xã-hội cũng hoan hô vì ông đã đảo Giáo - đường La-Mã.

Viết xong hai truyện *Người chồng vĩnh cửu* và *Bọn quý*, ông đột nhiên bỏ hẳn tánh cờ bạc — không hiểu vì nguyên-do gì — rồi về nước, viết cho tờ *Công-dân* (Citoyen). Con nợ, lại bu tới, hăm bỏ tù ông. Ông chỉ trơ mặt ra, không biết nói năng gì cả. Bà Anna phải che đở cho chồng, bảo họ: « Các ông cứ để nhà tôi trả các ông lần lần; nếu các ông bỏ tù nhà tôi thì chúng tôi cũng chẳng buồn gì cả; các ông phải nuôi cơm nhà tôi mà cảnh khám đường, thì các ông còn lạ gì nữa, nhà tôi thừa biết nó rồi. »

Năm 1874 ông lại đi du-lịch Tây-Âu, viết truyện *Người Thanh-niên* (Adolescent xuất-bản năm 1875). Truyện tâm thường, tả tâm-trạng một thanh-niên vì nghèo mà bị khinh bỉ, uất ức, muốn làm giàu như các

nhà tỉ phú Mỹ. Dostoïevsky muốn chứng minh rằng luân-lý của mỗi người tùy theo gia tài của họ; khi mà gia tài lên trên một mức rất cao nào đó thì không còn luân lý nữa.

Năm sau ông hồi hương và từ đây sống luôn ở quê nhà. Nhờ chùa tạt cờ bạc, lại nhờ tài nội-trợ của bà, đời sống đã có mọi phong-lưu, đỡ phải lo lắng. Bà đánh máy tác-phẩm cho ông, thu xếp mọi việc trong nhà, giao-thiệp với các nhà xuất-bản, định số in, giá tiền, quyền tác-giả, giữ sổ sách. Coit ập nhật-ký của bà, ta không khỏi mỉm cười: Vợ một văn-hào mà không có chút cảm tưởng gì về tác-phẩm của chồng cả, chỉ thấy ghi: hôm nay thu được bao nhiêu tiền sách, chi tiêu bao nhiêu, như vậy suốt năm này qua năm khác.

Năm 1877, Dostoïevsky làm việc rất mạnh, viết tập *Nhật ký của một nhà văn* (Journal d'un écrivain) để đăng báo phổ biến những tư - tưởng về chính - trị, tôn - giáo, những nhận xét về dân-tộc Nga và các dân-tộc Tây Âu. Báo bán chạy và ai nấy coi ông như một bậc đàn anh trên văn-đàn.

Đồng thời ông tìm tài-liệu để viết một bộ nhan đề là *Ba Anh em Karamazov* (Les frères Karamazov), một bộ mà ông định dùng hết tâm lực để diễn tất cả những luận thuyết của mình. Ông tra cứu, nhận xét sự làm việc của trẻ em trong các xưởng, cách dạy dỗ ở nhà trường, tình cảnh trong các viện cô-nhi, có lần lại viết thư hỏi sở Hỏa-xa xem một người nằm sát mặt đất giữa hai đường rầy thì xe lửa chạy qua có thể thoát chết được không.

Hình như ông biết trước sẽ không tho được lâu, nên hăng hái làm việc, vạch một chương-trình trước tác. Trong mớ di cảo của ông, sau này người ta thấy một miếng giấy nhỏ ghi những hàng này :

* Ngày 24 tháng chạp năm 1877.

Ghi chú :

I Viết cuốn *Candide* (1) Nga

II Viết một cuốn về Chúa Giêsu

III Viết hồi ký

IV Viết bài thơ : Ngày thứ bốn mươi.

« Làm tất cả những việc đó ít nhất phải mười năm mà năm nay tôi đã 56 tuổi, ấy là chưa kể tiểu-thuyết tôi đang viết và tập nhật-ký tôi định in ».

Ông xin mười năm, nhưng Trời chỉ cho ông ba năm đủ để ông hoàn-thành tác-phẩm bất-hủ *Ba Anh em Karamazov* (2) (xuất-bản năm 1879) dày khoảng 700 trang. Truyện rất rắc rối, chằng chịt, phức tạp, bố cục khác hẳn các tiểu-thuyết Pháp. Ta có thể tóm tắt trong mười hàng như vậy :

Ông già Fiodor Pavlovitch Karamazov, trụy lạc, bủn xỉn, tàn nhẫn, có hai người vợ. Người vợ cả gia-đình quý phái, lãng mạn, tàn bạo sanh một người con là Dimitri, cũng tàn bạo như cha mẹ, nhưng còn có chút lương tâm. Người vợ thứ nhì

(1) *Candide* là một truyện có tính cách trào-phúng, triết-lý của văn-hào Pháp Voltaire tả một anh chàng ngây thơ cho cái gì ở đời cũng là hoàn hảo cả.

(2) Sự thực là bốn anh em, nhưng Ivan và Smerdiakov chỉ là hình với bóng, nên tôi kể làm một. Cõi đoạn sau sẽ rõ.

thích cô liêu, thần bí, sanh được hai người con : Ivan, một chàng thông-minh, hay suy nghĩ, không tin Trời, gât gông ; và Alexis, hiền lương, có nghị lực và tin Trời. Fiodor sau đi lại với một gái điếm ngu xuẩn, sanh ra Smerdiakov, tánh tình đê tiện, xấu xa ; Fiodor nhận hắn làm con nhưng cả nhà chỉ coi hắn như một tên đầy tớ. Hắn rất ngưỡng mộ Ivan.

Cha và hai người con là Dimitri và Ivan cùng mẹ một thiếu-nữ tên là Grouschenka, tranh nhau vì nàng, gây ra biết bao chuyện bỉ ổi. Sau Smerdiakov giết cha, tưởng như vậy là làm vừa lòng Ivan, vì hắn ngờ rằng Ivan muốn thế mà không dám thi hành. Rút cục Dimitri bị nghi ngờ và kết tội : đày đi Sibérie. Ivan biết Dimitri vô tội mà làm thinh. Dimitri nhẫn nhục chịu, vì chàng muốn chuộc cái tội đã có lần thầm mong cha chết.

Và đây, luân-lý của truyện mà ông mượn lời một nhân-vật để phô diễn :

« Anh nên tin rằng Thượng Đế yêu anh tới cái mức anh không tưởng-tượng nổi. Người yêu anh trong tội lỗi của anh và với tội lỗi của anh. Mà nếu anh có lòng yêu là đủ cho anh thuộc về Thượng Đế rồi. Lòng yêu chuộc được hết thảy, cứu được hết thảy. » Tóm lại chúng ta phải tin ở Thượng Đế, phải nhận lỗi và phải yêu. Trong tác-phẩm này cũng như trong tác-phẩm trước, luôn luôn ông muốn gợi trong lòng độc-giả hình ảnh của Thượng Đế, « muốn tìm một giải-pháp thần linh cho cái kiếp con người. »

Tư-tưởng chẳng có gì là sâu sắc ; tác-phẩm chỉ bất hủ nhờ nghệ-thuật.

Ba anh em Karamazov điển hình cho ba hạng người. Dimitri điển hình hạng người sống bình-dị, không thắc-mắc suy nghĩ gì về lẽ sống cả, không có một mục-dịch, một nhân-sinh-quan gì, cứ việc để cho bản-năng và dục vọng lôi cuốn. Họ là phần đông, không tốt hẳn, không xấu hẳn. Ivan điển hình cho hạng người có học, biết suy nghĩ, nhưng dục vọng cũng rất mạnh, thấy những bất bình trong xã-hội, muốn cải tổ lại xã-hội bằng cách lập ra một hệ-thống mới, một trật-tự mới, rút bớt sự tự-do cá nhân đi mà bắt mỗi người phải vào trong khuôn khổ đã định (ông chống chủ-nghĩa xã-hội ở điểm đó). Sau cùng Alexis điển hình cho hạng hiền triết, hạng thánh, chỉ muốn lấy lòng nhân mà cảm hóa loài người.

Trong mỗi con người có hai phần: thiện và ác, luôn luôn mâu-thuẫn nhau, (Xin bạn đừng tin sự duy nhất của con người — Dostoïevsky), lúc thì thiện thắng, lúc thì ác thắng, thực là khó hiểu. Trên đường đời, chúng ta đi rồi ngừng, tiến rồi lui, lảo đảo như người say rượu, không có mục-dịch nhất định, có khi nhào xuống vực thẳm mà không biết. Sự mâu-thuẫn đó hiện rất rõ và tả rất khéo trong nhân vật Ivan và Smerdiakov. Hai anh em cùng cha khác mẹ đó như hình với bóng. Smerdiakov là cái bóng, là cái phần ác, phần thú tính trong con người Ivan, cái gì cũng nghe lời Ivan, giết cha vì tưởng rằng như vậy làm vui lòng Ivan. Mà tâm trạng Ivan thì chính Ivan cũng không biết. Ý có ý định giết cha hay không, ý không rõ. Đoạn Dostoïevsky tả tâm trạng đó, thực sâu sắc, tế nhị. Ông Nhất-Linh trong *Văn-Hóa Ngày*

Nay số 3 (Viết và đọc tiểu-thuyết) khen nghệ-thuật đó như vậy:

«... dưới những cái mà tác-giả viết ra lại còn ẩn một thứ gì khác, tuy tác-giả không nói đến nhưng mình cảm thấy rõ và cái đó như chiếu sáng những cái sâu xa của cuộc đời khiến mình thấy hơi sợ tưởng tác-giả như là một đấng tạo-hóa đã mở cửa cho mình thấy những cái mà mình không bao giờ tự mình hiểu thấu được.»

Nghệ-thuật đó, theo nhiều nhà phê-bình, từ xưa đến nay chỉ có ba nhà đạt được: Shakespeare ở Anh, Tolstoï và Dostoïevsky ở Nga.

Dostoïevsky lại có tài làm cho ta hồi hộp đến phút cuối cùng. Truyện đầy những tình tiết gay go, biến chuyển đột ngột, dồn ép lại trong có mấy ngày (tôi không kể đoạn xảy ra sau khi Fiodor bị giết). (1) Ngay từ đầu, ta đã có cảm tưởng rằng sẽ có một cuộc biến động lớn lao, ta hồi hộp theo dõi, ta tưởng nó sắp xảy ra mà rồi lại không, ta ngờ nhân vật này nhân vật nọ sẽ gây ra tai nạn (Dimitri chăng? Ivan chăng) rồi dùng một cái, tai nạn xảy ra, làm cho ta ngạc nhiên. Thủ phạm không phải là Ivan, mà là Smerdiakov. Ý như một cơn sét đánh.

Tác-phẩm in ra, được các nhà phê-bình Nga đặt ngang hàng với *Anna Karénine* (xuất-bản năm 1877) của Tolstoï. Như tôi đã nói ở đầu thiên khảo-luận này, người Pháp thời đó chưa hiểu được giá-

(1) Truyện *Chàng ngốc* xảy ra trong 12 giờ, truyện *Tội lỗi và hình phạt* xảy ra trong một tuần và tôi nhớ hình như truyện *Con bạc* cũng chỉ xảy ra trong một vài đêm.

trị của nó vì nghệ-thuật Dostoïevsky khác hẳn nghệ-thuật sáng sủa, cổ điển của Pháp, nhất là tâm-lý dân-tộc Nga — một dân-tộc có vẻ như man rợ đối với người Tây Âu — càng khác xa tâm lý dân-tộc Pháp. Nhưng bây giờ thì họ nhận rằng *Ba anh em Karamazov* đứng trên *Anna Karénine* cả *Chiến tranh và Hoà-Bình* của Tolstoï nữa.

Đối với dân-tộc ta, Dostoïevsky còn khó hiểu hơn. Chúng ta thấy nhân vật của ông kỳ dị quá, du côn, tàn bạo, trụy lạc, cuồng loạn, điên khùng, tưởng đâu như bọn quỷ ở Âm-ti hiện lên. Ta không nhận ra được họ, họ hành động, suy nghĩ khác xa ta quá, ta ghê sợ, không có thiện cảm với họ chút nào. Phần đông chúng ta quen với những nhân vật của Tự Lực Văn đoàn, hay của Nguyễn-Tuân, gần đây của Võ-Phiến, có thích chăng là thích *Le Grand Meaulnes* của Alain Fournier, chứ chưa hiểu nổi tâm trạng Dimitri, Ivan, vì ta đã được uốn nắn từ nhỏ theo cái nếp sống bình dị, thuần hậu của Nho, Lão, Phật. Cho nên phải đọc đi đọc lại, suy nghĩ khá lâu mới có thể tin được là phê-bình này của Henri Troyat « Thái độ bình thường của ta khác hẳn thái độ của họ (tức của những nhân vật trong tiểu-thuyết Dostoïevsky). Vậy mà họ quen thuộc với ta một cách huyền diệu. Ta hiểu họ, ta yêu họ. Sau cùng ta nhận thấy ta ở trong họ (...) Họ làm, họ nói những điều mà chúng ta không dám làm, không dám nói. Họ đưa ra ánh sáng những cái mà ta vui trong bóng tối của tiềm thức. Ta nhận xét thâm tâm ta thì ta sẽ thấy họ ở trong đó ». Than ôi ! có thể như vậy được lắm ! Và suy nghĩ thêm một tầng, ta sẽ hiểu

rằng trong đời sống « cái ác và cái thiện chẳng chịt nhau trong mỗi con người, mà kẻ công bằng không phải là kẻ tự tin mình là không khi nào làm lỗi, trái lại, là kẻ tự biết mình cũng bị ối như ai, nên tỏ vẻ khoan hồng với mọi người ». Tự nhận lỗi mình, nhận cái xấu của mình, khiêm-tốn và bác-ái : đó bài học của Dostoïevsky, mà sở dĩ ông tìm ra được bài học đó là nhờ gần suốt đời, sống chung với những cận bã của xã-hội và thành thực phân tích tâm lý của mình. Lạ thay ! Cả hai văn-hào bậc nhất của Nga, Tolstoï và Dostoïevsky đều dùng tiểu-thuyết để dạy cho ta đạo khiêm-tốn và bác-ái.

..

Dostoïevsky vốn trọng thi-sĩ Pouchkine. Năm 1860 dân - tộc Nga làm lễ truy điệu Pouchkine, mời Dostoïevsky tới Moscou diễn-thuyết. Lúc đó giới trí-thức Nga chia làm hai phe : phe bảo-thủ, muốn giữ quốc-hồn quốc - túy ; và phe cấp tiến muốn cải cách theo Tây Âu. Cả hai đều muốn đăng đàn chứng minh rằng tư-tưởng của mình hợp với tư - tưởng Pouchkine, nghĩa là muốn giành Pouchkine về mình. Tình hình có thể rắc rối. Dostoïevsky đọc một bài diễn-văn hùng hồn để hòa giải hai bên, nhấn mạnh rằng Pouchkine có óc quốc-gia thuần túy nhưng cũng có tài thấu đạt được cái tinh hoa của các dân-tộc khác. Thanh-niên hoan-ngheh ông nhiệt-liệt. Tiếng vỗ tay vang như sấm. Một bọn thiếu-nữ vội chạy đi mua hoa về đeo đầy người ông, hôn tay ông. Một sinh-viên cảm động quá, té xỉu ở chân ông. Ông đã leo lên tới bậc thang chót của đài danh vọng. Nhờ kiên nhẫn, làm việc tận tụy trong ba chục năm và nhờ bà vợ giúp sức ông đã thắng được định-

mạng, nợ trả hết, nhà cửa phong-quang, gia-đình êm ả.

Nhưng ông chỉ được hưởng cảnh đó có sáu bảy tháng. Ngày 28 tháng giêng năm 1881, sau mấy ngày ngọa bệnh, mấy lần thổ huyết, ông tắt nghỉ. Thanh-niên tranh nhau khiêng quan tài tới nhà thờ. Lính canh phải đóng cửa nhà thờ vì không còn chỗ đứng. Có kẻ bận tang phục, dắt con gái, mạo nhận là bà Dostoïevsky để được vào. Ba vạn người, bảy mươi hai cơ-quan phải người đưa ông tới huyết: có đủ các giới từ các ông hoàng, các linh-mục, tới

nhà văn, sinh-viên, thợ-thuyền, nông dân và cả hành khất. Cờ đâm tua tủa lên như rừng, hoa chắt thành núi. Và ông còn hơn các văn-hào khác là tới nay trên tám chục năm, danh ông mỗi ngày một tăng chứ không hề giảm. Ông nói: « Muốn viết cho hay thì phải đau khổ, đau khổ ». Suốt đời, ông đã thực hành đúng lời đó.

NGUYỄN-HIỂN-LÊ

Tài-liệu tham-khảo :

Dostoïevsky của Stefan Zweig (Rieder 1928)
Dostoïevsky của Henri Troyat (Arthème Fayard-1940)
Dostoïevsky của Jacques Madaule (Edition Universitaires 1956)

- ★ Mặc dù người cộng-sự của bạn có phạm một sai lầm hiển nhiên như đã sơ khoáng bất cần, không phòng ngừa một sự đáng lẽ phải phòng ngừa và có thể dự tính trước, bạn cũng nên nghĩ rằng người ấy đã ý thức được sai lầm của họ có khi trước bạn và bạn không nên làm phiền lòng họ hơn nữa. Bạn chỉ nên cho họ biết bạn đã thấy điều sai lầm rồi nên tin tưởng họ có đủ lương-tri để nhìn nhận ra điều sai lầm và họ sẽ kiếm thế sửa lại. Nếu bạn vụng về dạy dút họ mãi, bạn chỉ làm cho họ thêm tức tối rồi tìm lẽ bẻ ngoài để chữa mình; rút cuộc họ sẽ cho lẽ của họ là đúng, là phải, và lỗi của họ có thể hoàn toàn dung thứ được. (Courau)

Tên Đức Phật

Tathagata là tên Đức Phật tự xưng trong kinh tiếng pali. Người Trung-Hoa dịch là: Như-Lai. Kim-Cương kinh dạy: Phật vốn « vô sở tòng lai », không do đâu lại, mà lại « điệt vô sở khứ », cũng không đi đâu, nên gọi là Như-Lai. Theo sách Đạo-viện-tập thì *Như* có nghĩa là vốn biết, *Lai* có nghĩa là hiện biết, chỉ vị vốn đã biết, hiện đang biết, tức là thông tuệ tuyệt luân vậy.

PASTILLES: { **VANCO** MÙI • MENTHE •
 { **CAM** MÙI CAM

Chuyên-trị

Các chứng ho, đau Cuồng họng



VIỆN BÀO-CHẾ VANCO

TRU'ÔNG-VĂN-CHÔM

Dược-khoa Tán-sĩ Quốc-gia

134, Đường Yên-Đỗ — Saigon

TIẾC THAY

DUYÊN TẤN PHẬN TÀN

(Nguyễn-Du thác lời người trai phường Nón ở Tiên-Điền
đáp lại bài của Nguyễn-Huy-Quỳnh (?) thác lời người
con gái phường Vải ở Trường-Lưu).

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

I. - Bài văn

NGUYỄN-DU đã yêu, đã bạc-tình, và đã bị phụ - bạc. Đó là việc rất thường, có thể xảy ra cho bất cứ người con trai nào.

Nhưng qua hơn trăm năm, qua một tác-phẩm vĩ - đại là truyện *Kiều*, sự phát-lộ những chi-tiết yêu-đương này đã làm xúc-động hậu-thế như một biến-cổ chánh-trị đương thời.

Người ta tiếc thi - hào thân mến của người ta đã tầm - thường như bất kỳ ai. Người ta cứ yên trí rằng thi - hào là một bậc vĩ - nhân, có yêu cũng yêu một cách tiểu-thuyết luân-lý.

Nhưng nhờ thi - hào chỉ là một người thường thôi, nên tác-phẩm về sau của thi-hào mới *người* được biết bao, mới gần-gũi ta biết bao !

*
* *

Sau đây là những bài thơ làm bằng-chứng cho những mối tình mười tám ấy. Dĩ-vãng như bông đứng lên, linh-hoạt như một đoạn phim, người dân Nghệ - Tĩnh sống làm sao, cảm - nghĩ thế nào, ta đều biết rõ. Cho đến cái bến đò vô danh ở một xó quê cũng trở nên hình-ảnh đáng kể, chói rạng khi lớp bụi thời-gian bị bươi lên.

*
* *

*
* *

TIẾC THAY DUYÊN TẮN PHẬN TÀN

Thác... lời người con gái phường Vải
ở Trường-Lưu

trách người con trai phường Nón
ở Tiên-Điền

Tàng mai, hân (1) trở ra về,
Hôn tương tư vẫn còn mê giấc nồng,
Coi trầu chưa kịp tạ lòng,
Tình ra, cách đã non sông mấy vơi !
Trời làm chi cực bấy trời !
Coi trầu này để còn mời mọc ai,
Tìm gan đồ hắt ra ngoài,
Trông theo trường Hồng dò Cài (2) thấy đâu.
Khi lên đồ rồi cho nhau,
Khi về trút một gánh sầu về ngay.
Xua buồn từ nấy đến nay,
Nào ai mó đến xa-quay xin thề.
Ngại ngừng đường cửi (3) đi về,
Chân ngừng dây đạp, tay e soi chuyền.
Lặng tai nghe tiếng ác truyền,
Được sầu cuốn trục tấm phien đồ hóa.
Chệ duyên dằng lại tháo ra,
Gần nhau cách quạng vánh xa mấy hồi.
Liều bằng khổ một go đôi,
Liều như bông đã bán rồi bong-long.

Nguyễn-Huy-Quỳnh (?).

(1) Hoàng-Xuân-Hân viết «hân» với chữ h hoa :
Hân.

(2) Trường Hồng : trường ở giữa rừng Hồng,
gần núi Hồng-Lĩnh, từ huyện Can-Lộc xuống
huyện Nghi-Xuân đi ngay làng Cộng-Khánh, bây
giờ làng Tiên-Điền, thuộc huyện Nghi-Xuân.
Muốn đi từ quê nàng (Trường-Lưu) đến quê
chàng (Tiên-Điền), phải qua trường Hồng và dò
Cài. Nên nhớ rằng trăm tuổi năm về trước, qua
trường và qua dò (tự nhiên là dò ở những con
sông lớn sông sâu) là hai điều nguy-hiêm.

(3) Hoàng-Xuân-Hân viết «cửi», chúng tôi xin
sửa lỗi chính-tả này.

Tiếc thay duyên Tẩn phận Tàn

(Thác lời người trai phường Nón ở Tiên-
Điền đáp lại bài thơ Nguyễn-Huy-Quỳnh (?)
thác lời người con gái phường Vải ở
Trường-Lưu.)

Tiếc thay duyên Tẩn phận Tàn,
Chưa quen đã lạ, chưa gần đã xa.
Chưa chi đồng đã rặng ra,
Đến giờ hãy giận con gà chết toi. (1)
Tìm gan cho cái sao Mai,
Thảo nào vác búa đánh trời cũng nên ! (2)
Vẽ qua liếc mắt trông miên,
Lời oanh giọng ví chửa êm dăm ngồi, (3)
Giữa thềm tàn đuốc còn tươi,
Bã trầu chưa quét, nào người tình chung ?
Hồng-Sơn cao ngắt mấy trâm,
Đò Cài mấy trượng, thì lòng bấy nhiêu.
Làm chi các có lăm điều !
Mới đêm hôm trước, lại chiều hôm nay.
Khi xa, xa hơi thế này.
Tiếng xa nghe vẫn (4) rừ rì bên tai.
Quê nhà nắng sớm mưa mai,
Đã buồn dờ đến lịp tời (5) càng buồn.
Thờ ơ bỏ vọt đồng sừn,
Đã nhàm bẹ mọc, lại hờn nấm giang. (6)

(1) Hoàng-Xuân-Hân chép : « Đến giờ chỉ giận
con gà chết toi.

(2) Hoàng-Xuân-Hân chép : «... chém trời cũng
nên.

(3) Hoàng-Xuân-Hân chép « Lời oanh giọng dẽ
chưa yên dăm ngồi », và ông chép : « Bản T.C.N.D.
[Truyện cụ Nguyễn-Du] chép : giọng ví chửa êm,
chắc không đúng ... Rải tiếc Hoàng-quán không
nổi vì sao mà chắc là không đúng.

(4) Hoàng-Xuân-Hân chép : « Tiếng xa nghe
vẫn.... »

(5) Hoàng-Xuân-Hân chép : « ... lịp soi... » :
thứ lá dễ lăm môn.

(6) Nguyễn văn chép : nấm đang, sai chính-tả,
nên chúng tôi sửa lại : giang, là một thứ tre rừng,
một loại nứa, mình dày, lông dài, thịt dẻo, thường
dùng để lăm lạt.

Trăng tà chênh chếch (7) bóng vàng,
 Dừng chân thoát nhớ đến đàng cửa trướng.
 Thân thơ gói chiếc màn suông,
 Rồi lòng như sợi, ai cuốn cho xong?
 Phiến nào chợ Vĩnh ra trông,
 Mông ba chẳng thấy, lại hồng mười ba
 Càng trông càng chẳng thấy ra,
 Cờ trâu quệt đã vài và lần ôi!
 Tưởng rằng nói thể mà chơi,
 Song lẽ đã động lòng người lắm thay! (8)
 Trông trời, trời cách từng mây,
 Trông trăng, trăng hẹn đến ngày ba mươi.
 Vô tình trăng cũng như người,
 Một ta ta lại găm cười chuyện ta.

NGUYỄN-DU

II. — Lý-do chọn nhan và chọn thoại

Bài thơ sau này được hai ông Phan-Sĩ-Bàng và Lê-Thước công - bố lần đầu trong cuốn « *Truyện cụ Nguyễn-Du, trước tác truyện Thúy-Kiều* » in tại nhà in Mạc-Đình-Tư ở Hà-Nội, năm 1924. Có cả bản « *Thác lời cô gái phường Vải ở Trường-Lưu* ».

Tiếc thay, chúng tôi hiện không tìm được cuốn sách nói trên để biết nhan nó là gì.

Mười tám năm sau (1942), nó được đăng trong « *Tập Văn Học kỷ-niệm Nguyễn-Du* » do ông Đào-Duy-Anh

(7) Hoàng-Xuân-Hân chép : chếch-chếch.

(8) Như chúng tôi đã nhận xét khi chú thích « *Chiêu hồn* », văn thơ xưa ta ít dùng chủ từ nên thành tối nghĩa. Hai câu này, ông Hoàng-Xuân-Hân hiểu rằng người con gái Trường-Lưu trách chơi vậy mà Nguyễn-Du đau lòng lắm. Chúng tôi cũng có thể hiểu ngược lại : Nguyễn-Du trước kia nói cợt với nàng trong những đêm hát ví..., có lẽ đã làm đau khổ nàng thế ; tội nghiệp cho nàng không biết rằng trong những trường-hợp tương tự, thì « *những lời vàng-dã là lời nói chơi* » sao ?

trông-nom việc biên-tập và do hội Quảng-tri ở Huế xuất - bản và phát - hành đúng ngày mùng 10 tháng 8 (ngày giỗ Nguyễn-Du năm thứ 122) năm Nhâm-Ngọ, nhằm ngày 19-9-1942.

Ông Đào-Duy-Anh, điều đáng tiếc, lại chẳng nhớ cho bạn đọc biết ông đã dùng bản nào, của hai ông Phan-Sĩ-Bàng và Lê-Thước ? Hay ghi lại theo trí nhớ của thân-thuộc Nguyễn-Du hoặc của dân chúng địa-phương, vì ông đã từng đến quê hương Nguyễn-Du và tìm hỏi con cháu tác-giả truyện *Kiều*. Nhan đề ông Đào cho in trên bài thơ này là :

Thác lời người trai phường Nón ở Tiên-Điền đáp lại bài của Nguyễn-Huy-Quỳnh « Thác lời người con gái phường Vải ở Trường-Lưu ».

Đến năm 1943, ông Hoàng-Xuân-Hân cho đăng cả hai bài. Vì bài « *Thác lời người con gái phường Vải ở Trường-Lưu* », ông không quả-quyết như hai ông Phan-Sĩ-Bàng và Lê-Thước, cho đó là của Nguyễn-Huy-Quỳnh, mà chỉ tạm cho vì không có chứng-cớ rõ-ràng, và có đưa ra hai người trong họ Nguyễn - Du bạn cùng lứa với Nguyễn-Du : Nguyễn-Huy-Hào, Nguyễn-Huy-Phó rất có thể là tác-giả.

Còn bài « *Thác lời người con trai phường Nón ở Tiên-Điền* », mà ông tìm được, ông lấy câu thơ mở đầu làm nhan là : « *Tiếc thay duyên Tấn phận Tấn* ».

Chúng tôi nghĩ, một bài thơ nhỏ, mà cái tên dài đến 26 chữ thì không còn ai đọc và nhớ được nữa. Nên xin theo ông Hoàng-Xuân-Hân, mặc dầu có thể vì thế xúc-phạm đến Nguyễn-Du. Mà đã chắc đâu là Nguyễn-Du có đặt tên cho bài thơ mình.

Các nhà thơ Âu-Mỹ thường lấy câu đầu hoặc vài tiếng đầu của bài thơ mà cho nhan bài thơ. Hãn ông Hoàng-Xuân-Hãn đã nhớ đến điều ấy khi đặt tên nó là : « *Tiệc thay duyên Tẩn phận Tàn* ».

Để rõ hơn, chúng tôi ghi dưới nhan đề này nhan đề của ông Đ.D.A, và đánh dấu hỏi sau tên Nguyễn-Huy-Quỳnh vì lẽ tồn-nghi.

Đó là việc chọn nhan.

Còn việc chọn thoại, thì vì không có thoại Phan-Sĩ-Bàng Lê-Thước, chúng tôi chọn thoại Đào-Duy-Anh, tương-đối cũ hơn thoại Hoàng-Xuân-Hãn.

Ngoài cái lý « cũ », còn thêm hai lý sau đây :

1.— Có thể là thoại Đào-Duy-Anh là chính thoại Phan-Sĩ-Bàng Lê-Thước, hoặc rất gần thoại đó. Bởi ông Hoàng-Xuân-Hãn có chua : « Bản T.C N.D. (*tức Truyện cụ Nguyễn-Du*) chép « *giọng ví* » *chứa ếm, chắc không đúng* ». Xin nói rõ rằng, ông Đào-Duy-Anh chép : « *Lời oanh giọng ví chứa ếm dầm ngời* ». Thế thì ông Đào và hai ông Phan, Lê, giống nhau ở hai tiếng « *giọng ví* », ta có thể đoán già rằng hoặc ông Đào theo bản hai ông Phan, Lê, hoặc hai thoại cùng chung một xuất xứ. Nhưng chỉ căn-cứ có hai tiếng mà đoán thế, thì thật là không khoa-học chút nào ! Các bạn cũng hiểu cho là chúng tôi « đoán già », và đây chỉ là một giả-thuyết.

2.— Ông Hoàng-Xuân-Hãn là một trong số bình-giả cổ-văn mà chúng tôi trọng về phương-pháp làm việc cũng như về lương-tâm nhà nghề. Nhưng rất tiếc là ông sưu-tầm, dẫn giải khoa-học và thận trọng thế, lại vấp phải một điều mà

chúng tôi cho là kị cho những ai theo con đường của ông đi, là : tự ý mình sửa hoặc bỏ văn cổ-nhân, với cái lý là : không hay, dở, dịch không đúng nguyên-văn, dài lắm, nặng nề, ý lặp lại, v.v... (1).

Các bạn sẽ thấy rõ trong bài « *Văn-tế sống hai cô gái Trường-Lưu* ».

Thành thử, chúng tôi chọn thoại Đào-Duy-Anh.

Còn bài « *Thác lời người con gái phường Vải* », vì chỉ có độc một thoại của ông Hoàng-Xuân-Hãn, nên chúng tôi đành dùng nó. Mặc dầu khi viết về nó ông Huỳnh-Xuân-Hãn không có sẵn đầy đủ tài-liệu bên tay và hứa sau sẽ bổ-chính (2)

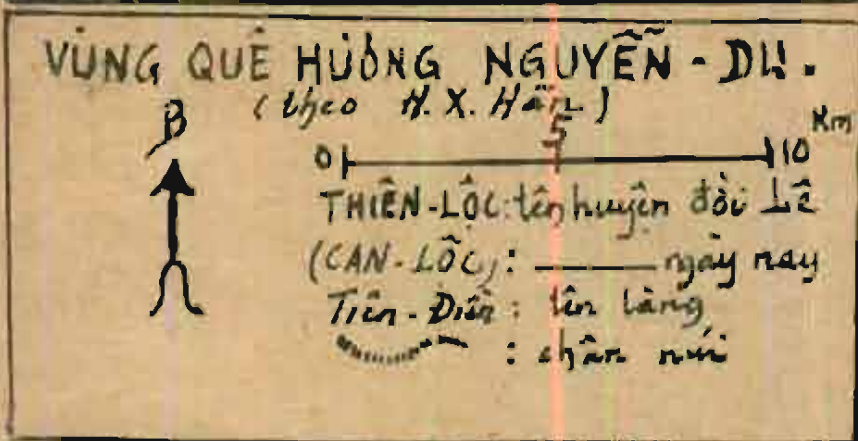
III.— Nguyễn-Du đã viết bài « *Tiệc thay duyên Tẩn phận Tàn* » lúc nào ?

Đời Nguyễn-Du chia làm bốn đoạn rõ rệt : đoạn trai-tor công-tử đa-tình, đoạn người chiến-sĩ lo khôi-phục một triều-dại suy-vong, đoạn sống ẩn-dật, đoạn ra làm quan.

Thì bài thơ ngắn hồn-nhiên và dí-dỏm phần nào này không thể làm trong ba đoạn đời sau của người chiến sĩ, ẩn-sĩ, quan-lại, tên Du họ Nguyễn được.

(1) Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiếu cũng vấp phải điều này. Chú-thích về bình luận truyện *Kiều*, tác-giả « *Khởi tình con* » viết : « *Quyển truyện này nguyên tên là « Đoàn-trường tân thanh », là tác-giả có ngụ cảm tâm-sự. Một tên nữa là « Kim-Vân-Kiều truyện », là người sau muốn tóm-tắt sự tích. Nay đã biết như thế, mà xét ở trong truyện chỉ có một Thúy-Kiều là văn chính, cho nên lấy ba chữ « Vương-Thúy-Kiều » làm tên ».*

(2) Mới đây, chúng tôi có thư riêng hỏi ông Hoàng-Xuân-Hãn về tài-liệu hai bài thơ và văn-tế, sống này của Nguyễn-Du nhưng tiếc là những tài-liệu khảo-cứu này của Hoàng quân đã bị thất lạc trong « *cơn gió bụi* » vừa qua.



Chỉ trong thời tuổi xuân — đang độ, đường đời chưa trải bao nhiêu, việc nước non còn có vẻ xa-vời, người ta mới bận-rộn vì một mối tơ-tình hơi vương-vít. Mà đây, mối tình — nếu có thể gọi đó là tình của chàng trai Tiên-Điện — nó mới lỏng-lẻo làm sao. Phải đợi có người bạn vong-niên (nếu quả tác-giả bài thơ

trách là của Nguyễn-Huy-Quỳnh, đã năm mươi khi mình mới độ mười chín hai mươi) thay người gái nọ mà có thơ than thơ trách, công-tử Du ta mới bắt nằng Thơ mà làm tình làm tội. Vì trí chớ chẳng phải vì lòng.

Chúng tôi nói « công-tử Du ta mới bắt nằng Thơ mà làm tình làm tội », mà chẳng ngại mình nói quá đâu. Vì nếu bài thơ nhấn nó lắm công-phu (dùng tiếng nhà nghề của phường Vải), nó chan chứa tình thương nỗi nhớ, nó rào-rạt xót-dau và nó ghen-ngào "căm-ức", nghĩa là nó hay bao nhiêu, thì bài thơ đáp lại hơi-hột bấy nhiêu; đó là chưa nói cái ít dụng-công của nó: trai phường Nón mà trong bài không quá bốn tiếng nghề-nghệp.

Tình-tử dành là như gió thoảng, còn cái cổ tình dí-dỏm, bốn-cột để cho người đọc vì đó mà chẳng thấy cái hơi hột của lòng mình đối với ai kia thì chưa thành-công mấy.

Và đọc xong bài thơ, ta càng thương người con gái làm nghề « đem ấm » lại cho người.

Ông Hoàng-Xuân-Hân cho rằng hai người mới gặp nhau trong một vài đêm hát ví, lời qua tiếng lại mới bén hương tình, thì chàng trai tài hoa nọ phải xa ngay người yếu-điệu, còn chưa hết thẹn-thò. Nghĩa là đó là một mối tình « Sàng Trăng Suông » rất là phù-du vậy.

Chúng tôi không đồng ý với ông Hoàng-Xuân-Hân.

Có lẽ ông đã căn-cứ vào bài đáp của Nguyễn-Du mà kết-luận rằng giữa hai người chưa có cái chi chi.

« Chưa quen đã lạ, chưa gần đã xa !
Và nhất là câu tiếp :

« Chưa chi đông đã rặng ra !

Theo lời Nguyễn-Du thì giữa hai người, chưa có chi chi thật đó. Nhưng ta có vội tin người con trai chăng ?

Đọc những câu của người con gái, như :

« Hồn tương-tư vẫn còn mê giấc nồng »

Vậy thì cái kỷ-niệm chàng để lại đâu chỉ có thể là đôi lời hò-hẹn suông, hay chút quà gì nho-nhỏ. Đến câu than :

« Trời làm chi cục bẫy trời
Câu giận tức :

« Tím gan đỏ hất ra ngoài »
Hoặc cam chịu :

« Khi về trút một gánh sầu cho ai ».

Và nàng đã dần đo lăm bạn, và tình nàng sâu đậm cách nào mới :

« Xưa buồn từ nấy đến nay,

« Nào ai mớ đến xa quay xin thề ».

Người gái xưa vốn rụt-rè, mà đến lúc khổ quá, phải đem tâm-sự mà tỏ cho người có tuổi nhờ người giúp một tay » thì ta có thể không đồng ý với Hoàng-Xuân-Hãn ở điểm : hai người vừa mới biết nhau.

Hãn là tình của cô gái phải ra sao, tình cảnh cô thế nào mới khiến cô thẳng

bãi
bể
chiều
hôm

Biển mênh-mông, trời bao-la,
Trời biển xanh-xanh, bóng xế tà,
Sóng bạc rì rào đưa lớp lớp,
Buồm nâu lộng-lẽ, lướt xa-xa.
Đầu non vương-vấn làn the muột,
Góc bể trơ-vơ bãi cát ngà.
Bóng khuất ngàn lau, chim nghỉ cánh,
Màn đêm bằng bạc khói sương pha.

ÁI-LAN

bao giữ-gìn mà tỏ nỗi lòng mình cho người khác. Và người đứng vòng ngoài này hẳn đã cảm-động nhiều nên lời thơ mới tha-thiết như thế.

Nên chi, ở điểm này, chúng tôi đồng ý với ông Hoàng-Xuân-Hân mà không cho rằng ông nghề Nguyễn-Huy-Quỳnh giả làm con gái phường Vải, và làng Trường-Lưu có phường Vải, để cợt Nguyễn-Du chơi, và vì làng Tiên-Điền, có phường Nón, Nguyễn-Du lại giả làm con trai phường này để đáp lại đùa ông nghề Quỳnh.

Chúng tôi tin rằng dù là bạn vong-niên, một người đứng tuổi như ông nghề Quỳnh, từng làm quan, và về làng dạy học và có tang nọ không lẽ khi không lại mang lột gái để bốn người trai mười chín, hai mươi. Phải có một sự thúc-đẩy gì khá mạnh : đó phải chăng là lời nhờ cậy thiết-tha và tình-cảnh khá đáng thương của một người gái cùng làng đã để mất cái gì quý báu nhất của mình...

Và qua bài thơ nhấn trách, chúng ta thấy rõ người thôn-nữ Trường-Lưu đã thất-thân với thi-sĩ rồi.

Biết thế, ta mới thấy tất cả sự gượng-gạo lạt-lẻo và sự dí-dỏm chẳng mấy thành-công của người trai bạc-tình ấy.

Đang gái người ta thấy cái vô-ích của cơi trầu không còn ai để mà mời với mọc, thì nên :

« *Tìm gan đổ hắt ra ngoài* ».

Tưởng thế là đã nư giận, là quên hẳn người bội-bạc kia đi, nhưng mà tay làm thế, mà mắt thì lại :

« *Trông theo trướng Hồng đồ Cài thấy*
đau. »

« *Tìm gan đổ hắt ra ngoài,*

« *Trông theo trướng Hồng đồ Cài thấy*
đau ».

Hai câu thơ thật và đau làm sao ! Để đáp lại, Nguyễn-Du :

« *Tìm gan cho cái sao Mai,*

« *Thảo nào vác búa đánh trời cũng nên* ».

thì sự gượng-gạo và kém duyên, kém thật nó sờ-sờ.

Xét về giá-trị văn-chương, bài « *Tiệc thay duyên Tấn phạn Tần* » không đáng cho ta chú ý mấy, dầu là khi nó ký tên Nguyễn-Du.

Điều ấy chẳng đáng làm cho ta ngạc-nhiên.

Lúc bấy giờ, Nguyễn-Du mới có mười chín, hai mươi. Thì già dặn, tài tình của tuổi trẻ sao bị được thời trung-niên mà trí và lòng cũng như tai mắt đã từng suy-gảm, rung-cảm, thấy nghe.

Vả lại, Nguyễn-Du thành-công ở điểm trầm-lặng, đi sâu vào hồn, vào lòng những nhân - vật mà người ký - thác bao ý, bao tình sau hơn một cuộc bể-dầu. Còn đây, là một việc bốn chơi trong chốc-lát, tình chẳng sâu, ý chẳng đậm, tài còn non — của tuổi trẻ — thì bài thơ « *Tiệc thay duyên Tấn phạn Tần* » chỉ đáng chú-ý ở điểm cho ta biết quãng thiếu-thời của thi-sĩ cùng ít phong-tục của vùng Hoan-Ái thời Lê-mạt. Tuy bài thơ đó có những khuyết điểm như ta vừa thấy, nhưng cứ xét riêng về hai điểm trên đây thì kể ra nó cũng đáng được chúng ta nghiên-cứu.

BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

(Trích quyển « *Chiêu hồn* » và
« *Tiệc thay duyên Tấn phạn Tần* »
của Nguyễn-Du, sẽ xuất-bản).

Gửi Bùi Quân

theo vần bài « TRỐNG RỒNG »

Biết mà chưa biết phải không anh ?

Mong điệu đàn tâm khúc dễ thành.

Khách ở đâu ta, trời mấy ngả ?

Tôi người xưa đấy, áo ba manh.

Buồn gieo « Trống Rồng » thơ nhiều tứ,

Nhớ gọi Mênh Mông ý đượm tình.

Bạn cũ nơi nao, nao bạn mới ?

Trục kia dây nợ mộng chưa thanh.

NGUYỄN-VĂN-THU

Quảng-Trị

thanh khí

I

Tặng bạn Nguyễn-Văn-Thư

Âm-hưởng xa khơi vọng tới lòng
Ôi ! Tình hàn-mặc, nghĩa non sông
Đài sen người đã trao tâm-sự
Dậu cúc tôi thường đợi cảm-thông
Có phải Tam-thiên nhiều thế-giới
Cho nên Bách-tuế hiểm tao-phùng
Từ nay ám lại lời thơ cổ
« Nguyệt thập tà song, hiệu tự chung »

II

(Theo vận bài TRỐNG-RỔNG)

Cảm động nghe lời tặng của anh
Đời mang nhiều Bại, dám mong Thành
Nước mây lạc với sầu đôi chốn
Non biên ghi vào giấy một manh
Những tưởng hương xa chìm viễn-ý
Nào hay đất lạ thăm giao-tình
Ngập ngừng muốn mượn cầu Im-Lặng
Mà đề « vô thanh thắng hữu thanh »

BÙI-KHÁNH-ĐẢN

HÁT Ả-ĐÀO

(Tiếp theo B.K. số 81)

B.— CÁC ĐIỀU HÁT Ả ĐÀO

Theo Phạm-Đình-Hồ, dưới đời Hồng-Đức (1470-1497) « đại lược có những cung Hoàng-Chung, cung Nam, cung Bắc, cung Đại Thục, luật Dương-Kiều luật Âm-Kiều, những điệu hát Hà Nam Hà Bắc, Bát đoạn cầm. Bọn giáo phường ngày nay theo thói quen gọi lầm cung Hoàng Chung là cung Huỳnh cung Đại thục là cung Đại thạch Dương Kiêu là Kiêu Dương Hà Nam là Xà Nam. (1)

« Còn những lối đàn lầy, hát từng, thét nhạc, đều là mới thêm ra cả. Lúc đọc thơ đọc phú thì chỉ nhất nhanh tạt nhập những câu thơ ngũ ngôn, thất ngôn mà đọc, chớ không có thứ tự gì cả. Còn như lối hát cổ xưa, bọn giáo phường hãy còn truyền được ít nhiều xoang điệu cổ, lúc hát lại xen giọng tân thanh vào. Từ năm Cảnh-Hưng (1740-1786) trở về trước hãy còn được ít nhiều xoang điệu cổ ấy, sau đến cuối đời Lê chỉ có ả-đào giả mới hát được hoặc đem bắt

những ả-đào non hát thử thì lẽ lười xin chịu ngay, không thể nào hát được. » (2)

Cũng theo Phạm-Đình-Hồ thì âm nhạc Việt (...) « không giống bên Tàu, nhưng cũng có tiếng cao, tiếng hạ, tiếng thanh, tiếng trọc, đủ cả, năm cung bảy thanh » (...) (2).

Nhưng nếu căn cứ vào mấy tên Hoàng Chung, Đại Thục thì chúng ta thấy rằng âm-nhạc Việt thời ấy chịu ảnh-hưởng nhạc Trung-Hoa rất nhiều.

Hoàng-chung có nghĩa là cái chuông vàng, là âm chánh trong 12 luật lữ (4).

1) Phạm-Đình-Hồ Vũ trường tùy bút tờ 40b. Bản dịch của Đông-Châu. Nam-Phong tháng 10 năm 1927. Trang 365-366.

(2) Phạm-Đình-Hồ Vũ trường tùy bút tờ 40b. Bản dịch của Đông-Châu — Nam-Phong tháng 10 năm 1927. Trang 366.

(3) Phạm-Đình-Hồ Vũ trường tùy bút tờ 42a. Nam-Phong tháng 10 năm 1927. Trang 366.

(4) 12 luật lữ ấy là : Hoàng-chung, Đại-lữ, Thái Thốc, Giáp-chung, Cô tây, Trọng-lữ, Nhụy-tân, Lâm-chung, Di-tắc, Nam-lữ, Vô-xạ và Ứng chung. Sau này, có dịp chúng tôi sẽ viết về *Hoàng-chung* và 2 *Luật-lữ*.

Trong 84 «điệu» (người Trung-Hoa dùng chữ *tiáo*) dùng trong cổ-nhạc Trung-Hoa từ đời Đường, đời Tống, có điệu gọi là «Hoàng chung chủy điệu». Và có «Đại thạch điệu», cũng gọi là Đại thực điệu (1) Do đó, chúng ta thấy rằng Hoàng chung, Đại thạch là những điệu của cổ-nhạc Trung-Hoa. Và Đại thạch điệu cũng gọi là Đại thực.— Hai chữ Đại Thạch và Đại thực tuy viết khác nhau nhưng người Trung-Hoa đều đọc là Ta-che. Nếu có dịp nghiên-cứu 84 điệu cổ của nhạc Trung-Hoa, có lẽ chúng ta sẽ biết hơn về các điệu Hoàng chung, Đại thạch. Trong lúc tra tự điển Trung-Hoa mấy chữ ấy tôi có dịp gặp ông Hoàng-Xuân-Hân nhờ ông giảng nghĩa của chữ Hoàng chung, Đại thực, thì ông Hân có nói rằng «Đại thực» có nghĩa là Ả-rập, thành ra điệu Đại thực chẳng biết có phải do người Ả-rập mang sang chăng. Chúng tôi rất tiếc rằng chẳng bao giờ nghe được một ả đào «hát đồn đại thạch» để coi hệ thống âm giai của điệu đại thạch có đặc điểm nào nhắc lại lời nhạc Ả-rập chăng. Nhưng trong 84 cổ điệu Trung-Hoa cũng có Tiểu thạch điệu cũng gọi là tiểu thực điệu. Đại thạch điệu thuộc về âm giai của Hoàng chung, mà tiểu thạch điệu thuộc về âm giai của Trọng lữ. (1) Phạm Quỳnh trong bài khảo về hát ả đào có viết: «lối đồn đại thạch chắc là đại thực đọc sai đi, khúc này vừa hát vừa múa lúc yếu thực tế lẽ, văn thể lục bát» (2). Nguyễn - Đôn - Phục cũng nghĩ như thế. «Đại thạch»...khúc

(1) Maurice Courant *Essai historique de la musique classique des Chinois*. (Lược khảo về lịch-sử 2 âm-nhạc cổ-diễn của người Trung-Hoa) Trang 117.

ấy vừa hát lại vừa múa, giọng hát thật cao, nhịp phách thật mau, cho nên gọi là đồn đại thạch. Cũng có người cho đại thạch là *đại thực* nghĩa là múa hát trong khi đại yến. » (3)

Theo chúng tôi thì chữ Đại thạch có lẽ lấy trong danh từ cổ-nhạc Trung-Hoa vì dưới đời Lê, nhạc Việt chịu ảnh-hưởng nhạc Trung-hoa rất nhiều, từ việc Nguyễn-Trãi, Lương-Đăng kê cửu nhạc nhà Minh để định nhạc triều-đình Việt đến những cách Lục tấu, Cửu tấu trong lễ nhạc cũng bắt chước người Trung-Hoa. Muốn biết rõ nghĩa chữ Đại thạch phải được nghe và phân tách điệu Đại thạch của ta để so sánh với điệu Đại thạch của Trung-hoa coi hai điệu giống và khác nhau chỗ nào.

«Cung huỳnh» ngày nay, theo Nguyễn-Đôn-Phục, thuộc về phách mau; khi hát các lối đã hồ xong, thì đem một bài hát mượt, và một bài hát nói đọc ra giọng huỳnh mà dồn vào phách mau nên gọi là *dụng cung huỳnh* (3).

Cung huỳnh là một trong 5 cung của lối hát ả đào. Từ ngày nghiên-cứu về cổ-nhạc Việt, tôi chưa có dịp gặp một đào nương để biết rõ 5 cung ấy là gì. Theo tài liệu của Nguyễn-đôn-Phục thì 5 cung ấy là: cung Nam, cung Bắc, cung Nao, cung Pha và cung Huỳnh.

Cung Nam là giọng đi bằng phẳng mà xuống thấp.

(2) Phạm-Quỳnh *Văn-chương trong lối ả đào* Nam Phong Tháng 3 năm 1923 trang 176.

(3) Nguyễn-đôn-Phục *Khảo luận về cuộc hát ả đào* Nam Phong tháng 4 năm 1923 Trang 279.

Cung Bắc là giọng rần rỏi mà lên cao.

Cung Nao là đương cung nọ chuyển sang cung kia, mà cung ấy chen ở giữa.

Cung Pha là giọng đọc lơ lơ đi không đọc như chính âm nữa.

Cung Huynh là giọng đọc gấp và mau (1).

Ngày xưa khi đọc bài Phú Tì bà có đủ cả cung nam, cung bắc, cung nao, cung pha và cung huynh nên gọi là Thông tì bà hay Thông năm cung.

(Chữ *thông* theo Nguyễn-Đôn-Phục có nghĩa là « thừa tiếp » ; đó là một « điệu đọc thơ, ngân rãi ra từng chữ ở trên rồi mới vào phách » (2). Theo Phạm-Quỳnh thì *hát thông* là « ...đọc thông đi cho trơn chuốt, êm ái rõ ràng, không phải ngân ngư lên bổng trầm gì cả, cách đọc thông thì đọc cả thơ tràng, đoá thiên, phú ca, ngâm khúc Thiên-thai, chức Cầm hời văn, phú Năm canh, Kiều, Chinh-phụ v.v... » (3)).

Ngoài 5 cung chánh còn có hai cung phụ thuộc.

Cung hãm : giọng lên cao mà có ý hãm lại không chịu phóng ra.

Cung trầm : là giọng xuống thật trầm.

Về danh-từ dùng trong hát ẨM ĐÀO, rất khó mà biết vì sao một điệu hát được gọi bằng tên này hay tên khác. Mỗi người đọc trại ra một cách và giảng đi một đường. Chỉ có hai điệu hoàng cung và đại thạch mà có bao nhiêu cách giảng,

cũng như điệu Hà - Nam ngày xưa mà có người đọc trại là Xà-nam thì theo Nguyễn-Đôn-Phục thì Hà-Nam, Hà-vị, Hà-liều, Sa-mạc thì... « chừng là ở xứ đất ấy có khúc hát ấy, lịch đại mới nhất vào để làm khúc hát trong nhạc phủ, rồi lâu ngày thành ra một khúc phổ thông trong giáo phường mà nguyên lai ở về đất nào cũng thất truyền đi » (1).

Theo Phạm-Quỳnh thì ngày xưa đào và kép đều hát cả. « Kép hát thì gọi là *Hà nam*, hát trai hay là *nam xướng*. Đào hát thì gọi là *Hát nãi*, hát gái hay là *nữ xướng*. Kép hát trước rồi đào hát lại mà theo y như âm điệu và bài kép đã hát thì gọi là *Hà liều*. Xưa phân biệt như thế nhưng nay hát nói duy có đào hát mà thôi. » (4)

Ngày nay các điệu xưa thất truyền, trong lối ẨM ĐÀO có những khúc hát trong lễ lối và nhiều điệu hát *vật*, hát *ngang*.

Theo truyền thống ẨM ĐÀO thì lúc bắt đầu có « *giáo hương*, *giáo trống* » (5) hay là « *dâng hương*, *giáo trống* » (1). Người kép rung mấy hồi trống, đọc mấy câu chúc mừng, đào nường đốt hương đứng lên trước mặt thánh.

Xong rồi mới *thiết nhạc*. Nguyễn-Đôn-Phục và Phạm-Quỳnh đều không rõ tại sao có chữ *thết nhạc* hay *thiết nhạc*. Lối *thết nhạc* Phạm-Đình-Hồ cho là mới (6) mà Phạm-Quỳnh cho là « cổ lắm » (7). Theo Nguyễn-Đôn-Phục thì

(1) Nguyễn-Đôn-Phục Trang 285.

(2) Nguyễn-Đôn-Phục Khảo-luận về cuộc hát ẨM ĐÀO, Nam - Phong tháng 4 năm 1923 trang 279.

(3) Phạm-Quỳnh Văn-chương trong lối ẨM ĐÀO, Nam-Phong tháng 3 năm 1923, trang 176.

(4) Phạm-Quỳnh Văn-chương... Nam-Phong tháng 3 năm 1923 Trang 177

(5) Nguyễn-Đôn-Phục Khảo-luận về cuộc hát ẨM ĐÀO Nam-Phong Tháng 4 năm 1923. Trang 278

(6) Phạm-Đình-Hồ Vũ-Trung tùy bút tờ 40b

(7) Phạm-Quỳnh Văn-chương... Trang 176

sau khi giáo đầu, vào phách, ra phách, có phách là đầu, phách khoan, phách mau, như thế gọi là thiết nhạc. (1)

Rồi đến *Ngâm vọng* và *Hát mưỡu*, *Hát nói*.

Ngâm vọng là bắt đầu ngâm nga mấy câu mới vào phách, *hát mưỡu* là hát hai câu lục bát trước khi vào bài *hát nói*, một bài hát có 11 câu. *Hát mưỡu*, hát nói là lối hát thông dụng nhất. Trong phạm vi một bài tổng quát về lối hát ả-đào chúng tôi không thể phân tách hệ thống âm giai, và tiết điệu của một bài hát nói. Thật ra thì trong một bài hát nói, cách đánh phách, đánh trống, câu đàn, tiếng hát mỗi mỗi đều theo một truyền thống nhất định.

Trong hát ả-đào lại có hát *dựng cung huỳnh*, hát *dồn đại thạch*, mà chúng tôi đã nói đến trong mấy trang trước. Có điệu *dịp ba cung bắc*. Trong một khúc hát có 3 lần đổi điệu. Sau mấy câu ngâm nga rồi vào phách, « *chen cung Nam, cung Bắc* rồi chuyển sang *cung pha* » (2). Có điệu *gửi thư*, dùng câu 7 chữ hoặc câu lục bát... hay là theo lối cổ thi; điệu *chữ khi* hay là *chữ khi* trong khúc hát có 6 chỗ đặt hai chữ *chữ khi* lên đầu khổ hát, có điệu *hát hãm*, *ngâm hãm* để chúc mừng dựng rượu, có điệu *đọc thơ*, *đọc phú*, *hát ru* (ru con hay là hát du tình du) hát truyện.

Về các lối hát *vật*, hát *ngang*, không phải chính thức trong giáo phường có những điệu *bông mạc*, *sa mạc*, hát *xăm* (xăm ả-đào khác hơn xăm chợ là những lối hát của người mù) hát *dịp một*, hát

chèo, hát *lý* (đem những bài Hành vân, ca Huế vào hát ả-đào).

Trong một cuộc hát ả-đào, có kếp đàn, có đào hát có quan viên nghe nhịp trống.

Đào-nương vừa hát vừa nhịp phách. Nguyễn-Đôn-Phục cho rằng cái phách « là cái thước để đo câu hát » (3). Có phách rung, phách dóc, phách hơi, phách lá đầu, phách khoan và phách mau. Theo Nguyễn-Đôn-Phục thì *phách rung* đánh lúc đầu khi đào-nương còn ngâm nga chưa vào phách; *phách dóc* là đánh theo từng khổ hát, *phách hơi* là đánh làm mực cho hơi hát..., *phách lá đầu* thường đánh ở câu hát có màn đầu những ai khi đánh trong hoặc đánh ngoài câu hát. Hát khoan thì đánh *phách khoan*; hát mau, hát đồn, hát dựng hay khi xếp thì đánh *phách mau* (2).

Quan viên đánh trống trước khi đào kếp đến, đánh *Sơ-cổ* *Tòng-cổ* và *Trung-cổ*. Đào kếp đến rồi đánh *Thối-cổ*. *Tòng-cổ* thì có 3 tiếng khoan hai tiếng nhặt, *Trung-cổ* thì một tiếng khoan hai tiếng nhặt. *Thối cổ* có 2 tiếng đều, không khoan không nhặt (4).

Tiếng trên tang trống gọi là *cắc*, tiếng trên mặt trống là *tùng*,

Đánh 12 tiếng *cắc* để gọi kếp, 9 tiếng *tùng* để bảo kếp lên dây đàn rồi 2 tiếng *tùng* lên tiếp để hỏi đào kếp bắt đầu.

(2) Phạm-Quỳnh *Văn-chương*... Nam-Phong tháng 3 năm 1923, Trang 176.

Nguyễn-Đôn-Phục *Khảo-luận*... Nam-Phong tháng 4 năm 1923, Trang 278.

(3) Nguyễn-Đôn-Phục *Khảo-luận*... Nam-Phong tháng 4 năm 1923, Trang 286.

(4) G. Cordier *Essai sur la littérature annamite : La chanson* La Revue Indochinoise 1920. Trang 19, 20.

(1) Xem 2 trang trước

Đào hát kềm, hết bài, quan viên đánh 5, 6, 7 tiếng các tức là quan viên không thích nghe cô đào đó nữa.

Chúng tôi chưa có dịp gặp tay sành trống để nghiên-cứu các lối đánh châu. Theo ông G. Cordier (Coc-di-ê) thì có nhiều cách đánh khen, đánh châu gọi là *thùy-châu, lạc-nhạn, hạ mã* hay là đánh một tiếng các, 2, 3 tiếng từng gọi là *Tranh hiển, Phi-nhạn, Thượng-mã*. Nhiều khi đào hát hay quá không kịp đánh *tùng*, quan viên chỉ đánh các lèo nhịp trên tang trống. (1)

Cái hay trong lối ẻ-đào không phải cái hay của người Âu-châu là cao giọng, dài hơi, cũng không phải cái rung như trong tân nhạc. Nguyễn-Đôn-Phục đã nói rõ hát ẻ-đào thế nào là hay.

« Hát thì lấy lên xuống cho tròn vành, ngâm đọc cho rõ chữ; mà chữ nào cũng có dư-âm, liền liền không dứt là hay. Chữ đó tức là cái hạt châu, cái dư-âm đó tức là cái sợi chỉ nhỏ nhỏ để khâu lại các hạt châu. Hát cũng có mấy vẻ hay :

- một là hát sốc vác tức là hát khỏe
- hai là vẽ dài các tức là vẽ lịch-sự
- ba là vẽ thăm thiết, nấu nung, tức là vẽ buồn
- bốn là vẽ tài tình, tức là vẽ đi, vẽ lẳng lơ

Bốn vẻ ấy đều có đặc sắc riêng, không thể chia ra hơn kém được. » (2)

Ngày nay ẻ-đào chỉ hát chỗ ngày xưa đào nương thường vừa hát vừa múa.

(1) G. Cordier *Essai sur la littérature annamite*. La Chanson La Revue Indochinoise (trang 20)

(2) Nguyễn-đôn-Phục, *Khảo-luận về cuộc hát ẻ-đào* Nam-Phong tháng 4 năm 1923. Trang 285-286.

C. — ĐIỀU MÚA CỦA Ẻ-ĐÀO

Trong các tài-liệu về những điệu múa của ẻ-đào, tài-liệu xưa nhất là bài của Baron (Ba-rôn), (3) đăng trong quyển thứ III Văn tập Churchill (Tchơ-Tchia-lơ) năm 1732. Nhà xuất-bản không nói rõ coi Baron là người Việt hay là người Anh sanh ở tại nước Việt (4). Baron sinh năm 1685, viết bài về nước Việt trong đó có một đoạn về các lối múa của ẻ-đào thời bấy giờ. Trước nữa sách *Công dư tiếp ký* có nói đến một đào nương hát hay múa giỏi dưới thời quân Minh chiếm đóng nước Việt tức là vào đầu thế-kỷ thứ XV. Nhưng chúng ta chẳng biết thời đó, ẻ-đào múa ra sao, Baron tả lại một điệu múa hơi giống lối múa mà trong Nam gọi là « múa bông » do những đồng bóng múa lúc gần « lên ». Đầu đội một cái chậu trong đó có nhiều đèn dầu nhỏ. Người múa cử động nhanh nhẹn, nhẹ nhàng mà không làm đổ dầu. Điệu múa ấy lâu độ nửa giờ. Nhiều người vừa múa, vừa « đi dây », múa trong lúc chân đứng trên một sợi dây căng giữa hai cây cọc, trông rất dịu dàng. (5)

Gần đây vào lúc cuối thế-kỷ thứ XIX, G. Dumoutier (Đuy-mu-chê) có tả lại điệu múa bài bông. Trong mấy ngày hội hay tại nhà các quan, có những người của phường hát bỏ bộ múa bài bông. Họ sắp thành hàng, đồng hát và

(3) Baron. — *Description du Tonquin*, quyển thứ IX. Histoire générale des voyages. Paris chez Didot. Quai des Augustins 1751

(4) Quyền trên. Lời chú số 67.

(5) Baron. — *Description du Tonquin*, Tome IX Histoire générale des voyages. Trang 102

đồng múa. [Các động tác đều khoan thai và không khó khăn chi cả, họ bước tới trong lúc chân này chạm vào chân kia, nhúng qua nhúng lại, hoặc xoay tròn v.v... Có khi họ mang trên lưng hai cây đèn hoa bằng giấy. Lúc múa đèn đốt sáng và nhìn họ giống như những hoa chiếu sáng (1).

Ông G. Knosp (Cờ-nốt-xơ-pơ) cũng được xem điệu múa bài bông. Theo ông, điệu múa ấy không đẹp mắt. Người múa bước chậm chạp và chỉ uốn éo thân mình và cử động hai cánh tay, và hai bàn tay. Người múa dờn phấn thoa son, mặc áo lụa màu đen hay màu lam và đeo hai cái đèn giấy kết hoa ở hai bên vai. (2)

Điệu múa đó tức là cách múa bài bông mà Nguyễn-Đôn-Phục tả trong bài khảo-luận của ông về cuộc hát ả-đào : «... bài nghĩa là từng bài từng trận, bông nghĩa là hoa tức nghĩa là «múa trận hoa». Cách ấy vừa hát, vừa múa, ít ra cũng phải từ 8 người ả-đào trở lên, sắp từng hàng ra mà lên xuống, hát múa. Từ y-phục cho đến cách bộ đều có vẻ xán lạn, huy-hoàng, đều có khuôn, nghiêm túc, tề chỉnh, hoa đội đỏ mà nghiêm nhiên như thể một quân-đội đỏ. Cách ấy là cách thịnh cử nhất ở trong nhạc giới, trừ khi có đại diễn mới dùng. » (3) Ngoài cách múa bài bông còn có

những điệu khác vừa hát vừa ra bộ như cách *Đánh đồng thiếp*, cách *Bơm gái say*, *Bơm gái tỉnh*; ả-đào vừa hát vừa làm ra cách bộ ông Sư cụ, người bơm gái, người đi săn v.v... (3) Ngoài ra, trong mấy buổi hát tại đình để tế thần ả-đào cũng vừa hát vừa múa (4). Trong khi nhạc tấu lúc dâng hương, 5 ả-đào mặc áo quần lụa đen mà múa (6). Tại tỉnh Hà-đông, trong lúc « Nghinh thần, hai ả-đào vừa hát vừa múa với những cành hoa. (5)

Về các điệu múa, sau này, có dịp chúng tôi sẽ viết một bài riêng về các lối vũ của người Việt. Điệu múa cảnh hoa trong cung phủ có rất nhiều. Vào năm 1822, trong lối yển nhạc, hoặc trong cung chỉ nhạc có múa mấy điệu *Thanh hoa chi* (cảnh hoa xanh) lúc lễ Thượng thọ lần thứ nhất, điệu *Hồng hoa chi*, lần thứ nhì, điệu *Huỳnh hoa chi* lần thứ ba. Lúc Hoàng thái hậu về cung thi múa điệu *Tiểu đào quả*. (7) Những điệu múa cảnh hoa của ả-đào có lẽ do các điệu múa trong cung phủ mà ra. Ngày nay, các điệu múa ấy thất truyền và tất cả các lối hát cũng không còn được thông dụng nữa.

* *

(1) G. Dumoutier *Les chants et les traditions populaires des Annamites*. Trang IX, X

(2) G. Knosp *Rapport sur une mission d'étude musicale en Indochine* Internationales Archiv für Ethnographie (Tài liệu quốc-tế về nhân chủng học) Quyển XX, Trang 242. 243.

(3) Nguyễn-đôn-Phục khảo-luận về-cuộc hát ả-đào Nam-phong tháng 4 năm 1923 Trang 279

(4) Bắc-Ninh khảo-dị Quyển 2 tờ 20a (có vẽ cả hình ả-đào đang múa) Quyển 6 tờ 13 a,b.

(5) Nguyễn-Văn-Huỳnh *Etude d'un génie tutilaire annamite*. (Khảo về một ông thành hoàng nước Việt) Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient. Quyển XXXVIII 1938. Tập 1 trang 86.

(6) Hà-Đông tỉnh khảo-dị Quyển 1 tờ 10 a,b, Quyển 1 tờ 11 b.

(7) Khâm định đại Nam hội điển sự lệ, Quyển 99 tờ 22b, tờ 23a,b, tờ 24a,b. Quyển 72 tờ 22a.

HÁT Ẻ-ĐÀO

Xem qua các lối hát ẻ-đào từ xưa đến nay, chúng tôi thấy rằng hát ẻ-đào ngày xưa có lẽ là một lối hát trong dân chúng. Hát ẻ-đào dùng vào việc tế lễ trong làng trong thôn, hay là trong các buổi ăn cưới ăn khao. Nhất là tổ chức những cuộc hát thi, có tánh cách dân-chủ. Người trong làng « cũ » người giỏi nhạc để cầm châu, người đó không cứ phải tuổi cao hay chức lớn. Người biết hát ẻ-đào, nhưng vẫn tham dự vào công việc nông thôn, và phải là người có nết na mới được chấm vào hạng ưu trong những cuộc thi ấy. Những điệu hát đã làm đẹp tại những người nho-sĩ hoặc người có quyền tước. Những người này bỏ tiền ra thuê đào hát để thỏa sở thích của mình. Lăn lăn đào nương không những bán tiếng hát lại còn bán phần buôn hương, Hát ẻ-đào biến thành một cuộc mua vui cho hạng quyền - quí, nho - sĩ, mất tánh cách tôn-giáo và bình-dân đi. Giản nhạc phụ họa lúc đầu, nhường chỗ cho một cây đàn đáy. Các điệu cổ phong-phú thất truyền, còn lại đôi ba điệu thông-dụng. Mấy lối

múa cũng mất đi. Lối hát ẻ-đào mất cả tính-chất nghệ-thuật, trở nên một trò chơi. Người học hát càng ngày càng ít. Đến nay, mấy người còn nhớ các xoang điệu cổ ?

Nghiên - cứu lối hát ẻ - đào (1), không phải cốt để làm sống lại một hiện trạng xã-hội quá thời, mà cốt để tìm những cái đẹp, cái hay trong cổ-nhạc Việt, cái dân-tộc tính trong cách chuyển giọng bất hời, gõ phách, đánh châu để có thể dùng nhạc liệu ấy mà phổ biến ra, cho Việt nhạc thêm giàu mà không có tánh cách ngoại lai.

TRẦN-VĂN-KHÊ

(1) Trong bài này, chúng tôi chỉ gom góp một ít tài-liệu về cuộc hát ẻ-đào. Mong rằng chúng tôi sẽ có dịp nghiên-cứu tường tận hơn về các khúc điệu, tiết điệu của các lối hát, các bầu đàn, của cách gõ phách, đánh châu, hoặc đọc những bài nghiên-cứu của các nhạc-sĩ bên nước nhà, có dịp nghe rõ tất cả các lối hát ẻ-đào, để có thể viết một bài tường tận hơn về nhạc thuật của hát ẻ-đào, nếu mỗi người yêu nhạc để tâm nghiên-cứu một điểm trong nhạc, thì chẳng bao lâu tài-liệu về cổ-nhạc sẽ dồi dào và người học nhạc sẽ có một căn-bản vững vàng về lý-thuyết để làm cho Việt nhạc ngày càng phong phú và sâu sắc hơn.

- ★ Không bao giờ nên để người dưới ở quá lâu trong cảm-giác nặng nề của người bị trách vấn, dù bị trách vấn xứng đáng, vì mỗi lời trách vấn đều gây ra một mặc-cảm tự-ti, và phàm người có mặc-cảm tự-ti thường bao giờ cũng dùng thái-độ nghi hoặc hay phản đối trong nội-tâm để đối phó lại. Bởi vậy, muốn cho lời trách vấn có hiệu lực giáo hóa, cần phải thêm lời khuyến-khích, cho người dưới tin tưởng vào thiện-căn của họ.
- ★ Cách đây mấy năm, một kỹ-sư Thụy-sĩ mở cuộc điều-tra, trong các xí-nghiệp phát đạt nhất, về tinh-thần của các công-nhân. Nhà kỹ-sư ấy dùng cách khéo léo, gián-tiếp, hỏi cho biết, đối với các công-nhân, điều gì làm cho họ khổ tâm, sợ hãi hơn hết. 90 % đáp là sự phiền trách không đích đáng của những người ở cấp trên họ. Sự làm việc khó nhọc đứng hàng thứ ba hay thứ tư trong bảng sắp xếp.

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 và 24.547

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 36.268 và 36.269.

Danh sách điện báo : COMMUBANK



Các hãng Đại-lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm ừ 300\$ đồng trở lên.



SILENCE TOTAL

à 800 km-heure

AIR FRANCE

présente

Caravelle

Dans le bleu limpide des hautes altitudes, Caravelle glisse paisiblement, tel un planeur, dont il évoque la ligne pure, fonctionnelle et racée.

Musique en plein ciel

Caravelle est l'avion le plus silencieux du monde. Aucune vibration : dans la cabine, on ne perçoit pas le bruit des réacteurs (placés à l'arrière du fuselage). Détendus, les passagers d'Air France écoutent la musique de Mozart dans une ambiance aussi calme que celle d'un chalet de haute montagne...

L'Europe à 800 km-heure

Caravelle équipe aujourd'hui les lignes européennes d'Air France (*). Parmi les premières lignes desservies : la liaison Paris - Istanbul, grâce à laquelle Paris est seulement à :

1 h 40 de vol de Milan, 2 h 30 de vol d'Athènes
2 h 00 — — Rome, 3 h 30 — d'Istanbul

Air France réalise actuellement le plus vaste programme d'expansion de son histoire : après les "Caravelle", mise en ligne des quadrireacteurs Boeing 707 "Intercontinental".

AIR FRANCE

LE PLUS GRAND RÉSEAU DU MONDE

CONSULTEZ VOTRE AGENT DE VOYAGES OU AIR FRANCE 122, 130 RUE TU-DO SAIGON TEL. 20.981 à 84

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon

Điện - Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — INCENDIE

Tai-nạn

Hỏa-Hoạn

TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI - LÝ

của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE

— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE

HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

IMPRIMERIE NOUVELLE

D'EXTRÊME - ORIENT

(INDEO)

Adresse Tél. IDEORIENT - SAIGON

Tél : 20.721 — Boîte postale : 276

1, Duong Nguyễn-Sieu — SAIGON

★

IMPRESSION DE TOUS OUVRAGES, REVUES, BROCHURES, CATALOGUES, TOUS IMPRIMÉS DU COMMERCE, REGISTRES, FACTURES, CARNETS, EN TÊTE DE LETTRES, ENVELOPPES, ACTIONS, OBLIGATIONS, CHÈQUES, CONDITIONNEMENTS, ÉTIQUETTES PAQUETAGES TOUS MODÈLES, FAIRE PART NAISSANCE, MARIAGE, CARTES DE VISITE ET D'INVITATION, CALENDRIERS DE FIN D'ANNÉE, TOUS TRAVAUX NOIR ET COULEUR, TYPO — OFFSET.

REPRÉSENTANT EXCLUSIF :

MACHINES A ÉCRIRE **"HERMES"**

PAPIER HELIO

"DOREL"

VIỄN ẢNH VỀ TÀU KHÔNG GIAN CHẠY BẰNG ÁNH SÁNG MẶT TRỜI

Cô-Liên

CÁC nhà bác-học Hoa - Kỳ hiện nay đang chú trọng đến việc nghiên-cứu nguồn năng lực vô tận của mặt trời để tìm một loại nhiên-liệu thay thế cho những loại chất nổ thường dùng để đẩy hỏa-tiến. Năng lực ấy còn dùng để chạy nhiều loại máy móc đặt trên hỏa-tiến. Người ta cho rằng sau này mặt trời sẽ là nguồn năng lực rẻ tiền nhất, dễ sử-dụng và nhẹ nhàng hơn cả, vì đi đến đâu sẽ tiếp thu đến đấy, không phải tích trữ từ mặt đất mang đi. Các bác-học tìm một phương tiện bay

lên không-gian mà không cần chất nổ lấy ở trái đất.

Người ta đã nghĩ đến nhiều kiểu máy móc có thể dùng sức nóng và tia xạ do mặt trời phát ra. Đây là một lãnh vực nghiên cứu hoàn toàn mới mẻ, những kiểu máy nghĩ ra không có chỗ nào giống những máy đã được trù định để dùng vào việc du hành không - gian. Phải sáng chế và cải-thiện nhiều, kỹ-thuật-gia hoạch-định những đặc-diểm của loại xe không-gian chạy

bằng ánh sáng mặt trời để các họa-sư căn cứ vào đấy mà nghĩ ra những hình - dáng thích hợp.

Tại phòng thí-nghiệm ở Los Slamos (Hoa-Kỳ) người ta đã nghĩ ra nhiều kiểu xe không-gian rất lạ, trong đó có 2 kiểu đáng chú ý là « Cánh buồm mặt trời » và « Buồm không-gian ».

* *

Cánh buồm mặt trời

Cánh buồm mặt trời dùng năng lực của mặt trời như cánh buồm chiếc thuyền dùng sức mạnh của gió. Cánh buồm mặt trời là một khí cụ rất giản dị mà công dụng lớn lao. Buồm quăn lại để gọn trong một chiếc xe không - gian hạng vừa. Dùng hỏa-tiến đặt tàu vào một quỹ đạo rồi mở buồm ra dần dần, khi mở rộng hết cỡ buồm sẽ làm cho xe chạy. Buồm làm bằng một miếng nhựa « plastic » hình tròn, trên phủ một lớp nhôm hóa học (Aluminium vaporisé) để thu hút năng lực của mặt trời. Buồm đẩy chiếc xe không - gian cho đi theo một đường quỹ đạo lớn dần, lớn dần, cho đến khi tàu thoát khỏi hấp lực của trái đất và các hành-tinh khác.

Ấm-hiệu V.T.Đ. tác-dộng đến máy hồi-chuyển-kế (gyroscope) đặt ở giữa cánh buồm sẽ lái tàu đi. Tàu có thể du hành khắp khoảng không-gian thuộc nhật-thống hệ, có thể chạy theo một đường quỹ đạo xung quanh mặt trời, mặt trăng hay các hành-tinh khác.

Không gian gần như rỗng không hoàn toàn, cánh buồm chuyển vận không gặp một sức cản trở nào. Theo các chuyên-gia thì cánh buồm có thể dùng được trong nhiều năm. Một cánh buồm rộng 400 thước và nặng 45 kí có thể đưa một chiếc tàu không-gian đến Hỏa-Tinh rồi trở về trong 2 năm rưỡi.

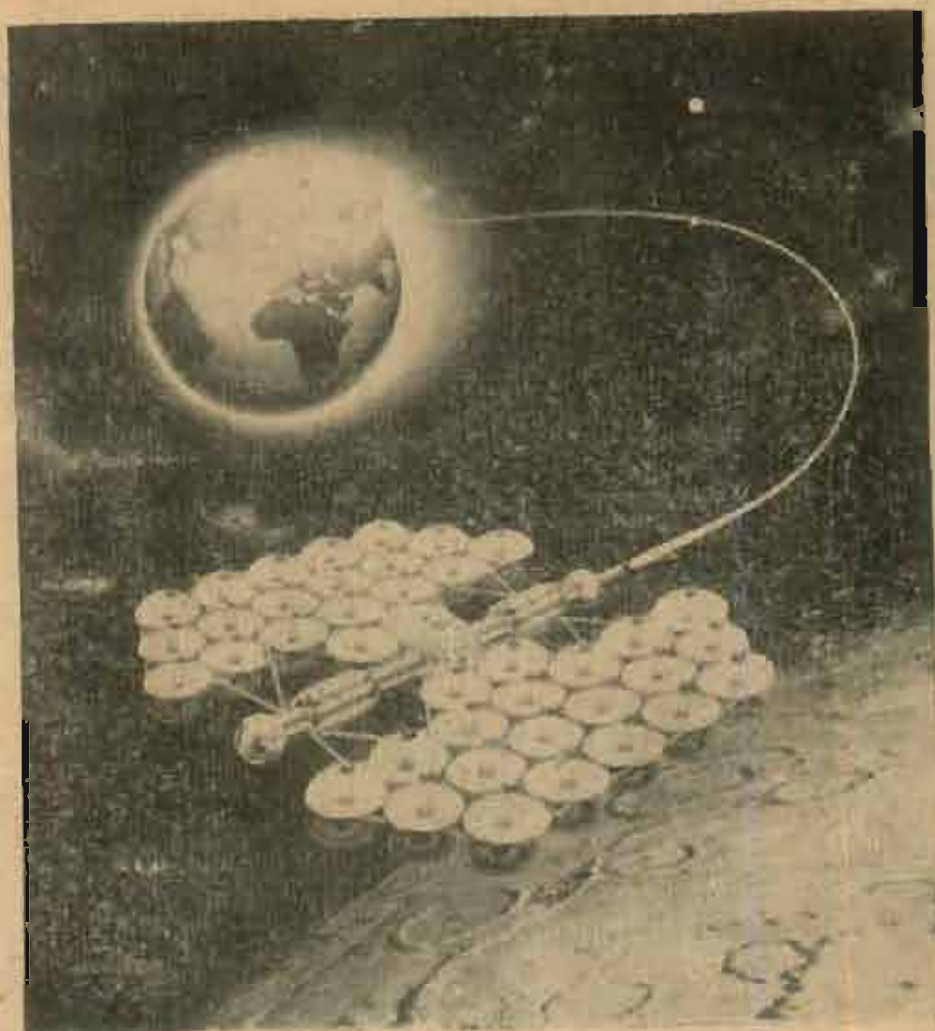
Hoa - Kỳ đã dùng năng lực mặt trời trong những cuộc thám hiểm không gian mới đây. Vệ - tinh Explorer VI đã có những « tế bào » đặt trên cánh của nó để thu hút năng lực của mặt trời và chuyển hoá thành luồng điện chạy máy vô-tuyến-điện làm cho vệ-tinh có thể liên lạc với trái đất từ một địa điểm cách xa 37.000 cây số.

Chuyển hoá trực-tiếp ánh sáng mặt trời ra điện lực là một phương-pháp kỹ-thuật mới mẻ, những kiểu máy móc dùng vào việc ấy cần phải đem thí-nghiệm trong không-gian. Một kiểu máy đáng chú-ý nhất là máy phát nhiệt-điện (générateur thermo-électrique) mới được hoàn tất do hai công-ty Westinghouse Electric corporation và Boeing Aircraft Company. Kiểu máy này dùng một thứ mặt gương bằng nhôm thu hút ánh sáng mặt trời rồi truyền nguồn tinh lực đó xuống 2 mảnh kim khí một nóng, một nguội, làm phát sinh một luồng điện một chiều. Thứ máy ấy được hoàn-thiện sẽ là loại máy điện dùng trong tàu không - gian vì nhẹ nhàng, không cồng kềnh, chắc chắn, mà dùng được nhiều năm không cần trông nom.

* *

Đây là « Bướm không gian » do nghệ-sĩ Hoa-Kỳ Frank Tinsley trình bày, không phải nghệ-sĩ chỉ theo óc tưởng tượng mà nghĩ ra hình thù kỳ dị này. Nhờ công việc nghiên-cứu của một kỹ-sư chuyên môn về tàu không gian chạy bằng ánh sáng mặt trời mà người ta định cho nó những đặc điểm cần có. Cánh bướm là hai hệ-thống mặt kiếng lớn để tiếp nhận ánh sáng mặt trời. Năng lực thu được dùng để chuyển một động cơ sản xuất điện lực cho chạy một hỏa-tiến. Hỏa-tiến đó nhờ có nhiên liệu vô tận có thể chạy liên miên không ngừng mà đẩy Bướm không gian đi với tốc độ thật cao. Có thể dùng vô-tuyến điều khiển hãm bớt tốc lực khi Bướm trở về trái đất.

Bướm không gian có phải loại tàu không-gian chạy bằng ánh sáng mặt trời của tương lai chăng ?



Bướm không gian

Bướm không-gian

Bướm không gian là một loại tàu không-gian có họ hàng với vệ-tinh Explorer VI. Trong «cánh» của nó có gắn những tấm mặt gương rộng để thu hút năng lực của mặt trời y như cánh chiếc vệ - tinh Explorer VI. Năng lực thu được của mặt trời sẽ truyền ra những máy đặt trong thân bướm. Luồng điện phát ra dùng để chuyển động một loại hỏa - tiến nguyên-tử (1), hỏa-tiến đẩy bướm đi nhanh hay chậm tùy ý muốn.

Tuy rằng khoa nghiên-cứu năng-lực mặt trời mới trong bước đầu, nhưng các bác-

học đã có thể căn cứ vào những kết-quả sơ-khởi để tiên-liệu rằng những hỏa - tiến hay tàu không - gian chạy bằng ánh sáng mặt trời chuyển-vận nhẹ-nhàng hơn và dễ điều-khiển hơn hỏa-tiến phóng bằng chất nổ, tàu chạy bằng ánh sáng mặt trời lại còn rẻ tiền hơn vì có thể nhẹ hơn. Một trong những mục - phiếu nghiên - cứu về khoa-học không-gian sau này sẽ nhắm vào loại tàu đó, vì lẽ nguồn năng-lực mặt trời có được hai đức - tính quý-giá : có đều đều và vô tận, có thể vừa dùng để đẩy tàu đi, vừa dùng để chuyển động nhiều cơ-quan điều-khiển và khí cụ mang theo.

(1) Fusée ionique.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VON : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Frs.

**TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN**

GIAN PHI — HÀNG HAI — RỦI RO

VON : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 5.000.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.500.000 Anh-kim



Luân - Đôn Tổng - Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2



Saigon Chi - cục

CHI - CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)



Nam - Vang Chi - Cục

10, Phlaur Preah Kossamac



*Chi - nhánh thành - lập tại các
nước Viễn - Đông*



Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

ĐIỂM SÁCH

★ NGUYỄN-VĂN-XUÂN

QUỲY « Việt-Nam văn-học toàn-thư » phần Thần-thoại ra đời đã lâu. Hôm nay tôi không đặt vấn-đề phê-bình tỉ mỉ, mà chỉ đi vào vài điểm, theo tôi nhận thức, rất quan trọng đối với Văn-học sử Việt-Nam.

Tất nhiên như thế tôi sẽ không bàn tới công trình tác-giả đã bỏ ra để có nhiều tài-liệu, hình ảnh (1) khiến quyển sách, trước hết, có một vẻ bề thế, khang kiện, thanh-nhã, khả-di làm cho ngành biên-khao nước nhà đã tiến được một bước về hình thức. Và tôi cũng không cần dài giọng khen tác-giả đã chú trọng nhiều về bút

(1) Tôi không rõ một số ảnh chụp ở bảo-tàng Guinet có in trong quyển này là sản-phẩm mỹ-thuật của nước nào. Tàu, Nhật hay Việt-Nam? Nếu là của Việt-Nam tác-giả nên chưa rõ một số chi tiết vì nó có quan hệ đến sự tìm hiểu văn-ngệ Việt-Nam. Còn nếu của Tàu hay Nhật cũng nên cho độc-giả biết để khỏi nhầm lẫn.

Tên sách : **Việt - Nam văn - học toàn-thư : thần-thoại**

Tác giả : **HOÀNG-TRỌNG-MIÊN**

Nhà xuất bản : **Quốc-Hoa**

✱

pháp để những tư-tưởng phiền-toái rắc rối diễn ra một cách trong sáng, tinh tường.

Tôi chỉ nêu hai điểm chính : một điểm tổng quát về Văn-học và một điểm riêng về Thần-Thoại.

..

I

Điểm tổng-quát về văn-học.

Sở-dĩ có điểm này là vì Thần-Thoại là quyển đầu trong tập Việt-Nam văn-học Tùngthư, cho nên tác-giả có nêu ra những điểm làm căn-bản cho toàn bộ sẽ tiếp-tục ấn-hành. Những điều này khá quan hệ, vì ông muốn : « *tổng hợp lại cái kho tàng (Văn-học) quý giá của tổ-tiên chúng ta để lại, đánh giá đúng đắn những giá-trị tinh thần cũ.* »

Công việc tổng hợp của ông đặt trên cơ-sở « tìm hiểu quá trình phát-triển của văn-học theo giòng lịch-sử, khảo-sát giá-trị những hình-thái văn-học và tác-phẩm văn-chương qua các thời-đại, »

Một công việc có thể nói là vĩ-đại. Vì ta có thể hiểu là qua công cuộc sưu-tầm toàn thư, tác-giả còn làm công cuộc tổng hợp của nhà văn-học sử trong cái nghĩa đứng đắn và quan trọng nhất của nó.

Nhưng trên đây, mới là những lời vào đầu cho « ... con thú có bề ngang, bề cao, nghênh ngang giữa cỏ cây... » (1). Ta sẽ chờ để thấy sự xuất lộ của toàn hình con thú qua những quyển sách mang các đề tài khác nhau. Chúng ta sẽ tuần tự theo tác-giả khảo-sát, để xem công cuộc tổng-hợp đó ra sao trong cái tình-trạng của đa-số nhà biên-khảo còn như mù-mịt trước một nền văn-học mà tài-liệu thiếu hẳn. Một tình-trạng văn-học trong đó có lẽ chỉ văn-chương truyền khẩu và thi-ca là còn lưu lại những gì đáng kể, song đã được ông Hoàng-Trọng-Miên báo trước : « Một nền văn-chương dân-tộc, có thể đem so sánh với bất cứ dân-tộc nào, đã có những tác-giả và tác-phẩm có thể sánh vai với bất cứ nước nào trên thế-giới, » trang 6 (sic và resic).

Nhưng hãy khoan... Những điều này chỉ có thể nhận định sau khi toàn bộ sách ra đời. Bây giờ chúng ta đi theo việc chia phần.

Sách gồm bốn phần, theo sự phát-triển của « 4 ngành rõ rệt trong văn-học :

(1) Lời tựa của Tam-ích, mượn ý của Flaubert khi nói về các tác-phẩm lớn.

- « 1) Văn-chương Truyền khẩu.
- « 2) Văn-chương chữ Hán.
- « 3) Văn-chương chữ Nôm.
- « 4) Văn-chương Quốc-ngữ. »

Chỉ cần nhìn qua, người ta đã thấy có sự lạ trong việc phân ngành : chữ Hán ! Gọi là sự lạ vì không mấy ai dám công nhận một ngoại-ngữ — cho dẫu quan-hệ đến văn-học ta như thế nào — đem nó vào nền văn-học nước nhà. Đành là : « Trong một thời-gian suốt mười mấy thế-kỷ, tổ tiên chúng ta đã diễn đạt tư-tưởng tình cảm bằng chữ Hán, văn-học chữ Hán do người Việt sáng-tác đã có ảnh-hưởng đến đời sống của dân-tộc, tác-dộng đến sự tiến-triển của lịch-sử đất nước và chữ Nôm cũng thoát thai từ chữ Hán mà ra ».

Song như thế, chính ông đã tự phản ông. Vì ở trang mở đầu, ông đã tuyên-bổ một cách rất hợp lý, hợp tình là : « Văn-học là một hiện-tượng dùng ngôn-ngữ dân-tộc có tính-chất nghệ-thuật để diễn đạt bằng hình ảnh mà truyền cảm, biểu hiệu tinh-thần, tình cảm của con người ».

Hay ông cho đó là lệ chung, còn sự dùng Hán tự là ngoại lệ ? Có thể có một lệ ngoại-ngữ 1/4 của toàn-thể ? Có lệ ngoại đưa tiếng ngoài vào để tìm hiểu những sắc thái tinh-thần của một dân-tộc ? Cái thứ chữ ngoại đó, ông tin là đã ảnh-hưởng đến quần-chúng thế nào qua các thời-kỳ lịch-sử ? Còn bảo nó có ảnh-hưởng đến đời sống dân-tộc, tác-dộng đến sự tiến-triển của lịch-sử đất nước thì tôi thiết tưởng Tứ thư, Ngũ kinh, Tam-quốc, Thủy-hử và sau này các sách của Lương-Khải-Siêu chẳng hạn... ảnh-hưởng có kém đâu ?

Trong thế-giới, đâu có phải thiếu những nước chịu ảnh-hưởng sâu đậm của một nền văn-hóa khác mà chính chữ viết của họ cũng lấy theo « mẫu tự » nước khác giống hệt trường hợp Việt, Nhật đối với văn-học Trung-Hoa. Văn-sĩ, biên-khảo gia của họ cũng tạo tác nhiều công-trình đáng kể bằng thứ tiếng liên hệ ấy. Trường hợp văn-học La-Hy đối với một số nước Tây-phương là bằng chứng hùng hồn hơn hết. Thế mà có ai đi ghép các nhà văn, nhà biên-khảo ấy cùng là tác-phần của họ vào văn-học chính thống nước nhà đâu ? Ngược lại, chỉ thấy các văn-học sử-gia công nhận vào văn-học sử Tổ-quốc những nhà văn ngoại-quốc viết bằng tiếng nước họ thôi.

Sự tào bạo này của ông Hoàng-Trọng-Miên không phải đầu tiên. Mười mấy năm trước, tôi nhớ ông Nguyễn-Đổng-Chi trong *Việt-Nam cổ văn-học sử* cũng đã thực-hiện công việc ấy và đã bị khá nhiều học-giả (trong số ấy có ông Đặng-Thái-Mai ở Thanh-Nghị) công-kích một cách chính đáng.

Tôi sở-dĩ nói dài một việc mà người ta nhắc đến đã nhàm tai này chỉ vì một sự lạ thứ hai mà Hoàng-Quân sắp công-hiến chúng ta. Tôi hãy chép lại sự lạ ấy :

« Ngoài những thơ văn truyền miệng bằng tiếng Việt, hoặc chữ viết bằng nôm, hán, quốc-ngữ, chúng tôi có thêm phần văn-chương của các đồng-bà thiểu số (Mường, Thái, Thổ, Mèo, Mán, Cac-Nguyên...) vốn có quan hệ xa gần với chúng ta mà bấy lâu đã bị bỏ quên. Thêm phần văn-học của các dân-tộc thiểu-số vào văn-học của dân-tộc đa-số Việt-Nam, mục-đích của tôi là làm cho bộ Việt-Nam văn-học toàn thư được thêm phong-phú với sự

đóng góp hợp lẽ, hợp tình của văn-chương các dân-tộc anh em sống cùng trên một giải đất, cùng chung một hoàn-cảnh lịch-sử với chúng ta. »

Thật là một ý mới mẻ ! Và đáng yêu biết bao. Còn có cái tinh thần đại đoàn-kết nào cao cả hơn. Nhưng nghĩ cho kỹ, tôi cho đó chỉ là một sự lạ thứ hai để ra do sự lạ thứ nhất : Quan niệm sai lầm về Văn-học sử. Bởi vì, lần thứ hai, ông lại tự phản với nhận định của mình về văn-học là : « dùng ngôn-ngữ dân-tộc » « biểu hiện tinh thần, tình cảm con người ». Đó không phải một ý tầm thường, mà chính là tư-tưởng căn-bản quyết-định. Đưa nền Văn-học thiểu-số vào, ông sẽ đứng trên căn-bản nào để phê-bình và tổng-hợp ? Mà trước hết, ông hiểu thiểu số là thế nào ? Dân tộc thiểu số chỉ có nghĩa là không hay chưa có nền độc-lập riêng rẽ nên phải có sự liên-hệ với đa số trên một quốc-gia về phương-diện chính-trị, quân-sự để bảo-vệ sự an toàn chung cho lãnh-thổ. Nhưng về các điều-kiện khác nhất là về văn-hóa thì họ độc-lập rõ ràng. Họ có tiếng nói riêng, có sự phát biểu riêng (có thể khác hẳn và trái ngược với ta) có chữ viết riêng, có phong-tục tập quán riêng. Văn-học của họ, dù chỉ mới là truyền khẩu, cũng chỉ để thể-hiện những mối cảm-nghĩ đặc-biệt của họ, không liên can gì đến chúng ta dù có sự ảnh-hưởng qua lại đối với ta. Từ truyền khẩu, khi họ đã có chữ viết riêng thì chữ viết đó cũng sẽ theo qui-luật tự nhiên mà thể hiện những tư tưởng, tình-cảm mỗi ngày mỗi trưởng thành, mỗi trở nên phức-tạp của họ và riêng của họ.

Điểm riêng về thần-thoại.

Thần - thoại nằm trong văn - chương truyền khẩu. Mở đầu phần này, ông Hoàng-Trọng-Miên viết : « Văn-học các dân - tộc trên thế - giới đều bắt đầu bằng văn-chương truyền khẩu ».

Lại một sự sai lầm đáng kể nữa. Vì ở trong thế-giới, một nền văn-học quan-trọng như Hoa - Kỳ, đã không mở đầu bằng truyền khẩu. Mà do đó, ta cũng có thể đoán biết nhiều dân-tộc thành hình sau cuộc tìm ra tân lục-địa cũng bắt đầu ngay văn-học của họ bằng các hình-thức đã tiến bộ như chữ viết hoặc cả ấn-loát nữa. Sự kiện này nhắc ta chú ý đến việc chưa nên vội vàng thành nguyên-tắc và nhất định cũng không hoàn-toàn theo tình-trạng chung để xét các văn-đề quan-hệ đối với từng quốc-gia. Nhất là với văn-học, dầu chỉ là một hai lệ-ngoại trong tổng-quát, cũng cứ phải theo lệ-ngoại ấy để nghiên-cứu tường tận, vì nó có quan-hệ đến tư-tưởng tình cảm muôn vạn con người. Nó quan-hệ như một *quyền phủ quyết*.

Tôi muốn dẫn đến việc nhận thức một điểm quan - hệ : Không kể ở các dân - tộc không có văn-chương truyền khẩu, thì tại các nơi có văn-chương truyền khẩu thần-thoại có nhất thiết phải khởi đầu cho nền văn-chương này không ?

Đó là điều căn - bản. Vì có đi từ đó, chúng ta mới đặt vấn-đề nghiên-cứu thần-thoại được.

Và sở dĩ đặt điểm căn-bản ấy, bởi vì nghiên-cứu văn-học của nhiều quốc-gia,

Nó chỉ có thể giúp ta hiểu thêm một số vấn-đề có ảnh-hưởng qua lại với nhau như đối với văn-học Trung-Hoa hay Pháp mà thôi. Vậy, tôi nhắc lại, ông đứng trên căn-bản nào để phê-bình và tổng hợp ? Trên tinh-thần đa-số, ông sẽ trở thành một loại « *đế-quốc-tinh-thần* » một cách trịnh trọng. Còn trên tinh-thần thiểu số thì ông lại đi ra ngoài mục-đích của Văn-học Việt-Nam. Còn dung-hòa thì dung-hòa gì được giữa hai *khác biệt* ?

Đó là cái khó trên *tinh chất*. Còn trên *phương-tiện*, ông sẽ nghiên-cứu bằng thứ tiếng gì ? Tôi đoán (đáng lẽ tôi không có quyền đoán) ông sẽ nghiên-cứu bằng tiếng Pháp vì trong bản sách tham khảo, tôi thấy ông chỉ căn-cứ vào tiếng Pháp để dịch các văn-kiện của dân-tộc thiểu số ? Như thế nghĩa là nghiên-cứu văn học « nước mình » ông lại phải dịch « nguyên tác » bằng một thứ tiếng thứ ba ?

Sự sai lầm này hết sức nghiêm-trọng không ai cấm ta, trong phần phân tích, tổng-hợp có thể đưa nhiều chứng-minh của văn-chương miền Núi để đối chiếu, làm phong-phú và sâu sắc thêm văn-đề. Song dầu cả một mớ tài-liệu dịch từ tiếng ngoại-quốc để làm *chính văn* mà nghiên-cứu phê-bình văn-học nước nhà thì hoàn-toàn sai lầm. Sự sai lầm càng trở nên quá quất — tôi sẽ còn nhắc lại lần thứ hai — khi nhìn qua tập thần thoại, ta lại thấy văn-chương miền Núi chiếm phần quan-trọng gấp mấy văn - chương Việt-Nam ! Thành người ta không hiểu đang đọc văn-học sử Miền Núi hay văn-học sử Việt-Nam nữa.

Nên bị chú ý lại? làm được?

người ta cũng thấy có các văn-học sử-gia không đề cập đến thần - thoại. Ngay nền văn-học rực rỡ và sớm tiến bộ ở cạnh ta, nền văn-học Trung - Quốc, mà có người cũng không công nhận thời-kỳ thần-thoại của nó. Tôi không dám nói điều ấy là đúng, song sự kiện này mở ra cho chúng ta một hoài-nghi xứng đáng ! Văn - đề thần-thoại không nhất thiết là hề ở đâu có văn-chương truyền khẩu tất là phải có. Nghĩa là ở những nơi dân-tộc thành hình hơi chậm, vào thời - kỳ các tôn - giáo đã thịnh, hoặc ý thức tôn-giáo đã rõ ràng thì không có thần-thoại. Và ở các nước tiếp theo thời-kỳ tiền sử quá lâu mà chưa có chữ viết để ghi chép, thần-thoại bị thất lạc, hoặc bị thời thế đổi thay đồng-hóa nó với cổ-tích, làm mất hẳn tính-chất căn-bản, thì văn-đề thần-thoại cũng không thành hình.

Tất nhiên còn rất nhiều trường hợp phức tạp khác đã đưa đến hiện tượng không có thời-kỳ thần-thoại trong lịch-sử văn-học một quốc-gia, một dân-tộc. Ông Hoàng-Trọng-Miên không phải không đặt văn-đề hoài nghi : *« Song ở nước ta phần vì bị lệ thuộc ngoại tộc ngay từ khi dân-tộc mới vượt khỏi thời-kỳ dã man, văn-hóa bị pha trộn sâu đậm với văn-hóa phương bắc, phần vì ranh giới giữa thần-thoại với truyền-thuyết lịch-sử mập mờ, lẫn lộn, nên có dư-luận cho rằng trong văn-học truyền miệng chúng ta không có thần - thoại đúng nghĩa như thần-thoại các dân-tộc khác ».*

Nhưng ông lướt qua ngay để xác nhận sự-kiện thần-thoại trong quá trình phát triển dân-tộc : *« Dân-tộc Việt-Nam cũng như các dân-tộc khác, đã trải qua một thời-kỳ nguyên-thủy và thần-thoại phát sinh ở trong giai-đoạn sơ-khai của lịch-sử ».*

Tôi cần nhắc rõ ý-nghĩa chữ *nguyên-thủy* này mà nhiều người vẫn còn lầm, mặc dầu đã biết qua thời-kỳ đầu tiên của dân-tộc Việt - Nam. Lịch-sử đó có thể giảng nhiều cách khác nhau, nhưng tựu trung có thể hiểu theo lời ông Hoàng-Trọng-Miên : *«...Khi tìm lại nguồn-gốc dân-tộc, biết rằng đám người Lạc Việt trước kia sống ở lưu vực sông Dương-Tử rồi sau vì Hán tộc bành-trướng mà phải dời xuống vùng Trung-châu sông Hồng-Hà ».* Nghĩa là chúng ta bắt đầu không phải như người Trung-Hoa, đi từ sự « thiên-dịa mịt mù » mà là khi đã trưởng thành trong một xã-hội có tổ-chức, đã biết đóng thuyền, chài lưới, đánh giặc bằng vũ-khí như « rìu, cung tên, lao... », như thế tất là chúng ta đã ra đi với khá nhiều kiến thức tiến bộ, có phong-tục, tập-quán thành hình.

Tôi muốn so sánh tình trạng của chúng ta với các sắc dân Âu-Châu khi tiến sang Tân lục-địa. Không dám nói rằng chúng ta tiến bộ bằng họ, nhưng chắc chắn chúng ta đã thoát khỏi hình thái tối dã-man của người thượng-cổ khá lâu rồi. Chỉ có điểm khác với đám dân vượt biển sau này là chúng ta tiến chậm lắm vì các thể hệ sau bị cắt đứt với xã-hội Trung-Quốc khá lâu. Rồi chính trong các thời-kỳ này với những điều kiện về sản-xuất, về tổ-chức đời sống thích-nghĩ với địa-phương v.v... mà một dân-tộc mới thành hình và tất nhiên không phải thành hình trên cơ-sở « hư vô », thiếu những liên-quan mật thiết với văn-hóa phương Bắc.

Tôi nhấn mạnh cái điểm này để góp ý với Hoàng-Quân là có lẽ xã-hội Việt-Nam khi thành lập là ở ngay thời-kỳ « tiến từ

đa thần đến nhất thần, xã-hội loài người sắp vượt khỏi thời đại dã-man, nhưng thần-thoại trong giai-đoạn cuối cùng cũng bắt đầu nhân-hóa các vị thần, và các vị anh-hùng, dũng-sĩ trong lịch-sử, những nhân vật khai-hóa văn-minh, tổ sư các nghề, cũng được thần hóa đưa vào thần-thoại. Biên-giới giữa thần-thoại và lịch-sử bắt đầu lẫn lộn, yếu-tố truyền thuyết xen vào, thần-thoại giảm mất dần tính chất thuần-túy (trang 42).

..

Mà cho dầu không phải ở trong tình trạng đó thì với cái trường-kỳ lịch-sử không có chữ viết để ghi chép, thần-thoại cũng đổi thay. Nó đổi thay vì thời-gian đã dành mà còn vì những biến chuyển quan trọng trong đời sống con người như thay đổi phương-tiện sản-xuất, tổ-chức xã-hội, chiến tranh, thu nhận văn-hóa mới và «... bản-chất dân-tộc bị phai nhạt, pha trộn. Triết-học thực-tiễn của Khổng-Tử cùng Phật và Lão-giáo đã biến đổi chân tướng của thần-thoại Việt-Nam cũng như đã thay đổi sâu sắc văn-hóa Việt tộc, thần-thoại nhuộm nhiều yếu-tố tiên phật và thế-giới của thần phản-ảnh tổ-chức quân-chủ hạ-giới theo quan-niệm nho-giáo. »

Đó là về nội-dung.

Còn về hình-thức thì thần-thoại nằm trong hệ-thống văn-chương truyền khẩu, cốt cách là « truyện » mà phương-pháp biểu-thị là « kể » lại. Tất cả loại « truyện » phần lớn đều xây-dựng theo phương-pháp căn-bản của truyện và sau này của kịch : trình bày, gút, mở (1) qua nhiều biến

chuyển tình tiết. Vì « kể » thì nó phải dẫn-dị rõ ràng, cần làm thế nào phản chiếu những nếp cảm nghĩ trong đời sống thực-tế bằng lời nói và sự-kiện cụ-thể. Người nghe có thể liên-hệ, so sánh ngay với mọi điều quen thuộc trong sinh-hoạt, tín-ngưỡng, phong-tục v.v.. để do đó nảy ra tưởng-tượng, cảm-giác. Người nghe truyện không có thì giờ nghĩ ngợi và tìm tòi mọi cái rắc rối nên người kể truyện cứ phải thay đổi chi tiết, tình tiết và có khi cả cốt truyện để thích hợp thời thượng. Chính nhờ ở sự cách điệu-hòa, văn-ngệ hóa mà thần-thoại cụ-thể-hóa được các ý-niệm trừu tượng để giải-thích thiên nhiên, và cũng vì cách điệu hóa, văn-ngệ hóa mà thần-thoại mới đi từ tín-ngưỡng bước sang văn-học. Cho nên nó cũng phải chịu mọi luật-lệ biến đổi của văn-chương truyền khẩu chi-phối.

Những lý-do kể trên đã khiến thần-thoại của ta, nếu có, đã biến vào văn-chương truyền khẩu như một làn khói biến vào không-khí. Muốn trở lại nguồn thật là một vấn-đề hết sức khó khăn. Nhà văn phải dùng những phương-pháp của nhà sử-học : xã-hội học, tâm-lý học, địa-chất học, ngôn-ngữ học, lịch-sử đối-chiếu... và biết đâu không dùng cả kỹ-thuật chụp ảnh, thực-vật học, hóa-học nữa !

Tại sao không quan-niệm thần-thoại như một loại cổ-tích mà phải làm việc khó khăn đến thế ?

Vì lẽ thần-thoại là một lịch-sử của xã-hội con người trong một thời-kỳ nhất định (từ đa thần đến nhất thần.) Nó không chỉ cất nghĩa các hiện tượng thiên-nhiên theo một quan-niệm cổ mà quan trọng hơn

(1) exposition, noeud, dénouement.

hiều là ở chỗ nó phản-ảnh tâm-lý và xã-hội thời-đại nhất định đó rất rõ ràng. Tôi tưởng nếu chúng ta có chừng mười cái thần-thoại chắc-chắn là « nguyên-tác » thì chúng ta có thể do đó tìm hiểu được khá nhiều phương-diện của xã-hội thời cơ-sở ấy. Mỗi mỗi chi tiết của nó bao hàm nhiều ý-nghĩa. Ví như từ một câu này của ông Hoàng-Trọng-Miễn trong truyện « *Tụ bồ các giống vật* : « thấy gần đó có bình hương »... Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ cho chúng ta biết : Người dân Việt thời ấy đã biết dùng đất nung bình hương tức là cũng đã biết nặn ra các đồ dùng khác như chén bát, nồi, trà, vò, hũ. Người dân Việt cũng đã xa cái quan-niệm thô sơ về cúng tế vì đã biết dùng cây hương. Như thế tức là họ xa thời kỳ giữ lửa một cách khó nhọc, đã biết chế hóa các chất cháy liên tục (nếu là mua của ngoại quốc thì ít ra họ cũng đã thay đổi quan niệm về lửa), đã biết dùng tre trong những việc rất tinh vi (chân nhang). Và cũng có lẽ họ đã biết ngửi mùi hương (nếu nhang lúc đó đã có trộn quế) do người chế-tạo, đã tìm hiểu ý-nghĩa của một làn khói đi từ hữu hình vào hư vô và tìm sự thông cảm với hư vô. Rộng ra, tất đã có sự giao-thông, giao phương với xã-hội Trung-Quốc và tiếp xúc khá thân mật với văn-hóa Trung-Quốc.

*
* *

Vậy Hoàng-Quân đã dùng phương-pháp nào để tìm cho ra những truyện thần-thoại trong cái đám cỏ rậm mênh-mông của cổ-tích ?

Ông viết :

« Thần-thoại Việt-Nam lại không được

ghi chép sớm bằng chữ viết nên phải chịu thất lạc, tàn-mác đi nhiều. Tuy nhiên, qua bao nhiêu sự biến cải trong quá-trình diễn tiến thần-thoại Việt-Nam vẫn còn giữ được cốt cách dân-tộc, duy-trì được các căn-bản cổ-hữu mà không để bị đồng-hóa.

Theo những chuyện thần-thoại đã phục-hồi được sau đây, chúng ta có thể chia làm ba phần :

1) Phần thứ nhất, gồm các tích thuộc về nguồn gốc sáng tạo vũ-trụ và muôn vật.

2) Phần thứ hai, gồm các tích thuộc về những thần có quyền-lực siêu nhiên, trông nom các sự vật đã được cấu tạo.

3) Phần thứ ba, gồm các tích về những anh hùng dũng-sĩ đã được thần hóa. »

Tôi vẫn chưa hiểu Hoàng quân đã tìm phương-pháp nào để lọc cho ra các truyện thần-thoại « còn giữ được cốt cách dân-tộc, duy-trì được các căn-bản cổ-hữu mà không để bị đồng-hóa. »

Ông chỉ nói qua như thế rồi ông đi sang việc phục-hồi. Theo ý ông, việc phục-hồi có lẽ chỉ cần làm theo phương-pháp giản-dị này ! Lấy trong các truyện cổ-tích ra, xem những truyện nào có sự tích lý-kỳ thì thu góp lại. Xong rồi đem lược bỏ lần các sự tích thuộc Tiên thoại, Phật thoại và các loại thần mới phát-minh sau này như thần ăn mây, thần ăn trộm. Nghĩa là cứ theo phương-pháp loại dần cho tới khi nào chỉ còn những bài có « tích chuyện đời xưa, mà nhân-vật là các thần của thời nguyên thủy, khác với thần về sau phần nhiều đã chịu ảnh-hưởng của tín-ngưỡng tôn-giáo. Thần trong

thần-thoại là một năng-lực siêu nhiên, chất phác, vô tư, cũng khác hẳn với các thần trong truyền thuyết, lịch-sử và những nhân-vật được thần thánh hóa... » « Thần trong thần-thoại đều phát-sinh từ những hiện-tượng thiên-nhiên, như thần Sấm, thần Sét, thần Đất, thần Nước, qua trí tưởng-tượng chất phác của con người nguyên thủy với một quan-niệm đơn sơ, mộc mạc về vũ-trụ và nhân-sinh. »

Điều cần nhấn mạnh là quan-niệm nhất thần và đa thần ở xã-hội Việt-Nam từ xưa không có biên-giới rạch ròi. Ông Trời của Khổng-học (nhất thần) cũng chỉ được nhận thức theo một cách trừu tượng tổng-quát chứ không giống như Đức Chúa Trời trong Kì-tô giáo. Do lẽ đó các vị thần khác không phải được đặt ra xa lìa cái trực tâm về ý-niệm tối-cao, tối thiêng-liêng kia, mà cốt để minh họa nó ra bằng nhiều phương-diện. Thần Sấm, thần Sét, thần Đất v.v... đâu có phải là những vị tự có quyền-lực siêu nhiên, mà quyền-lực đó là do Trời truyền sang. Ý-niệm về Thần chưa hẳn có trước ý-niệm Trời. Mà kể từ khi tin vào Trời một cách rõ ràng hơn với học thuyết Khổng-Mạnh thì các vị Thần vẫn còn giữ rất nhiều « quyền-lực tinh-thần », còn được sùng bái và còn được « phát-minh » thêm. Trời và Thần là một trong xã-hội cổ Việt-Nam.

Ngay trong cái truyện đầu tiên về « Trời » ông Hoàng - Trọng - Miên cũng viết :

« Ngày xưa, trước tất cả mọi sự, đã có ông Trời. Trời là một bậc quyền phép vô song ở trên cao, làm ra tất cả : trái đất,

núi non, sông biển, mưa, nắng, sinh ra tất cả : loài người, muôn vật, cỏ cây... »

Từ mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao trên trời cho đến vạn vật ở mặt đất, tất cả đều do Trời tạo nên.

Trời có con mắt, thấy tất cả, biết hết mọi sự xảy ra ở thế-gian. Trời là cha đẻ muôn loài, xét đến muôn việc, thường phạt không bỏ ai. Do đó mà con người tin có đạo Trời, nhờ Trời, cho là Trời sinh, Trời dưỡng và đến khi chết thì về chầu Trời ».

Đã có một ông Trời được quan-niệm như thế thì thử hỏi có khác mấy với ông Trời mà nhân-dân ta vẫn tin suốt mấy nghìn năm ? Và cho đến ngày nay, dân-gian ở nhiều nơi vẫn còn tin ? Huống chi ông Trời ấy « ở trên cao chín tầng », đó không phải là hình ảnh *ciel trône* ở thế-gian ư ? Như vậy thì biết là ông Trời được cấu tạo vào thời kỳ nào ? Nhất là với ông Trời Ngọc-Hoàng mà tác-giả cho là đã theo « Văn-hóa Trung-Hoa tràn sang với đạo Lão » thì tôi tưởng chẳng còn biết ông ấy thuộc về thoại nào ? Tiên, Phật, Thánh ? Là ông Trời cổ hay ông Trời kim ? Vì Trời « ở trong một cung-diện giống như cung-diện nhà vua dưới trần đã bắt chưộc làm theo », có « quan văn, quan võ tướng tá », có vợ là « bà Tây - Vương - Mẫu ở núi Cờn Côn » có vườn đào, ăn một trái chín thì được « trường sinh bất tử »... Trời « đội mũ có tua đồ dất mười ba viên ngọc ngũ sắc, tay cầm hốt »...

Thần-thoại kể theo lối ấy, thiết tưởng dễ dàng quá ! Mà nhân - dân ta chắc đều mới sống qua thời kỳ thần-thoại chưa quá vài mươi năm !

Tính-chất nguyên-thủy được phục hồi như thế nào, quả chúng ta cũng mặt mù thiên-địa !

*
* *

Muốn hiểu rõ thêm sự phục hồi đó một lần cuối cùng, tôi dẫn thêm mấy lời sau đây của Hoàng-Trọng-Miên :

« Có những truyện hoàn-toàn là của dân-tộc, có từ thời nguyên - thủy, rồi về sau vì ảnh-hưởng của ngoại tộc mà bị chệch đi. Song những nhân-vật, tâm-lý, tình-tiết trong các chuyện thần-thoại dù có giống nhau, khi đã chuyển sang Việt-Nam, đều được thay đổi, có khi đến cả chủ đề, nhuộm màu sắc của dân-tộc, Việt hóa thành sáng-tác của người Việt-Nam. »

Lý luận như thế không sai. Vì đó là tình-trạng tổng-quát của các nền văn-học ở trong một quốc-gia phải trải qua nhiều biến cố như ta. Nhưng cái khó nhất và cần nhất là phải đề ra phương - pháp nào, phương tiện nào để đi đến sự tìm ra các truyện hoàn-toàn Việt-Nam, có từ nguyên-thủy rồi sau bị chệch biến. Cần phải chứng minh Ông Hoàng-Trọng-Miên cũng có kể một số truyện hoàn - toàn Việt - Nam như Sáng-tạo vạn-vật, Tu bổ các giống vật, Lúa và cỏ, Thăng cuối với cung trăng, thì nhiều truyện chẳng biết « Thần » nằm ở đâu ! Thần-thoại khác với các truyện cổ-tích khác ở chỗ nào ! Tôi chắc ông Hoàng-Trọng-Miên ít đi vào trong dân chúng. Không cần nói dân chúng miền Bắc. Ngay những khu vực mới định-cư từ thời kỳ Nguyễn-Hoàng trở về sau, suốt cả miền Nam hiện nay, dân chúng đến đâu cũng đặt ngay các truyện mới để giải-thích các hiện-tượng thiên-nhiên. Không kể những

truyện theo loại: giải-thích tại sao con chim nọ « chới với nhún ba lần » rồi mới đậu (Tu bổ các giống vật), hay trời giận vì người đàn bà « cầm chổi rượt theo hạt lúa » khiến bắt người phải trồng lúa mà ăn (Lúa cỏ). v.v... Đó là những lời của cổ-tích. Một trăm cổ-tích đã hết đôi ba mươi cái giải-thích thiên-nhiên theo lối ấy rồi. Tôi nói ngay đến những chuyện có các vị thần linh cai-quản các khu-vực, các hang núi, các con sông, những nơi hoang-vu ; cả sấm, sét, mưa, lụt, nhiều nơi nhân-dân cũng đặt sự-tích, hoặc cải đổi ít nhiều các sự-tích cũ để tìm hiểu, giải-thích...

Ngoài một số truyện ít ỏi « thuần-túy Việt-Nam » toàn theo lối « Cổ-tích giải-thích » những hạt lúa, chim chóc cây cỏ chứ không có mục-dịch giải-thích hiện-tượng thiên-nhiên theo lối thần-uy, còn thì hết bảy, tám phần kia là sự tích của Tàu với mấy lời mào đầu trên mỗi bài bài để đoán định thần-thoại Việt-Nam trong loại ấy (thần biển, thần nước, thần núi, thần đất v.v...) Không biết nó « Việt-Nam hóa » tới đâu (vì thiếu bản đối chiếu với từng truyện của Trung-Hoa) chứ cứ nghe nào Long-Vương, nào Thiên-Hậu, nào Cao-Sơn đại-vương, nào Thổ-Công, nào Kinh-Thiên-Trụ thì chẳng còn rõ là thần-thoại của ta hay của Tàu nữa. Vô lý nhất là còn có Thần-Văn (thi cử). Nó phải là một sản-phẩm tạo ra sau khi nền độc-lập đã thu hồi, chủ-quyền đã thuộc Việt-Nam, Vua Chúa đặt thi-cử để chọn nhân tài. Lại cả « Á Chức » là một truyện cổ-tích hoàn toàn Tàu và chẳng có chút gì là thần-thoại cũng hiện-diện một cảnh ngộ ngác...

*
* *

Tôi có thể nói : đầu các lý-thuyết của ông Hoàng-Trọng-Miên về Thần-Thoại đúng hết và những điều tôi khảo-luận trên kia sai hết thì tập Thần-Thoại của ông vẫn không thể công nhận. Vì Thần - Thoại không phải chỉ là cổ-tích, mà còn là những sản-phẩm tinh thần của dân chúng trong một *giai-đoạn lịch-sử nhất định* (từ đa thần đến nhất thần) để giải-thích các hiện-tượng thiên-nhiên có ảnh-hưởng đến đời sống con người, tức là giải-thích gián-tiếp về thân phận con người. Nó không có thể chỉ là những bản-văn có giá-trị truyền cảm mà còn phải là những sự kiện lịch sử có thể « minh-họa » về xã-hội một thời. Vậy cần phải có phương-pháp khoa-học, phải nhờ những phương-pháp của nhiều ngành sử-học góp sức để tìm ra chứng minh nó. Nếu là những thần-thoại không do một sự-kiện lịch-sử đáng kể nào có ghi chép, mà chỉ do truyền khẩu của dân chúng lưu lại thì tất là sai nhiều. Nhất là khi dân chúng còn tôn-sùng những vị Thần trong thần-thoại thì chưa có gì chứng minh các vị thần đó là sản-phẩm của thời-kỳ thần-thoại.

Điểm không thể công nhận thứ hai là tập thần-thoại của ông không thuộc Văn-học sử vì những sản-phẩm gọi là thuần-túy Việt-Nam trong đó, không ghi theo lối đã được cách điệu hóa, văn-ngệ hóa, nghĩa là nội dung và hình-thức không có đủ tính chất của những tác-phẩm nhỏ truyền cảm. Nó chỉ có thể là một bộ sách thuộc Văn-hóa sử.

Điều không thể công nhận thứ ba là có quá nhiều thần-thoại Trung-Quốc, đầu ông cho là những truyện của Trung-Quốc đã bị Việt hóa. Vì có lý nào một dân-tộc thành hình, có cả một thời-kỳ thần-thoại

mà không tự đặt ra được những thần thoạ riêng cho mình ? Nhất là dân-tộc ấy không thể tỏ ra nghèo nàn chút nào khi họ có không biết bao truyện cổ-tích đặt ra theo đủ cách khác nhau mà cũng có không biết bao truyện cổ-tích chuyên giải-thích các hiện tượng thiên-nhiên.

Điểm không thể công nhận thứ tư là trong một tập thần - thoại Việt-Nam mà thần-thoại của miền Núi — có đủ điều kiện của dân-tộc thiểu-số — lại chiếm hơn phân nửa. Như thế thì là thần-thoại của nền Văn-học nào ?

..

Tôi mạnh dạn nói thế vì tôi biết tất cả chúng ta chưa có đủ điều-kiện để viết một quyển thần-thoại. Sở dĩ từ trước đến nay, các tác-giả cả Pháp lẫn Nam chỉ đề trên các truyện xưa của họ sưu-tầm là cổ-tích hoặc truyền - kỳ là vì họ đều không dám chắc các truyện ấy sản-xuất từ thời-kỳ nào, cho dầu đó là truyện của các vị thần.

Có người cho là một phần lớn thần-thoại của ông Hoàng-Trọng-Miên chép theo các thần-thoại của ông Nguyễn-Đồng-Chi ngoài Bắc. Tôi tưởng như thế, Hoàng-quân lại vấp một sai lầm nghiêm-trọng thứ hai của ông Nguyễn-Đồng-Chi mà cái sai lầm thứ nhất tôi đã nêu từ phần một của bài này : Sự đưa văn-học chữ Hán vào văn-học Việt-Nam.

Nhưng ông Nguyễn-Đồng-Chi có thể ít lầm hơn nếu ông không ghép *tập thần-thoại* (1) của ông vào lịch-sử văn-học.

NGUYỄN-VĂN-XUÂN

(1) Nếu đúng là lỗi viết ông Miên.

RỪNG

Núi ngất từng cao, mây vẩn quanh,
Lá chen lớp lớp khuất cây cành.
Đường đèo dốc ngược, cheo leo đá,
Suối bạc từ đâu đổ xuống nhanh.

Dẫm bước, hoa rừng ngất dưới chân,
Đường đi quanh quất, nẻo xa gần.
Dăm nhà ẩn hiện ven sườn núi,
Cây lạ trăm loài phô nét xuân.

Mông mảnh vài tre uốn nhịp cầu
Soi mình trên suối nước xanh sâu.
In hình vào bóng hoàng hôn xuống
Vội vã qua cầu chiếc áo nâu.

Hình sắc tôi mang của thị thành
Đến đây lạc cả điệu rừng xanh.
Sông dài, suối cả, non hùng vĩ,
Vẻ đại hoang cười những đáng thanh.

Mây góp về đây khi sắc ư,
Đêm dần trùm kín cõi hoang vu.
Tôi mơ thượng cổ và rung cảm
Những buổi đêm rừng vĩ đại thu.

TRÚC-LIÊN

XE « BUÝT » VÀ TÔI

MÃ Y năm theo cuộc sống « sớm vác ô đi, tối vác về », cái thú độc nhất của tôi là ngày bốn buổi đi xe ô-tô-buýt.

Thật ra, từ lâu chót chôn mình vào một hiệu sơn mài, bốn tường u tối, quanh năm thừa khách viếng, cuộc đời cứ thế cũ kỹ dần, như những món hàng không bán được.

Giữa khung cảnh quanh năm không xê dịch ấy, tôi bỗng thấy thèm khát được xê dịch, được phơi mình ra ánh sáng, hòa mình vào lòng xã-hội để sống một cuộc sống khác đầy đủ hơn.

Không ngờ cái đòi hỏi thiết tha ấy tự dưng được thực-hiện sau ngày đường xe buýt nối rộng ngang nhà tôi, nối liền ngoại ô với thành phố.

Đầu tiên dùng phương-tiện xê dịch ấy, tôi rất khó chịu như hầu hết những ai

lâu lâu đi nó một lần. Dần dần tôi mới nhận ra muốn đi xe buýt cho lý-thú là cả một nghệ-thuật. Cái nghệ-thuật tinh-tế ấy, tôi đã được thấm nhuần do những năm dài chung sống với nó. Ngày nào ở nhà bước ra cũng tôi với nó, trưa lại từ sở trở về, cũng nó với tôi, tương đắc như đôi bạn.

Những ngày nghỉ năm nhà thường vẫn tương tự những con đường ngang dọc. Nhìn bóng nó lênh ngênh trên đường, lù dù không ra lù dù, lạnh lợi cũng không ra lạnh lợi, tôi nhớ, nhớ làm sao những cuộc du hành ngăn ngăn, bến đời dừng lại biết bao nơi.

Mỗi sáng ra trạm đứng ngong ngóng, như cây kim chỉ Nam, mắt quay về một hướng, nhìn bóng nó rướn lên từ xa, đứng giờ như một nhân tình chăm chỉ, lòng bỗng thấy dâng lên niềm thương nó quanh năm

như chiếc thoi đưa mãi không ngừng. Nhưng những con người một ít phút dừng chân mấy ai nghĩ đến nó. Thiên hạ nào phải kẻ vô tình nhưng cuộc sống máy móc của đô thành luôn hút họ vào những lo nghĩ khác, thực tế hơn.

Nói đến trạm xe cho oai chứ thật ra chỉ là một danh từ tượng trưng mà thôi, đừng ai chờ đợi những gì khác hơn những tấm bảng vàng len lén mọc khắp nẻo đường. Đối với người không quen xe buýt, nó vô nghĩa làm sao, có khi lại còn làm khó chịu cho kẻ đi đường. Nhưng với người quen dùng xe buýt làm phương tiện xê dịch, nó là cứu tinh cho cái túi tiền ít ỏi.

Đến giải đất nào xa lạ, bơ vơ một dải đường, bỗng thấy hiện lên tấm bảng vàng sừng sững chắn lối đi. Bạn sẽ yên lòng như được gặp người quen nơi xa lạ, như bắt được mối dây liên lạc với người thân vì chỉ mười lăm hai mươi phút sau bạn có thể trở về trung tâm điểm của thành phố, nơi mỗi ngày từ bốn hướng những chiếc xe xanh cao nghều-nghệu đổ về như đàn kiến tha mồi về tổ, rộn rịp, xô bồ. Nhưng trong cái rộn rịp, trong cái xô bồ, người ở xa vừa đến mới đo lường được sức sống của cả đô thành và của con người.

Người mới đi xe buýt lần đầu bước chân lên xe lúng túng vì mỗi người chỉ được làm chủ một khoảnh đất rất nhỏ vừa đủ cho hai chân mình. Khoảnh đất lại có tính cách co giãn bất thường. Những ngày đông khách, vị trí mình đóng cứ bị xô đẩy hẹp dần, hẹp dần lại. Người bán vé diêm nhiên cho lên thêm

mãi. Kinh nghiệm dạy anh đợi đến khi nào bắt đầu có tiếng la oai oái, giàn xe mỗi khúc quanh kêu lên răng rắc, chứng tỏ là sức ép đã đến mức tối đa, anh sẽ ngưng. Xe tiếp tục đoạn đường còn lại, mình lắc lư như say rượu, bên trong là cả một cái nồi « sốt de » độ nóng lên cùng tột đỉnh thoảng nở bùng lên những câu chửi thề nồng nhiệt.

Các bà cũng không kém, phần nhiều không chịu, được sự nhồi xóc quá mạnh nên đâm ra khó chịu, lâu dần cái khó chịu vọt bộc phát bằng những cái nguyệt rợn người vào mặt bạn đồng hành nếu lỡ ra ông này không giữ được thăng bằng trong cử động.

Người này đưa khủy tay thúc vào đầu kẻ kia, tiếp theo là những lời xin lỗi chân thành nhưng chân thành đến mấy kẻ kia cũng thừa biết hấn trả thù cái đập chân của mình lúc nãy.

Những lời xin lỗi được trao đổi như trong một khách thính ngọt ngào nhưng sau cái ngọt ngào, những khủy tay cứ thúc, những bàn chân cứ đạp. Trận giặc nguội ngấm ngấm tiếp diễn cho đến lúc xe về trạm cuối.

Không phải chỉ thế, giữa đám rừng mũi hếch cao tìm sinh khí, đừng ai lấy làm lạ khi vụt nghe những lời tâm sự bộc lộ chất chứa giữa tiếng nhạc đệm rề rề của giàn máy và bao nhiêu đôi tai vô tội của người chung quanh chúng giám.

Đời sống công sở hút mất của họ quá nhiều thì giờ, số còn lại phải dành cho bữa ăn giấc ngủ nên họ đành chọn lối tỏ tình chớp nhoáng ấy, may ra gặt hái được vài

duyên tình dễ dãi, bồi bổ thêm cuộc sống gầy guộc như thân cây thiếu nước.

Lúc đầu vừa kết thân với xe buýt, tôi cảm thấy chán nó vô cùng, nhưng chợt có những ngày nghỉ, bỗng không lòng thấy băng khuâng nhớ, rầu rầu tha thiết nhớ cái xã hội bé phiêu lưu ấy. Mới nay mình đã yêu nó tự bao giờ, vì ngoài những chuyến xe buýt ngọt ngào lại có rất nhiều chuyến êm đềm đến gần như thị vị.

Có chuyến chân vừa bước lên đã thấy một không khí nhẹ nhàng, vài bộ mặt quen thân, vài nụ cười tiếp đón. Tìm một chỗ ngồi ấm cúng, tựa người vào ghế, qua khung cửa ngắm cả cái phố phường muôn màu sắc chạy giật lùi, lồi cao nổi lồi cao, đường nối tiếp đường. Đời tự nhiên thêm nhiều hương vị, buổi cơm hôm ấy ngon hơn thường nhật và trong người như có gì vừa đổi mới.

Theo với thời gian, lên xe tôi ngượng ngùng như lúc ban đầu mà trái lại tự nhiên như đưa con trở về gia-đình quen thuộc. Câu chuyện làm ăn được trao đổi không phân giai cấp và câu chuyện riêng của mỗi người đôi khi biến thành câu chuyện chung của cái gia-đình hỗn tạp ấy.

Giờ đây nhắm mắt tôi cũng có thể biết có những ai trong chuyến xe tám giờ sáng, mười hai giờ trưa, ba giờ chiều và sáu giờ tối.

Trong cái xã-hội ngày ngày tương-ngộ trên xe buýt có đủ hạng người, những ông phân lương chín mươi ngàn, những ông tiểu thương gia thời buổi khó khăn chưa cho phép có một lối xê dịch sang hơn, số đông sinh-viên, học-sinh, thợ

thuyền, trí thức thất nghiệp và nhiều cô gái sinh sống bằng đủ mọi nghề, trong đó có tôi là một.

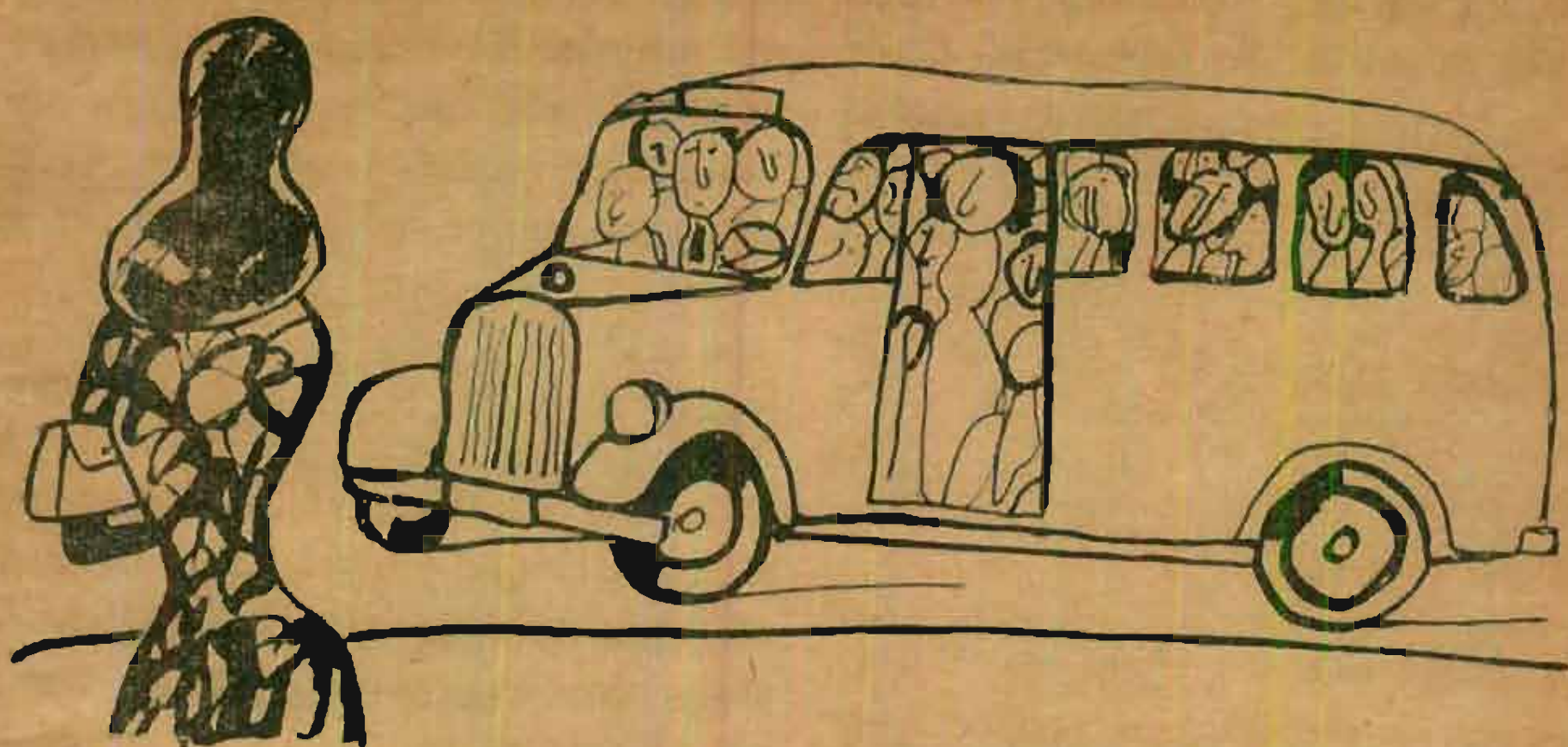
Mỗi sáng nếu chịu khó đi đúng giờ nghĩa là chuyển xe tám giờ kém mười lăm phút hay đúng hơn kém mười bảy phút thêm bao nhiêu sao. Chưa bước lên, tôi đã đoán được có những ai.

Thật ra tôi không biết hẳn họ là ai, làm nghề gì ngoài đời, nhưng những năm dài chung chuyến xe, gặp họ luôn, tự nhiên trong đầu tôi mỗi người đều có một cái tên tự lúc nào không biết và tôi tạm gọi họ theo danh từ tôi đã đặt đại khái như :

Đây, ông « Rin-tin-tin », một ông đứng tuổi đường hoàng như tất cả những ông đứng tuổi khác nhưng lại có một cái thú rất hơn người là chỉ đọc những tạp-chí dành riêng cho tuổi thơ. Dù đông đến đâu, ông cũng ráng dán mắt vào những ô hình xanh đỏ say sưa theo rồi những chiến công oanh-liệt của « Vịt bầu phiêu lưu » hay « chuột chù mạo hiểm », đến đoạn nào thích thú ông ngẩng lên nheo mắt cười một mình.

Xế đảng kia, hai ông « Đồng bệnh tương lân » vì câu chuyện hai người chỉ xoay về một hướng, vấn-đề bệnh hoạn được đem ra mổ xẻ một cách hào hứng, đôi lúc làm tôi đâm hoang mang nghĩ ngoài bệnh hoạn trên đời chắc không còn gì đáng nói. Một điều lạ là ngày này sang tháng khác câu chuyện không bao giờ tàn và căn bệnh cũng không bao giờ dứt.

Lạ hơn nữa là bệnh lại có chân như chân người bằng có là nó chạy cùng châu thân.



Từ băng sau chót, tôi thường theo dõi bốn cánh tay khoa tới lui, đập bên này vỗ bên nọ như hát « tàu hị ». Ngày hôm nay, ông này đau cổ, ông kia đau vai, ngày mai mấy cánh tay lại đi hướng khác hướng khác mãi và không ngày nào giống ngày nào cả.

Cứ cái đà như thế, tôi có thể tiếp tục hàng ngày dài dề giới thiệu những người bạn rất quen mà không quen bao giờ. Nơi này « người hùng của Lê-Văn-Trương, nơi kia nhà « chánh-trị gia », nơi nọ ông « cù không cười » và nhiều nhiều nữa. Cũng trên những chuyến xe buýt Việt-Nam trăm phần trăm ấy, tôi đã gặp James Dean, Marlon Brando và rất nhiều tài-tử quốc-tế hiện đang được đời ái mộ.

Hầu hết, mỗi người một lối phục sức riêng, một thể cách riêng, tuy rất khác nhau nhưng hợp chung một khối vẫn có cái gì hấp dẫn lạ lùng y như bức tranh « Dã Thú » màu sắc đối chọi nhau vô cùng nhưng lại hòa hợp không ngờ được.

Đó là những người trời sinh có cái khác

người cho dễ phân biệt còn một số đông đều là môn đệ của hai phái riêng biệt.

Phái thứ nhất gồm những người, cuộc đời gói trọn trong thời khắc biểu, phần lớn là mấy ông tuổi đã đứng, họ không còn bông bột chạy theo những tiếng gọi dẫu dẫu, nên cuộc đời được đặt vào trong một khuôn khổ chắc chắn như khuôn bánh. Không bao giờ xê lệch. Sáu giờ dậy, sáu giờ rưỡi điềm tâm, bảy giờ lại bến, bảy giờ ba mươi phút bao nhiêu sao là chân họ đặt lên bàn đạp xe ô-tô-buýt. Tìm một chỗ ngồi êm ái, họ lại đốt lên điếu thuốc, bạch tờ báo đọc suốt từ trang nhất đến trang chót không chừa quảng cáo, đáng điệu chễm chệ như lúc ngồi trong văn phòng.

Phái thứ hai, đối lại hạng hành khách trên, đa số là người trẻ tuổi lúc nào cũng hấp tấp vội vàng như sợ cuộc sống trôi đi không có họ. Điều đáng phục là họ đến không bao giờ trễ cả nhưng cũng không bao giờ được sớm. Đúng lúc xe chuyển bánh là từ xa, một đám bụi mù

bao quanh đoàn hiệp sĩ đang co giò phóng nước đại. Năm bảy người tranh nhau bám vào cửa xe, chờ đợi một bàn tay hảo tâm đưa ra đón lấy kéo vào. Quần áo xốc xếch, giày vớ bê bết bụi đường nhưng họ nở nụ cười sung sướng, móc khăn tay phủi bụi bám trên mình như muốn chia xốt với người chung quanh, rồi nhìn nhau hề hả ý ngầm nói :

— May quá, xuýt nữa trễ xe.

Và mỗi ngày cái may của họ xảy ra trong bốn chuyến đi về. Như thế năm này sang năm khác, mỗi lúc xe vừa chuyên bánh, tôi nhón nhác nhìn quanh thì y như trăm lần không sai một, đoàn hiệp sĩ lại hiện ra như trong một chuyện hoang đường.

Mỗi người đều có một cá tính khác nhau và khi những cá tính ấy được gộp chung đóng hộp thì không làm sao tránh được sự đụng chạm hoặc êm đềm hoặc nảy lửa. Cho nên hầu hết trên

những chuyến xe đều có chuyện, chuyện vui, chuyện buồn, chuyện lố lăng, chuyện bí hiểm. Khúc phim đời cứ thế diễn mãi không ngừng dưới mắt tôi, lý thú y như được đọc một truyện trường kỳ mà nhân vật nhiều đến nỗi không kể hết, nhưng người nào cũng cân xứng với vai trò của mình nên người xem không bao giờ chán cả.

Xe buýt không chỉ là sân khấu nhỏ của cuộc đời thôi, mà còn là một phòng thông tin lẹ nhất và một người mối lái cho không biết bao nhiêu duyên tình để dài.

Thật vậy, nếu ngày nào có ai hỏi tôi tờ báo nào có tin tức sớm nhất, tôi sẽ lắc đầu, trả lời gọn gàng : « xe ô-tô-buýt ».

Vừa cháy trong Chợ-lớn ư ? Chỉ nửa giờ, thời gian đủ những chiếc xe xuôi về lòng lưới nhện, người tại bến đã rõ từng chi tiết, số nhà cháy, số tiền thiệt hại, hơn thế nữa, tình trạng của mỗi gia

Gió thổi, hạc kêu

Người ta, khi trong lòng có điều kinh nghi, nghe hoặc thấy có gì khác lạ cũng đều hoảng hốt, sợ hãi. Trung-Hoa có thành ngữ : « *Phong thanh, hạc lệ* » đề chỉ cái trạng-thái tinh-thần đó. *Phong thanh* là tiếng gió thổi, *hạc lệ* là tiếng hạc kêu ; đi đánh trận thua, nghe gió thổi, hạc kêu, luống cuống, tướng quân địch đuổi theo bắt mình đến nơi.

đình nạn nhân được diễn tả tỉ mỉ như đám cháy đang xảy ngay trước mắt. Cũng nửa giờ sau, thời gian đủ cho những chiếc xe ngược về các nẻo Gia-định, Tân-định, Phú-nhuận v. v... là các nơi ấy đã hay, với những chi tiết còn đôi dào gập mảy.

Hầu hết trên mỗi chuyến xe, chú ý một chút là biết được ông chủ hãng này sắp sạt nghiệp, bà chủ hãng kia mới mua xe hơi, tình ý một chút, sẽ thấy đôi mắt này đang tìm cặp mắt khác, những cái nhìn không nói, sự thật đã nói rất nhiều những nỗi lòng thầm kín. Bên những duyên tình kín đáo còn những duyên tình không cần kín đáo lắm. Mãi phiêu lưu qua những bến bờ xa lạ, dò dẫm như người đi khai phá, họ hầu như quên bằng người chung quanh, trao đổi những lời đưa đẩy đầy ước hẹn. Dù bị ngăn cách bằng một cái đầu hay hai cái đầu, kẻ bên này sông Tương và kẻ bên kia sông vẫn thấy không quan hệ gì lắm vì họ chỉ cần lớn tiếng một chút là tất cả đều hài lòng.

Ngoài xã hội lớn, người bóc lột người, kẻ giàu hiếp kẻ nghèo, trong xã hội xe buýt ngược lại, kẻ nghèo tìm đủ mưu chước để bóc lột lại kẻ giàu, gỡ gạc chút nào những mồ hôi họ đổ ra cho kẻ khác.

Cái gia-đình bé nhỏ ấy như một bàn tay có ngón dài ngón ngắn, như một bầy con, đứa được yêu chiều, đứa ghét bỏ. Cảnh bộ đồ tây sang trọng, chiếc áo màu bay bướm có những manh áo xác xơ tồi tệ, những nét mặt răn rúm vì lo âu, vàng

vọt vì chật vật. Đây, một thân hình lạc lõng tro xương, đó một bà béo phệ hột xoàn đeo đặc.

Chính cái chênh lệch quá nhiều xui họ càng gần nhau, đề đo lường, rình mò, sợ sệt lẫn nhau. Người có của sợ mất, kẻ không của muốn được. Chiếc bóp dày cộm là miếng mồi ngon cho kẻ không nhà, cây bút máy đắt tiền, mùi vị của bao nhiêu bữa cơm tươm tất.

Dù nghèo, dù giàu, những người ở hai thái cực ấy vẫn là những người xấu số nhất trong giới hành khách xe buýt vì cũng đồng một số tiền mua vé, họ không hưởng được chút sáng khoái nào trái lại bỏ ra hai đồng họ đồng thời mua luôn cái sợ sệt, cái thấp thỏm vào người, từ lúc bước lên cho đến khi bước xuống.

Suốt thời-gian xuôi ngược, chỉ chuyến xe chiều tôi thích nhất, có lẽ vì nó không sôi nổi như ban sáng, không ngột ngạt như ban trưa, mà trầm buồn, êm đềm đến gần như uể oải, nhưng cái uể oải dễ chịu của người vừa thoát khỏi mọi ràng buộc, thoát khỏi thực-tế, sắp sửa hướng lòng về những tình cảm sâu xa hơn.

Nhất là khi ánh điện thành phố bùng lên gây lòng người một mơ mộng viển vông và ánh chiều lẳng xuống che dấu những gì quá rõ rệt xấu xa của thực tại, ánh sáng nhờ nhờ ấy dễ làm lòng người xao xuyến, họ sẵn lòng cởi mở với bất cứ ai trên đường về. Tinh-thần, thể xác đều mệt mỏi.

họ bắt đầu kiểm điểm lại biến chuyển trong ngày để mà vui hể hả, hoặc buồn lê thê.

Cho nên trên chuyến xe chiều thường thấy hai trạng-thái đối chọi. Người ngồi u buồn trong một góc nhìn mênh mông mấy nẻo đường vàng vọt, kẻ hể hả mỉm cười với tất cả, nhất là với riêng mình.

Tôi đã từng gặp người không dựng ngồi kê tất cả những chậ vật của mình trong cuộc sống mà người người đều hờ hững. Nếu ở nơi nào khác có lẽ tôi nghĩ là ông ta không tỉnh trí, nhưng trong chuyến xe chiều uể oải, mệt mỏi vì cuộc sống, bên

ngoài, xe qua những nẻo đường tranh tối, tranh sáng ngoằn nghèo như đường đời, những lời tâm sự được xem như tự nhiên vì tâm sự của một người hầu hết đều giống tâm sự của mọi người mỗi khi chiều xuống.

Bây giờ, tôi đã nghỉ việc, ít có dịp phiêu lưu như trước, mỗi chiều bắc ghế trước nhà nhìn bóng những chiếc xe đồ sộ xuôi ngược đi vào hoàng hôn, dù muốn giấu lòng nhưng vẫn thấy nhớ làm sao những nẻo đường đô thị.

TRÚC-LIÊN



ĐÍNH CHÁNH

Bách-Khoa số 82 (1-6-1960), trong bài « Người viết và Người đọc » của Đoàn-Thêm chúng tôi có sơ xuất để lại các lỗi sau đây, mong các bạn đọc sửa giùm :

- trang 31, cột 2, dòng 3 : người viết sau có thể coi rõ người đọc, xin sửa lại : người viết sao có thể coi rõ người đọc.
- trang 32, cột 1, dòng 5 : ...và chỉ cơ hội vọt ra, xin sửa lại : và chỉ chờ cơ hội vọt ra (thêm chữ chờ).
- trang 33, cột 2, dòng 1 : rồi cũng chưa đủ để thực hiện ý nguyện cầu thân xin sửa : tôi cũng chưa đủ để thực hiện ý nguyện cầu thân.
- trang 35, cuối cột 2 : mà mấy khi có cơ hội : ai chẻ trách, xin đọc là : mà mấy khi có cơ hội trả lời nếu ai chẻ trách (thêm 3 chữ : trả lời nếu...).

Chúng tôi xin cáo lỗi cùng tác-giả và bạn đọc.

B. K.

ĐAU NIỀM CHIA PHÔI...

Trên con đường nắng cũ
Tâm hồn xưa lạc loài
Đã điều tàn vũ-trụ
Khi tình sầu riêng ai ...

Tôi đi không hứa hẹn
Thơ-thần giữa đường đời,
Chờ thuyền không ghé bến
Cho linh hồn lẻ loi.

Đã vui đời đôi lứa
Cổ nhân đành chia phôi;
Riêng mình ta muốn thuở
Trông về xưa bùi-ngùi.

Chén trà cay đắng ấy
Sao nở chuốc hồn tôi,
Cho muôn năm khao-khát
Nơi xa xăm đáng người ...

Lung linh vờn khói thuốc,
Bóng người xưa nhạt mờ.
Đêm nào chấn gối lạnh
Giữa tay đời, bơ-vơ ...

Tháng năm mòn quá nửa,
Cô đơn đôi vai gầy.
Mộng xây sao đành vỡ ?
Trắng tay hoàn trắng tay !

Ba ba mùa cách trở
Nửa năm rồi biệt-ly.
Áo màu không thấm nữa
Thuở tàn phai xuân thì.

Ngại-ngùng câu tâm-sự,
Người xa mấy dặm đời ?
Vời trông về cố xứ.
Chạnh đau niềm chia phôi ...

Khu Bùn Cỏ Saigon chiều 6-VI-60

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG

(Sầu riêng)

VƯƠNG-LONG

(WANG LUNG)

PEARL. S. BUCK
NGUYỄN (dịch)

VƯƠNG-LONG là con trai của bác thợ cày họ Vương. Từ nhỏ đến lớn anh ta sống ở Vương thôn tại miền Ngoại-ô thành Nam-Kinh và vì bữa nào anh cũng quây rau ra chợ bán nên anh ta chẳng phải là tay tầm thường, ngu độn. Chẳng hạn như anh ta là người đầu tiên biết tin Hoàng-Đế đã băng hà. Dĩ nhiên biến-cổ trên chỉ mới xảy ra chừng độ một năm trước khi lọt đến tai anh. Anh ta lập tức báo tin cho bố, ông cụ báo tin cho ông chú anh ta, ông này vốn là tay viết thuê trong làng — loan tin cho khách hàng và chẳng mấy chốc cả làng đều hay.

Ít ra là suốt ba ngày liền dân làng sống trong lo âu, không ai dám nói lớn, thấp thòm chờ đại họa. Dĩ nhiên chưa một ai có được cái điểm-phúc chiêm-ngưông long nhan, nhưng ai nấy vẫn cảm thấy Ngài như một quyền năng phò-trợ vinh-cửu — một vị thiên-tử — ngài dàn xếp thế-sự với những vị Thiên Tào trên Thượng-

giới. Nói tắt một lời, thiên-hạ có thể phó mặc việc nước cũng như hồn phách của mình cho Hoàng-Đế, trong khi họ cứ chăm nom vườn tược, và xuân thì mang rau, thu thì mang vịt ra chợ mà bán.

Thành thử giờ đây thấy Hoàng-Đế về trời chẳng còn một ai dám bước ra khỏi cổng làng. Ông cụ cố của anh Vương-Long dĩ-nhiên còn nhớ rõ thời Thái-Bình Thiên-Quốc, đã lo cuống lo cuống lên vì nạn cướp bóc. Vì vậy cụ thâu thập tất cả những món gia-bảo như văn-tự đất, vài thoi bạc và tấm áo da dê cẩu bản truyền tử lưu-tôn đã mấy đời và còn có hy-vọng truyền lại cho nhiều thế-hệ nữa. Cụ khoét một hốc trong vách đất và đem giấu cả vào đấy. Suốt ba ngày ròng rã cụ ngồi vãn vãn vài sợi râu thưa thớt trắng ngà, mắt không rời chỗ giấu bảo-vật, đêm đến cụ bắt khênh giường để cụ chui xuống ngủ dưới gầm.

Nhưng đến hết ngày thứ tư vẫn chưa thấy động tĩnh gì, cụ lại moi những đồ chôn dấu ra, càu nhàu ra chiều thất vọng, dân làng lại tiếp-tục làm ăn mặc dầu lúc đầu có hơi sợ sệt. Dầu vậy cuối cùng họ chẳng thấy cần đến Hoàng-Đế nữa ; rồi thời gian qua, họ lại còn cảm thấy sung sướng là ngài đã già-từ côi thế, vì mùa màng cũng vẫn tươi tốt, như thế ngài đã can-thiệp giúp họ với Hoàng-thiên.

Một hôm Vương-Long thấy rõ ràng có một gã thanh-niên ở trong một tiệm nước ngoài tỉnh, trong khi uống trà lớn tiếng rêu rao rằng Vua Chúa chẳng qua chỉ là những thằng lười biếng làm tổn hao của cải đất nước. Nghe những lời lẽ ấy và thái-độ khinh mạn đáng thiềng-liêng đã quá cổ đến như thế, Vương-Long lạnh cả mình, anh ta ngong ngóng rình xem có viên ngói nào rơi vào đầu hấn ta hay hấn ta có bị sặc trà mà chết chẳng. Nhưng rồi chẳng thấy có gì, Vương-Long sau một hồi cố gắng suy nghĩ, vì nghĩ ngợi có phải là chuyện dễ đâu, quả quyết là chắc gã kia mới nói đúng sự thực nên mới không bị trời phạt. Vương-Long ngắm gã thanh-niên một cách kính phục.

Gã thanh-niên mặc một cái áo dài xanh thẫm, không dày quá mà cũng chẳng mỏng quá, thật hợp với tiết cuối xuân. Tóc hấn ta cắt thật cao, bôi dầu mượt như đàn bà.

Vương-Long lẩm bẫm một mình : « Ông này chắc hấn ở miền Nam đây, mình chưa gặp ai như thế cả. »

Gã thanh-niên nói liền thoảng đảo mắt liếc quanh đám đông trong tiệm nước. Khi

thấy Vương-Long trở mắt nhìn mình, hấn dùng đôi tay thấp bút trắng vuốt vuốt trán và cắt cao giọng lên một chút :

« Dân-tộc Trung-Hoa chúng ta đông đảo hơn bất cứ nước nào trên hoàn vũ, ngoại-bang thấy đều e sợ chúng ta. Dầu rằng họ khinh ta vì ta không có tàu hỏa, chiến thuyền. Nhưng đây là trò trẻ. Thời xưa các bậc tiên thánh của ta đã chẳng đành vắn giá vũ, cưỡi rồng khạc ra lửa thỏ ra khói là gì ? Trước kia đã làm được, tất bây giờ rồi ta cũng làm được. Hoàng-Đế đã chết rồi và bây giờ chúng ta sống trong thể chế cộng-hòa. Muốn gì ta sẽ được nấy. »

Vương-Long dám đến gần, cúi xuống cầm lấy mép áo của gã thanh-niên, lễ phép hỏi :

« Thừa tiên-sinh cái áo này bao nhiêu tiền đấy ạ ? » Anh lại vắn về chất vắn mịn màng, mềm mại hầy còn nằm giữa ngón trỏ và ngón cái và lẩm bẫm : « Chà, hàng này mới tốt làm sao chứ ? Thật cứ như là mây ấy thôi. Tiên sinh này, đây có phải là hàng ngoại quốc không, giá bao nhiêu đấy ạ ? »

Nhưng gã thanh niên đột nhiên nổi cơn thịnh nộ, giật phắt mép áo lại, quát lên :

« Đồ khốn nạn, đừng có mó vào mà bẩn áo ta bây giờ. Hai nguyên (1) một thước đấy, đây là hàng len Anh Cát Lợi hảo hạng.

Hai nguyên một thước ! Mồm anh há hốc ra như mồm cá ngao. Anh ta làm

(1) Nguyên tắc : dollar — Nguyên : đơn vị tiền tệ T. Hoa.

cả tháng cũng không được đến hai nguyên. Cái áo này không hiểu phải mất đến mấy thước, tà áo chấm tận đất, cổ cao lên đến tận mang tai? Trong lúc gã thanh niên tiếp tục nói về Cộng Hòa, Vương Long cố nhớ lại xem số vải xanh dùng để may chiếc áo cưới của anh ta sáu năm về trước mất tất cả là bao nhiêu. Năm thước thân trước, năm thước thân sau, nửa thước tay áo,—vì chỉ tất cả là mười thước rưỡi,—ấy là kể cả vải thêm thắt vào theo đúng lệ, khi ta mua mười thước vải ở tiệm. Tính gộp cả lại ít nhất cũng phải 28 ngàn tiền. Nghĩ đến số tiền mà anh rùng mình, 28 Nguyên, lợi tức của cả một năm, phủ lên cái thân hình lẻo khoẻo của gã thanh niên tóc ngắn kia! Anh lẩm bẩm « Đắt quá! »

Gã thanh niên quay về phía anh ta vênh vác giảng giải: « Đây là một thứ hàng ngoại quốc mọc trên lưng những con cừu Anh Cát Lợi, do những tên nô lệ Anh đem dệt riêng cho những người tóc đen dùng. »

Trước vẻ ngạc nhiên khâm phục của Vương Long gã tiếp tục nói một cách lưu toát, hùng hồn:

« Như tôi vừa nói, chúng ta không còn cần đến Hoàng-Đế nữa. Quốc-gia vĩ đại của chúng ta từ giờ trở đi sẽ được trị vì bởi dân, do dân và vì dân theo đúng như lời dạy của cổ-nhân. Ngay đến như bác đi chăng nữa, bác cũng có thể góp phần vào việc quyết-định ai sẽ là tổng-thống ».

Vương Long hoảng hốt chùn lại: « Cháu ấy à? Cháu còn phải nuôi bố cháu, ông cháu, rồi lại còn vợ cháu và

ba cái di nữa, con vợ cháu nó chả dễ được đưa con gái nào cả. Lúc nào chúng nó cũng cứ ngoạc mồm ra quây lấy cháu. Cháu làm gì có thì giờ. Lạy tiên sinh, tiên sinh làm ơn giúp cháu việc ấy ».

Gã thanh niên đập bàn cười ha ha làm cả tiệm nhìn lên, Vương Long thấy nhiều người nhìn mình như vậy, bối rối quay mặt đi.

Gã thanh niên nói lớn:

« Cái nhà bác này sao mà ngu quá thế hở! Bác chỉ việc viết tên lên một mảnh giấy rồi bỏ vào một cái hộp ».

Vương Long lo lắng van lơn: « Bẩm tiên sinh, cháu không biết viết ».

Gã thanh niên bảo:

« Thì mượn người viết hộ, bác này đến là ngu! » Đoạn hần uống cạn chén trà và quảng hai xu lên bàn.

Vương Long đáp:

« Bẩm tiên sinh, cháu thật đồ sấu bọ. Thế nhưng cháu phải viết cái gì hở tiên sinh? ».

Gã thanh-niên nói:

« Viết tên người mà bác chọn làm Tổng-Thống ấy! » Hần ta có nói về cái kính đến nỗi Vương-Long không dám hỏi thêm « Tổng-thống » là cái gì.

Lúc đó nhiều người để ý đến cuộc đàm-thoại, gã thanh-niên dừng lại ở ngưỡng cửa tiếp tục dặng điệu cũ, nói dần giọng:

« Vì thế, thừa toàn-thể đồng-bào, thời thịnh-vượng đến nơi rồi. Kẻ giàu sẽ nghèo, kẻ nghèo sẽ trở nên giàu có. »

Vương-Long cổ rỗng tai. Sao lại thế — kẻ nghèo sẽ giàu có? Anh ta bèn lên đánh bạo hỏi, phấp phồng lo gã thanh-niên nổi giận:

« Bẩm tiên-sinh, sao lại thế ạ? »
Hắn đáp:

« Dưới chế-độ cộng-hòa nào cũng thế cả, ở Hoa-Kỳ ai nấy đều ở lâu dài cả, trừ những kẻ giàu có là phải cưỡng-bách làm việc mà thôi. Khi nào vua chúa bị hạ, cách-mạng đến, chuyện ấy sẽ xảy ra. Vì vậy mà tôi mới cắt tóc ngắn như thế này. Để chứng tỏ rằng tinh-thần tôi tự-do. Tôi là một nhà Cách-mạng. Tôi và những nhà cách-mạng khác sẽ cứu vớt giang-san, nâng cao giới bần dân và những kẻ bị áp bức! »

Gã thanh-niên cúi chào bỏ đi. Vương-Long vẫn còn ngồi chồm hồm trên chiếc đòn gánh từ lúc anh thấy gã thanh-niên nổi cơn thịnh nộ. Anh ta cứ ngồi như vậy trước cửa tiệm, ngo ngẩn như người trong mộng, khiến gã thanh-niên không có lối ra. Hắn quát lớn: « Lui ra! Anh kia », và giận dữ dùng chân đẩy chiếc đòn gánh.

Vương-Long luống-cuống đứng dậy, dẹp thúng mủng xuống đường và đứng nhìn theo gã thanh niên, chiếc áo dài xanh của hắn xúng xáo xúng xính.

Trong tất cả những lời vừa rồi, Vương-Long chỉ nghe thấy có mỗi một điều, đó là kẻ nghèo sẽ giàu có. Niềm ước vọng đó anh hằng ấp ủ suốt cả đời người, nhưng những năm gần đây anh đành phải bỏ vì cảm thấy không thể thực hiện được. Tổ tiên anh đã cặm cùi làm lụng

trên mảnh đất mà ngày nay anh đang vun sới và chưa có một ai giàu có khá giả cả. Nhưng giờ đây chuyện đó gần như có thể có thật; vì Hoàng Đế đã băng hà, chuyện gì mà chẳng có thể xảy ra được.

Anh ta đứng nhìn về phía cuối đường tư lự, tà áo xanh nổi bật trên nền xám nơi xa. Nếu anh giàu, anh sẽ được cái áo dài mịn, bóng và ấm như vậy. Anh nhìn xuống chiếc quần dài ố vàng, vá chằng vá đụp và đôi chân không của mình. Anh tưởng chừng như thấy mình mặc thứ vải bóng và ấm ấy. Nhưng trong lúc cúi đầu, bím tóc hoe vàng vì nắng gió để bờ phờ từ mấy ngày nay rủ xuống. Anh ta lẩm bẩm: « Đầu tóc thế này thì mặc áo mới sao được? »

Anh ta tưởng chừng như chiếc áo dài đã ở trên mình anh, cũng cài bằng cùng một thứ khuy nhỏ mạ vàng như của gã thanh niên. Nên tuy mới bán được có một ít rau, anh ta đã kiểm lại tiền cần thận đoạn xuống phố vào một hàng thợ cạo rong, lớn tiếng bảo hắn ta:

« Cạo trọc cho tôi, trả bác mười đồng kềm đây ».

Thế là anh Vương Long nhà ta biến thành một nhà cách mạng.

Nhưng anh ta không ngờ. Buổi chiều khi về tới làng, dân làng đang nhón nhờ dạo trước sân, thấy đầu anh ta trọc lốc như sư cụ, họ lăn ra cười. Mọi người không biết nói sao duy chỉ có con bác Vương Lưu vốn là học trò trường tỉnh nên hiểu biết hơn mọi người, kêu lớn:

« Bác ấy là nhà cách mạng đấy nhé !
Thầy giáo cháu bảo chỉ có những người
cách mạng mới cắt tóc ngắn. »

Vương Long nghe mà bối rối. Anh ta
chẳng biết « nhà cách mạng » là cái quái
gì, anh ta sợ vì bị gán ghép với
một thứ mà anh chẳng biết mô tê gì cả.
Thành thử anh ta ném mạnh cái đòn
gánh xuống làm
ra bộ bình thản
tự nhiên, lớn
tiếng gọi vợ
như thường lệ :

« Bu nhà nó
đâu, cơm nước
sẵn sàng chưa ?
Tao làm hết hơi
hết sức suốt cả
ngày để kiếm
cái ăn, đêm hôm
mới về đến nơi,
mệt chết người
mà đến chén
nước cũng chưa
có. »



Dân làng thấy anh ta vẫn hành động
như mọi ngày, nên lại tản mát cả đi, chỉ
còn hơi thắc mắc về cái bề ngoài kỳ cục
của anh ta mà thôi. Dầu vậy cái tên phải
gió ấy vẫn cứ gắn liền với anh. Từ bữa
đó anh cứ bị gọi là Bác Vương Cách
Mạng, cái tên ấy dần dần trở nên vô nghĩa
ngoài điều nó gắn liền với anh.

Còn về Vương Long, anh ta cứ mơ
mãi chiếc áo dài xanh sẽ có khi anh
giàu. Thoạt đầu anh mong ngày mong
đêm, tóc thì cứ mọc dài mãi ra,

anh dùng hai ngón tay nhúng vào dầu bôi
cho mượt. Nhưng rồi xuân tàn hạ đến,
thu lụn đông về, hết năm này sang năm
khác, cuộc đời cũng vẫn như xưa. Anh
vẫn phải làm việc quần quật từ sáng đến
chiều, và đưa con nôi dôi tông đường
vẫn chưa chào đời. Cuối cùng anh ta giận
tím ruột đến nỗi đêm đến anh ta không
làm thế nào ngủ cho yên giấc được.

Không phải
chỉ có mỗi một
chuyện ấy ám
ảnh thôi đâu.
Anh lại còn gặp
lắm chuyện bức
mình khiến anh
càng giận thân
giận đời vì hình
như số anh về
già vẫn chẳng
được nhàn hạ.
Ý tưởng ấy
làm anh ta bức
bội điên người
lên, mỗi ngày rửa
xả chị vợ đến
ba bận :

« Tiên-sư cái đồ đất cằn hạt xấu ! ».

Mỗi lần nghe thấy có người sinh con
traí là anh nghiêng răng trèo trẹo cảm thấy
mình là kẻ hẩm hiu. Anh lại càng giận vì
giá vải, giá mỡ, giá than, củi thì cứ tăng
lên vòn vọt mà đất đai chẳng sản-xuất
thêm được chút nào. Ngày nào ra tỉnh
anh bức mình vì thấy thiên-hạ quần là
áo lượt nhờn nhờn dạo phố, ngồi lơ mơ
ở các tiệm nước, sát phạt trong các sòng
bạc, trong khi đó thì trên đường tới chợ
anh phải gõ tằm thân trần dưới gánh

nặng của những món hàng cung cấp cho họ. Rồi cứ động một tí gì cũng làm anh phát khùng lên : một con ruồi đậu trên cái mặt nhẽ nhại mồ hôi của anh cũng làm anh nhẩy cẫng lên như con chó điên, đến nỗi thấy thế mọi người phải kêu lên : « Cái nhà bác này đến là điên, quát tháo cả với ruồi muỗi. » Cái biểu-tượng bí-mật của cơn thịnh nộ của anh là chiếc áo dài xanh chẳng bao giờ mua được.

Một hôm như lệ thường anh đang đi qua đường Văn Miếu thì thấy một gã thanh niên đứng trên một chiếc hòm gỗ đang nói lớn tiếng. Hắn ta còn là một bạch diện thư sinh, mình vẫn một chiếc áo bông đen. Hắn khoa đôi tay gầy guộc non nớt, mắt nhanh nhác nhìn qua đầu đám đông vây quanh. Vương Long bụng bảo dạ nhân lúc mệt nên ngồi nghỉ tí nghe chơi. Anh ta ngồi lên chiếc đòn gánh, rút chiếc khăn mặt giặt ở thắt lưng ra lau mặt.

Thoạt tiên anh chẳng hiểu mô tê gì cả. Anh tưởng là sẽ thấy hắn ta nói về Hoàng-Đế và Cộng-Hòa, nhưng hắn ta lại nói về người ngoại-quốc. Tiếng hắn ta nhỏ, mỗi lần nói lớn là lạc cả giọng, hắn hét lên the thé.

« Chúng nó đã giết chúng ta, chà đạp chúng ta. Chúng nó là bọn đế quốc — quân cướp nước ! »

Vương Long lắng nghe, ngạc nhiên. Anh ta chẳng biết gì về bọn ngoại-quốc cả. Quả tình mỗi lần thấy họ, anh ta lại còn có vẻ thích thú nữa, vì họ thật là một kỳ quan, đem kể lại cho dân làng nghe thật là tuyệt. Nhưng tâm địa

họ ra sao thì anh chưa hề lưu tâm tới. Đến bây giờ anh cũng chẳng thấy hứng thú gì lắm nên anh tìm cái điều nhỏ. Muốn sao anh cũng phải hút một điếu thuốc đã rồi mới đi. Anh bỗng nghe thấy gã thanh niên gào lên với một giọng the thé và run rẩy :

« Cửa ta tắt cả, nhà cửa, đất cát, vàng bạc lũ chúng nó cướp giết của chúng ta. Chúng nó sống như ông hoàng bà chúa trong khi chúng ta phải cúi đầu làm tôi mọi. Nào hỏa xa, máy hát, vải vóc lụa là, thật cứ như là đế vương ! Đả đảo bọn tư bản ! Cách mạng vạn vạn tuế, thời đại mà kẻ nghèo sẽ trở nên giàu có, kẻ giàu sẽ nghèo túng ! »

Vương Long quảng cả điều đi, sản lên. Nghèo sẽ trở nên giàu có ? Nửa à ? Anh ta đến sát gã thanh niên, bên lên hỏi :

« Bẩm tiên sinh chứ bao giờ thì có chuyện ấy ạ ? »

Gã thanh niên quay phát lại, không nhìn vào anh và trả lời :

« Bây giờ, ngay bây giờ ! Khi quân cách mạng vào tỉnh, mọi vật đều là của bạn. Bạn muốn lấy gì thì lấy. Đồng chí cũng là cách mạng hả ? »

Vương Long khiêm tốn đáp :

« Tôi được họ gọi là « Vương Long cách mạng ».

Nhưng gã thanh niên chẳng buồn nghe Vương Long hắn lại gào lên :

« Đả đảo bọn tư-bản, đả đảo bọn ngoại quốc, đả đảo tôn-giáo, đả đảo quân

chủ ! Cách mạng vạn vạn tuế, kẻ nghèo sẽ giàu có, kẻ giàu sẽ nghèo tưng ! »

Nghe thấy câu đó, Vương Long đột nhiên hiểu ngay cách mạng là gì. Tư bản, quân chủ, tôn giáo, những câu đó chẳng nghĩa lý gì cả, nhưng anh hiểu rằng người nghèo sẽ trở thành giàu, kẻ giàu sẽ biến thành nghèo. À, thế thì anh là một nhà cách mạng.

Anh ta đứng lặng nhìn gã thanh-niên, vừa lúc ấy một người cảnh-binh thành lính xuất hiện cầm súng gắn lưng lê, thừa dịp mọi người chưa kịp chú ý, dí ngay vào lưng gã thanh-niên. « Vào tù nhà cách-mạng non, để coi xem anh giàu chóng đến bực nào » Sắc mặt gã thanh-niên tái xanh tái tử như người chết rồi, hấn ta lặng lẽ bước xuống, gã cảnh-binh dùng chiếc lưng lê thúc nhẹ sau lưng đẩy hấn đi. Đám đông biến mất như vàng mây trước ánh mặt trời và Vương-Long sợ bạt cả hồn vía, đầu óc rối như mớ bòng bong, quấy gánh rảo bước tới chợ.

Anh ta sợ quá, cả ngày không nói với ai đến một câu. Chiều đến lẽ ra là lơ mớ bèn bát chè tươi như mọi khi, anh quàng ách vào trâu đem ra cấy thửa ruộng khoai đến tận lúc trăng xế sau hàng liễu không trông thấy luống cấy nữa mới thôi.

Sáng hôm sau anh ra chợ từ tờ mờ đất. Lúc đến cửa thành anh thấy có dán một tờ giấy lớn đen nghịt những chữ. Anh nhìn mãi, cố tìm hiểu xem nó nói gì, nhưng vốn một chữ bẻ làm đôi cũng không biết, nên anh đành chịu. Mãi sau anh nhờ một cụ già đi ngang dọc hộ vì thấy cụ ta đeo một cái kính gọng sừng lớn và phong thái có vẻ khoan thai ung

dung, đúng là một con người học thức. Cụ đồ dừng lại đọc mò mò từng chữ một khiến Vương-Long sốt cả ruột. Mặt trời mọc ngày càng cao, tia nắng lọt vào đến tận vòm cổng. Cuối cùng ông cụ quay lại phía Vương-Long bảo :

« Những dòng chữ này đã động đến những người khác chứ chẳng liên can gì đến bác đâu. Họ bỏ cáo rằng những người làm cách mạng bắt được ở trong tỉnh đã bị chém đầu ».

Vương Long hoảng hồn : « Chém đầu ? »

Ông cụ có vẻ tự lự đáp : « Dĩ nhiên. Họ lại còn cho biết là đến cầu Tam-Nương sẽ thấy đầu lâu bêu thành hàng ở đấy. Chính phủ ta không có dung thứ những quân phiến loạn Quảng-Đông ấy ». Nói xong nhà lão nho bước đi, tà áo bay đĩnh đạc.

Vương Long đứng lặng nhìn những chữ ngoằn ngoèo mà phát sốt phát rét. Anh ta chẳng thường bị gọi là « Vương Long cách mạng » là gì ? Anh nguyên rửa cái áo dài xanh đã đưa anh đến bước này. Cái ước vọng giàu có của anh gần như mất hẳn, một mối sợ hãi ghê gớm lôi cuốn anh tới chiếc cầu Tam-Nương. Anh gửi thùng mủng ở tiệm nước nóng của một người họ ngoại và đi đến cầu, cách đó chừng một dặm, mặc dầu anh bị mất thì giờ, rau cỏ héo úa vì nắng trưa.

Anh thấy đúng như lời ông lão nói. Trên bảy chiếc cọc tre cắm trên cầu, cắm bảy cái đầu lâu be bét máu gục trên cái cổ cứng nhắc trầy trụa, tóc xòa xuống cặp mắt lơ lơ nửa nhắm nửa mở. Có một cái đầu mồm há hốc lưng thè dài gần

dứt, lắt léo giữa hai hàm răng trắng nõn. Nhìn gần Vương-Long hết vía vì đó chính là đầu già thanh-niên mà anh vừa nghe hôm qua. Tất cả những đầu lâu ấy đều rất trẻ.

Quanh chỗ đó thiên hạ tùm nãm tùm ba dè bủ nhạo báng. Một cụ già móm mém nhỏ toẹt xuống đất nói lớn : « Coi đây, số phận của bọn cách mạng là thế đấy ! »

Nghe câu ấy mà Vương Long giật nảy mình. Bọn làm cách mạng ? Nhờ mà có ai quen đi ngang quen mồm gọi :

« A, bác Long cách mạng ! Ăn cơm chưa bác ? » Đây là một lời chào ngớ ngẩn, trước kia thật là vô nghĩa, nhưng hiện giờ thì lắm chuyện lắm, Anh vội vã bỏ đi.

Từ bữa đó mà đi anh làm thật hăng, nói thật ít. Ngay đến vợ, anh cũng chẳng hé môi, làm chị ta lo lắng tìm

thầy bói trong làng nhờ thầy bói một quẻ xem anh ta sắp lên cơn bệnh gì chẳng. Nhưng tất cả mỗi rắc rối là ở chỗ Vương Long cứ tiếp tục tưởng tượng thấy cái đầu thứ tám treo bên bầy cái đầu ở cầu Tam Nương. Tối đến, khi anh không có thể làm việc được nữa, anh trông thấy rõ ràng cái đầu lâu của chính mình với cặp mắt nửa nhắm nửa mở và đôi môi xám ngoét. Khi chàng em họ đi ngang vui vẻ hỏi lớn : « Hôm nay anh Long cách mạng có nghe được chuyện gì lạ ở tỉnh không ? »

Vương Long sẵn ra cửa bói tam đại thằng em họ ra mà chửi, gác ngoài tai những lời lẽ kinh ngạc sững sốt của hắn ta. Cái khó là không có thể bày tỏ cho mọi người biết nỗi lo sợ của anh. Nói ra thì bằng mời người ta kể dao vào cổ.

(Còn một kỳ nữa)

NGUYỄN

VOYAGEZ PAR QUADRI-MOTEUR STRATOLINER

AIR LAOS

RENSEIGNEMENTS - RÉSERVATIONS
65, RUE LE-THANH-TON - SAIGON

TÉL: { 22.102
SGN. 34

SÁNG TRẮNG XANH

Giờ đây không biết bao giờ nữa.
Tất cả trần gian là lặng yên.
Chỉ có tim tôi khe khẽ nhịp
Điệu sầu hiu quạnh giữa vô biên.

Tĩnh không một tiếng trùng trong cỏ,
Một tiếng gà xa cũng vắng tanh.
Trơ trọi ta nằm trong tịch mịch,
Quanh mình man mác sáng trắng xanh.

Lững lơì rặng bạc nằm chênh-chếch
Lồng lộng vòm cao không vãn, mây.
Thăm thẳm một màu lam gợn sóng,
Sóng lam gợn-gợn dịu-dàng say.

Thuyền trắng cô độc phiêu chầm-chậm
Trên biển trời êm chẳng bến-bờ.
Thuyền mộng băng-khuâng trôi biển mộng,
Người thơ ngây ngất một trời thơ.

Nằm nghe phơ-phất bay trong gió
Những áng linh hồn tự cổ sơ,
Muôn thuở chung tình yêu bóng nguyệt,
Chưa tan còn mãi đến bây giờ,

Canh khuya xao-xuyến niềm trắng gió,
Dắt-díu cùng nhau bay thần-thơ.
Ái ngại, đêm thanh nhẹ nhẹ lướt,
Bước nhưng không động cánh hoa mờ.

Trăng gầy ầu-yếm nghiêng nghiêng xuống
Vũ-trụ nồng say giữa giấc-mơ.

Yã-Hạc NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Hoang-dảo)

MỘT TRẬN

QUYỀN ANH

★ PHAN-VĂN-TẠO

CÔNG sân Tinh Võ đã đóng chặt mà ở ngoài hãy còn mấy trăm người xô đẩy, gào hét, thúc lên, lùi ra, rồi lại ào ào chồm tới như một đoàn quân xung kích đang ném hết sức mạnh điên dại để phá thành địch. Hàng chục cánh tay đâm thình thình lên khung cửa sắt gan lì, mấy bàn chân nóng này đập túi bụi trên ổ khoá nhẵn nại. Vô ích ! Cánh cửa vẫn đóng chặt—Mấy nhân viên ban trật tự, đứng trong nhìn ra, vẻ mặt lạnh lùng hình như tất cả những bão táp ngoài kia không có liên can gì tới họ.

Vài khán giả tới chậm, cầm vé giơ cao lên khỏi đầu rồi vẩy lia lịa cho những người đứng trong cửa chú ý :

— Tôi có giấy phải cho tôi vào chứ !

Người soát vé ngửa hai tay ra, chỉ vào chòm người đang đập phá, nhún vai một cách bất lực, không nói gì, nhưng cũng đủ

để cho mọi người hiểu rằng trước tình thế này làm sao mà mở công được.

Một người lực lưỡng, tóc húi ngắn, mũi bẹt, cằm nhô, miệng nhai kẹo gôm làm chuyển những gân guốc trên mặt, đi đi lại lại một cách sốt ruột trên vỉa hè, bỗng nắm quả dấm trở về phía nhân viên ban trật tự rồi găm lên :

— « Đến võ sĩ sắp lên đài mà các anh cũng không cho vào thì thật là hết nước ! »

Ngày thường, sân Tinh Võ là một sân bóng rổ. Đêm nay giữa sân có đặt một bục gỗ cao vuông vắn, dây thừng trắng bao quanh, với ánh sáng ngập đầy, trông chẳng khác gì một cái bánh vuông không lỗ thắp nến rực rỡ để ăn mừng lễ sinh nhật.

Hàng ngàn người đang ghéch mũi lên cái bánh đó mà chỉ những ai biết thưởng thức mới nhận ra được cái hương vị

quyển rũ đến rạo rức. Không phải chỉ có những thanh niên, bắp thịt nhậy và máu dễ sôi mới đi xem đấu quyền Anh. Có cả những thân hình ẻo lả như một bản nhạc sầu, những bộ râu mà người ta vuốt một cách nóng nảy theo nhịp các trận đấu, những cặp môi son tô điểm công phu đang mím chặt lại vì hồi hộp.

Ở trên đài các võ sĩ đấm nhau mà dưới này người ta cũng né, cũng tránh, trên ngừng lại là dưới hò la thôi thúc. Không khí như truyền chạy một làn điện mạnh phát ra từ những ngọn đèn sống sượng, những tiếng cồng man rợ âm u, những găng da lều nghêu chẳng khác gì bốn bàn tay đen hung hãn của một cặp phù-thủy. Những trái đấm bình bịch dội lên người xem một cảm giác rục rạo, làm cho ai nấy thấy gân cốt mình chuyển cựa.

Trận chính đêm nay là cuộc đấu lấy chức vô-dịch hạng gà. Người ta chờ đợi rất nhiều ở Hùng, một tài năng đang lên. Địch thủ của Hùng tuy nhiều tuổi hơn, nhưng có một lối đánh rất tinh vi và tất cả mọi người đều nóng lòng muốn biết trong cuộc tranh tài này, sức mạnh ồ ạt hay sự tính toán khôn ngoan sẽ dành được phần thắng.

Khi Hùng giơ cao hai bàn tay nắm lại lên khỏi đầu để chào khán-giả, tiếng vỗ tay nổ ran lên làm anh muốn hít mạnh tất cả những sự khuyến khích đó vào đầy ắp lồng ngực. Anh bỏ áo choàng, kiêu hãnh để lộ ra những bắp thịt cuộn cuộn, rồi về góc đài cho những người săn sóc đeo găng. Anh liếc mắt về góc đối diện, nhìn địch thủ của mình. Mặt hăn lăm lị, bắp thịt như chìm đi che đậy một sự nguy hiểm ngầm

độc, nhưng đôi mắt kia thì không giấu ai được — Nó dò xét, lục lạo, và nếu Hùng có một sơ hở gì chắc chắn nó sẽ biết dùng cơ hội đó.

Tuy nhiên Hùng rất nhiều tự tín. Anh đưa mắt nhìn quanh một vòng và sung sướng nhận những cái vẫy tay thân mật, những lời khích lệ của một số bạn bè.

Bỗng anh để ý trên hàng ghế đầu có một thiếu-nữ mặc áo vàng, không đẹp lắm nhưng rất có duyên, đang trân trân nhìn anh. Hùng nghĩ thầm :

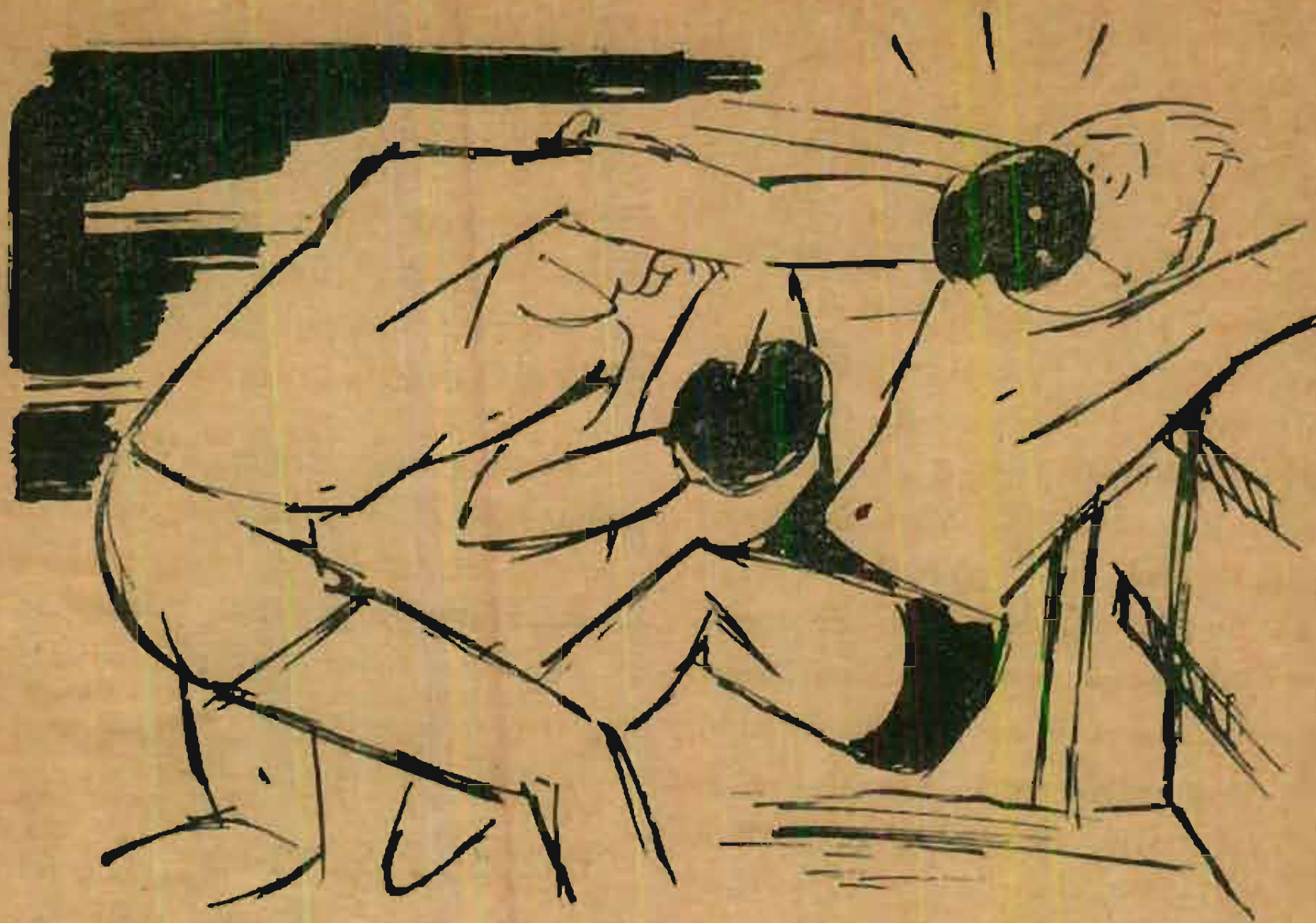
“ Cô này mà ra mình tay chinh-phục thì còn chạy đâu thoát !. Và anh thử mạnh một hơi cho lồng ngực căng lên.

Trọng-tài gọi hai đấu thủ ra căn dặn một số luật-lệ — Hùng nghe một tai lơ đãng, anh còn điều gì phải học thêm nữa ?

Những người săn sóc được mời xuống khỏi đài. Hùng đứng ra phía trước cô gái áo vàng, bắm đôi găng vào dây thừng, nhún cánh tay vài lượt trên dây, uốn bắp thịt vai cho mềm mại, nhẩy vừa nhẹ vừa dẻo trên đầu ngón chân. Anh chợt nhận thấy mình có một chút gì đom đóm khác thường.

Tiếng cồng bỗng nổi lên nghe ròn-rợn trên da. Không khí căng thẳng đến ngột ngạt. Hùng liếc nhanh xuống cái áo vàng một lần nữa, rồi quay lại hung hãn tiến tới.

Hiệp đầu, hai bên còn dò dẫm xem xét đấu pháp của nhau. Sang đến hiệp nhì, Hùng đã tìm thấy dụng ý của địch thủ. Rõ ràng là hăn không chịu đánh mà chỉ tìm cách lẩn trốn, cốt làm anh hao sức rồi sẽ lựa lúc cho anh những ngón



dòn quyết-định. Hẳn đấu quyền mà như chơi ú tím — Anh đã sốt ruột lắm nhưng vẫn nhắc nhở mình phải thận trọng. Dầu sao anh cũng đã mấy lần cho hẳn nếm đòn và mỗi lần mặt hẳn, ngực hẳn chuyển rung dưới trái đấm của mình, anh phảng phất thấy như ngoài anh ra, trên hàng ghế đầu còn có một ai nữa bằng lòng.

Dứt hiệp anh về góc dài. Trong khi mấy người sẵn sóc nắn tay chân, lau mặt anh, quạt nhẹ cho anh bằng một cái khăn bông lớn, anh khẽ day người về phía cái áo vàng. Thiếu-nữ nhìn anh, nhẹ gật đầu và mỉm cười — Anh nhắm mắt lại, thầm hưởng cái phần thưởng người đẹp vừa kín đáo tặng mình.

Giữa nơi thi thố những sức khỏe hung bạo sao mà lại có cách tỏ tình tế nhị đến như vậy.

Tiếng cồng lại nổi lên. Hùng đứng vụt dậy và anh thoáng thấy người đẹp giơ nắm tay xinh xinh dấm nhanh mấy cái liền về phía trước mặt. Anh hiểu rằng nàng ra hiệu cho anh đánh mạnh và mau hơn nữa. Ý muốn đó là một lệnh đối với anh. Anh sẽ phải tốc thắng một trận cho xứng đáng với bao nhiêu ân cần chờ đợi. Anh vung cánh tay ra với một sức mạnh mới và nhất quyết hạ địch thủ trong khoảnh khắc. Nhưng đối phương của anh cũng không phải tay vừa. Giữa một lúc bất ngờ, hẳn đã đánh trúng mắt trái anh làm anh rách mí mắt. Từ đó hẳn cứ nhắm vết thương mà dấm túi bụi khiến anh phải lo che đỡ cánh trái và do thế để hở cánh mặt quá nhiều. Đôi mắt hau háu của hẳn đã chớp được chỗ yếu đó, và một trái đấm vừa lẹ vừa gọn của hẳn đã đặt trúng mạng mõ của anh. Có một tiếng âm dội trong người

anh. Anh đồ sẫm xuống như một thân cây trúng một nhát rìu chí tử.

Cái gì đã làm cho anh lồm cồm bò ngay dậy ? Tuổi trẻ hồi sức mau chóng hay lòng tự ái bùng lên ? Anh vẫn khuyu một gối và chống tay trên thảm, nghỉ thêm một chút lấy lại tinh tảo. Mắt anh hơi mờ đi nhưng còn nhận thấy cái áo vàng trên hàng ghế đầu. Nàng kiếng người lên, môi cắn chặt như muốn bật khóc, và đôi mắt sột sa thương hại của nàng như rớt vào tận buồng gan lá phổi của anh một liều thuốc chỉ thống mầu nhiệm. Trọng tài đang đếm 6... 7... 8. Anh đã tỉnh hẳn. Ý nghĩ phục thù cuộn cuộn trong bắp thịt anh. Liều hồn cho kẻ đã làm nhục anh, đánh ngã anh trước mặt người đẹp. Anh đem hết cả vũ bão của tuổi trẻ quăng vào trận đấu. Máu dĩ từ mí mắt bị thương xuống gò má, lành lạnh, son sớt, làm anh nhăn mặt một cách ghê sợ. Anh tới tấp dấm vào địch thủ và có lúc giữa những cánh tay anh hoa lên, anh tưởng như thấy cả đôi tay xinh xinh của cô gái áo vàng cũng phụ lực anh đánh hạ kẻ thù.

Tiếng vỗ tay nổi lên như sóng cồn khi trọng tài tuyên bố anh thắng điểm.

Các người săn sóc, các bạn bè nhảy hết lên dài, khen ngợi anh, bắt tay anh, bế bổng anh lên vai. Các nhà nhiếp ảnh xúm xít chung quanh anh, bắn vào mắt anh những ánh đèn chói lòa. Anh chỉ muốn vùng ra đi tìm thiếu nữ áo vàng, con người anh chưa quen mà đã thấy lòng gần gũi.

Lâu lắm anh mới gỡ được ra đề về phòng riêng. Thay xong quần áo, trở lại

thì khán-giả đã về hết. Các hàng ghế chổng chơ, những giấy rác, mầu thuốc lá bừa bãi gọi cho anh một thứ dư vị trống trải của những đêm vui tàn cuộc.

Đến trước chỗ nàng ngồi, anh càng thấy buồn hơn. Trên ghế còn rớt lại bản chương trình trận đấu. Anh nhặt tờ giấy lên, gấp lại, bỏ vào túi mang về.

Từ đó bóng cái áo vàng theo đuổi anh như một ám ảnh. Anh dính cái chương trình nhặt được lên trên tường cạnh mấy đôi găng da. Thôi thì chẳng giữ lại được cái gì khác, cũng còn tạm mảnh giấy kia vậy. Vài tháng sau, trong lúc đến chơi tại một hồ tắm nọ, anh đã

Rau phong, rau phi

Kinh thi có câu : « Thái phong, thái phi, vô dĩ hạ thể », có nghĩa là không nên thấy cái rễ rau phong, rau phi không tốt mà đã vội vất bỏ cọng của nó đi. Câu trong Kinh Thi có ý khuyên người ta chẳng bao giờ nên quá « trách bị cầu toàn », đòi hỏi điều hoàn hảo, phạm việc gì mình không vừa ý đến đâu vẫn có một phần khả thủ được.

gần lạng người đi khi nhận thấy người thiếu nữ buổi nào giữa đám đông. Vẫn cái dáng thông-minh tinh nghịch, vẫn những cử chỉ tự nhiên thoải mái, vẫn cái áo vàng đêm xưa. Anh ngập ngừng mãi không dám tới gần. Một võ-sĩ vô-dịch như anh mà sao rút rút đến thế trước một người đàn bà. Nhưng nếu lần này anh không nói gì biết bao giờ nữa mới lại gặp nhau. Ý nghĩ đó đã làm anh can đảm hơn. Anh lựa chỗ đứng cho thiếu-nữ phải đi qua mặt mình, rồi tiến lên chào :

— Chắc cô còn nhớ tôi.

Thiếu nữ nheo đôi mắt như lục tìm trong ký ức, anh phải nói thêm :

Tôi là Hùng, võ-sĩ Hùng.

— À tôi nhớ ra rồi. Tôi có xem ông đấu thắng trước. Hay lắm.

Hùng chán nản vô chừng — Bao nhiêu ân cần khích lệ đêm tranh giải nay chỉ còn để lại có một lời khen nhạt nhẽo kia sao ?

— Tôi muốn được cảm ơn cô. Nếu không có cô khuyến khích, không chắc gì tôi đã thắng.

— Ông dậy quá lời. Thực ra chính tôi phải cảm ơn ông.

Hùng đứng ngẩn người ra không hiểu nàng định nói gì. Thiếu-nữ áo vàng mỉm cười một cách tinh quái :

« Tôi đánh cá với một người bạn là ông sẽ thắng. Lúc ông bị đâm ngã, tôi sợ quá, chỉ lo mất một trăm bạc toi ».

P.V.T.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S . O . A . E . O .)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

**Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
— Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

MONG MANH

Tặng K. L.

Tơ trắng buông loăng ánh sương mờ.
Thấp thoáng đôi vương mấy nét tơ
Chăm-chậm cung mây trời bằng lãng.
Trời xanh ươm cả bóng ngàn mơ.

Lối buồn ngây-ngất gió dăng hương.
Ý nhớ bừng say khóm hải đường
Lơ-lửng trời cao vùng nguyệt lạnh.
Ngập-ngừng đêm lãng thấm hơi sương.

Trăng nổi bành-bồng giữa khoảng êm.
Tiếng tơ đâu thoảng trời sau rèm.
Thanh-âm dang-dở trong sầu lệ.
Nức-nở còn buông cánh liễu mềm.

MẠC-PHƯƠNG-ĐÌNH

(Những dòng kỷ niệm)

TRUYỆN NGẮN



A - XÍU

Phan-Du

(Tiếp theo Bách-Khoa số 82)

ĐÊM NOEL.

Ngay từ sáng hôm trước, Yển đã nhắc tôi :

— Tối mai ở đây vui lắm. Có cây Nô-en, có nhiều món ăn khuya đặc-biệt. Nhiều đĩa hát mới mới về. Anh đi nhà thờ xem chơi rồi ghé về đây nhé.

Những câu dăn-dò này không phải là những lời mời - mọc theo thói quen của nghề-nghiệp. Và Yển còn nói thêm với cái giọng khàn-khoản thiết-tha :

— Ngày thường cứ độ mười giờ rưỡi tối là em đã về được rồi. Đêm nay có lẽ cũng đến một hai giờ khuya. Từ đây về nhà có nhiều quãng đường vắng quá. Giá có anh đến chơi rồi cùng về thì em đỡ sợ. Anh cũng về ngã Nam-giao chứ gì ?

Đã hai tháng nay, đối với Yển, tôi không còn là một người khách hàng nữa. Chúng tôi đã thân nhau. Thoạt tiên tôi chú ý đến Yển vì những nét mâu - thuẫn rất ngộ ở người nàng. Yển vừa niềm - nở lại vừa dửng-dưng, lạnh-lùng, vừa nhanh-nhẹn,

lạnh-lợi lại vừa có vẻ ngượng-ngập lúng túng trong lối thủ tiếp khách hàng. Khác hẳn mấy cô chiêu-dãi-viên tôi thường gặp, Yến không lạnh-chanh, sỗ-sàng mà lại có cái dễ-dặt thân-trọng của hạng gái biết giữ mình. Ăn mặc giản-dị, không hề trau dồi son phấn, Yến có một vẻ đẹp bình-dị, mới trông rất tầm thường nhưng càng nhìn lâu càng thấy mặn-mà, quyến rũ. Thực ra mối thân-tình của tôi đối với Yến không phải đã bắt nguồn từ những điểm này. Nó được bắt nguồn từ một hình-ảnh thuộc về dĩ-vãng. Hình-ảnh Ả-Xíu.

Tôi còn nhớ có một chiều hè, trời nóng bức, oi-ả. Tôi ngồi uống nước cam ở một cái bàn con gần quầy hàng. Trong tiếng ve sầu ngân vang rộn-rã từ những vòm hoa phượng đỏ thoen như máu trước cửa tiệm, tôi thoáng nghe một tiếng thở dài và cái giọng rầu rầu của Yến :

— Cứ nghe tiếng ve kêu em lại nhớ nhà quá, chị Hồng ạ.

Tôi đang ngồi buồn, nghe thế cũng muốn gợi chuyện cho vui. Tôi liền hỏi :

— Thế cô không có gia - đình ở đây sao ?

Yến lắc đầu, mỉm cười ảo-não :

— Thưa không. Em ở Quảng, ra đây vừa đúng một năm. Em ở với bà cô. Nhớ nhà quá.

Rồi buồn rầu, uể-òải, Yến nói tiếp :

— Em định giúp việc đây một thời-gian nữa thôi.

— Sao thế ?

Yến cười, ngần ngừ một lúc :

— Em muốn về quê...

Và hạ thấp giọng hơn, Yến tiếp :

— ...làm nông.

Ngờ là nói đùa, tôi nhướn miệng cười, nhìn vào người và hai bàn tay nhỏ-nhăn của Yến :

— Tương ấy mà làm nông.

— Em nói thật đấy.

Tôi lại lắc đầu tỏ vẻ hoài-nghi :

— Kể ra làm chiêu-dãi-viên cũng nhàn mà vui đấy chứ. Với lại chừng như cô đã quen với nghề này lắm rồi. Ở thành-thị chẳng thích hơn sao ?

Yến chau mày, mỉm cười gượng gạo rồi nói dần từng tiếng :

— Vui và nhàn... Thành-thị... Thích... Thật là thích...

— Thế sao lâu nay chưa về ?

Yến ngàng mặt lên, nhìn thẳng vào tôi với cái vẻ ảm-ức. Đôi môi nàng khế máy động như muốn nói gì. Nhưng chỉ trong giây phút, Yến lại quay đi, rồi theo thói quen, đứng tựa ngực vào quầy hàng, ngược mắt buồn rầu nhìn ra phía cửa với đôi môi mím chặt những sợi tóc rối lạc vào khóe miệng, trong cái dáng buồn lặng thẫn thờ.

Tôi nhìn Yến. Tự-nhiên tôi nghe nao-nao trong lòng vì ngay lúc ấy tôi bắt gặp ở Yến những nét và dáng dấp làm sống lại trong tôi một hình-ảnh rất quen thuộc. Và càng ngắm Yến trong cái điệu-bộ ấy, tâm-tư tôi càng lắng chìm trở vào một quãng đời dĩ-vãng tuy rất gần mà

tôi cứ cảm thấy xa xăm lạ lẫm vì sự biến chuyển đột ngột của thời cuộc. Tôi nhớ đến Á-Xúu.

Từ ấy Yến càng được tôi đề ý nhiều hơn. Mỗi khi đến tiệm giải-khát, tôi lại bắt chuyện với nàng. Qua những câu chuyện lúc rảnh rỗi, Yến dần-dà cho tôi biết rõ về quá-khứ và đời sống hiện tại của nàng. Chính Yến cũng đã từng nếm trải một quãng đời đầy gian-khổ, trong Liên-khu V, thời chiến. Vì điểm này và cái tình đồng xứ, chúng tôi càng dễ thông-cảm nhau hơn qua những kỷ-niệm vui buồn thường nhắc lại cho nhau nghe.

Cha Yến thuộc hạng trung-nông ở vùng giáp ranh. Sau nhiều trận đốt phá của địch, cả gia-đình phải tản-cư lên miền trung-châu, rồi lên miền núi. Thoạt tiên Yến còn được đi học. Nàng học tới lớp năm tức là đệ-ngũ bây giờ. Nhưng vì lên ở chốn nguồn cao nước độc, bệnh tật liên-miễn, làm ăn lại chẳng gặp thời, cha mẹ Yến ngày càng lâm vào cảnh khó khăn. Yến phải bỏ học về nhà, vừa đi buôn gánh, vừa phụ giúp công việc nông tang. Cũng may là cả gia-đình nàng tuy sống lầy-lắt trong cảnh thiếu-thốn, chật-vật đủ bề vẫn chịu đựng được cho đến ngày Hiệp-định đình-chiến ra đời. Nhưng trở về làng cũ chưa được bao lâu, cha Yến lại chết. Giữa cái tình-hình còn chộn rộn lúc ấy, mẹ con nàng phải kéo nhau ra Huế sống nhờ bà cô.

Một hôm, nhắc lại chuyện cũ, Yến than-thở với tôi :

— Trước kia em có nghĩ ra đây đề rồi làm cái nghề này đâu. Lúc mới ra, cô em giúp cho một cái vốn nhỏ, mua

bán lật-vật, Đồng lời tìm được tuy ít nhưng khéo tần tiện, hai mẹ con cũng khấm ăn. Cũng tưởng làm ăn tạm thời như thế để chờ tình-hình nó yên hơn mà về...

Ngừng lại với cái vẻ nuối tiếc, Yến ngửa mặt, đưa tay vén mấy sợi tóc trên má, chép miệng :

— Nhưng rồi... Nhà cô em bỗng dưng bị cháy. Nhà cháy vào lúc nửa đêm, bất ngờ quá. Bao nhiêu vốn liếng của em cũng cháy sạch. Sau trận hòa tại này, em nghĩ cô em không lấy gì làm dư-giả lắm, mình phiền lụy mãi ngó cũng khó coi. Em út chúng khinh. Nhân người bà con của cô ấy mở tiệm giải khát, em xin vào giúp việc ngay. Lúc đầu còn bỡ-ngỡ, nhưng cố-gắng học theo người ta nó cũng quen lặn. Làm thế này ăn cơm của chủ mỗi tháng chỉ còn nhận thêm độ năm sáu trăm nữa. Tuy thế cũng có mà góp lặn vốn lại cho cô và gởi về cho mẹ em ở nhà. Mẹ em về quê từ dạo nhà cô em bị cháy. Cũng còn sợ... nhưng vẫn phải về. Còn một cái vườn, cái nhà với ít đất ruộng chả nhẽ mà bỏ. Em cũng thích về quê thôi. Mẹ em bàn phải ở nán lại đã. Hàng tháng em chỉ gởi được cho mẹ có mấy trăm, nhưng mẹ em cũng mừng lắm. Đồng tiền ở nhà quê... khác với ở đây. Anh tính gánh một gánh khoai nặng ọ cả lưng mà chỉ bán được có mấy đồng bạc.

Yến nói xong lại thở dài, ngẫm nghĩ :

— Trước kia em cứ nghĩ đình-chiến rồi là mình hết lo sợ. Làng xóm sẽ yên vui như cũ. Ai chả nghĩ thế, phải không anh. Làng em mà yên ổn thì vui lắm.

Sắc mặt càng ử-ê thêm. Yến lắc đầu :

— Nhưng rồi cha em như thế đó...

Hai mẹ con em mỗi người một nơi. Với lại niềng gì gia-đình em đâu.

Đã hơn một lần, Yến tỏ bày với tôi những thắc-mắc của nàng về cái chết của cha nàng. Trong thời khói lửa từng trải gian-khổ rất nhiều, xoang nhiều trận bom đạn đến kinh-khủng, bệnh-tật liên-miên, cha Yến vẫn sống được. Ấy thế mà ngay trong cảnh hoà-bình vừa được tái-lập thì lại phải bỏ mạng. Vừa về quê cũ chưa đầy hai tháng, một đêm có những người lạ mặt đột nhập vào nhà, bắt đem đi. Sáng hôm sau, người ta thấy xác cha nàng, bị đâm năm sáu nhát dao vào ngực, vào bụng, nằm giữa bãi cát ở cuối thôn. Yến cũng như mẹ nàng chẳng hiểu đầu đuôi ra sao cả và cũng chẳng biết được những ai đã giết cha nàng.

— Nhiều người bị như thế lắm, anh ạ. Đạo ấy còn lắm chuyện đáng ghê sợ hơn nữa kia, nhất là đối với đàn-bà con gái. Nói tiếng là *hết giặc, hết giã* chứ có yên-ổn chút nào đâu. Mẹ con em phải chạy hoảng ra đây là vì thế. Thấm thoát mà đã được một năm rồi, mau quá.

Với sự gần gũi hàng ngày và qua những câu chuyện tâm-tình như vậy, tôi không còn ngờ được về cái ý muốn trở về quê của Yến nữa. Chính trong cô chiêu-dãi-viên xinh-xắn, nhí-nhảnh, thạo nghề, ngày ngày diều lượn qua các bàn ăn và giải khát nhẹ-nhàng như một cánh bướm này, tôi thường bắt chộp được bóng dáng một thôn-nữ hiền dịu, thực-thà, nặng tình quê-hương, đằm-ruộng, ẩn nấp bên trong và đang quay quắt, bỡ-ngỡ giữa một cuộc sống ố-ạt, rộn

ràng. Và cũng từ đây, tôi không những chỉ gặp lại À-Xiu ở cái dáng điệu trầm lặng và cái vẻ nghiêm buồn, thờ-thẫn của Yến những lúc nàng đứng yên bên quầy hàng mà thôi. Cứ kể về hình-thức bên ngoài, Yến không giống À-Xiu nhiều lắm. Yến, mười tám, lớn hơn À-Xiu những hai tuổi, người nàng cao hơn, vóc người mảnh-khảnh, mái tóc kẹp dài hơn và quần trông như tóc uốn. Gương mặt Yến tuy cũng tròn, cũng trắng, nhưng đôi má không bầu lắm. Cặp mắt cũng thật đen và buồn, nhưng không có cái vẻ ngo-ngác của cặp mắt À-Xiu. Về tính tình cả hai cùng chân thực, nhưng Yến tỏ ra có vẻ thực-tế, già dặn, khôn ngoan hơn, cái già dặn, khôn ngoan của hạng trẻ tuổi sớm nếm trải gian khổ. Tuy vậy, chính cái dáng dấp chập-chờn thoáng hiện của À-Xiu trong vẻ người Yến bên cạnh quầy hàng và bóng cô thôn nữ đằm-dà làm cho tôi gần gũi với một À-Xiu bên trong, một À-Xiu ủ-rủ, trầm tư, âm thầm với những cảm nghĩ, băn khoăn, thắc-mắc trước cuộc sống, một À-Xiu hốt hải ngo-ngác giữa cái thực-tại nào-nùng thuở nào với một niềm khát-vọng mà giấc mơ « *Hoà-Bình Tự-do* » tan rã còn gieo vào lòng.

Không biết bao nhiêu lần rồi Yến đã nói với tôi :

— Hồi còn tản-cư, đời sống khổ thật, phải không anh. Về đây sướng hơn nhiều. Nhưng lạ một cái là lắm lúc em cứ thấy... làm sao ấy. Em lại nhớ cái thời đó. Tuy khổ mà vui hơn bây giờ. Kể cũng khó hiểu ..

Mỗi lúc nói đến chuyện ấy, Yến lại lấy tay vỗ nhẹ vào trán, nhíu bả-mày lại một lúc rồi lắc đầu :

— Khó nói ra quá.

Tuy Yến không diễn đạt được cảm thức của nàng cho đúng như ý muốn, tôi vẫn hiểu được. Qua Yến, tôi cảm nhận lại cái choáng-váng, bỡ-ngỡ, buồn nản hay cái sầu xức rất phổ-biến ở những con người đang lẫn lộn trong hoàn-cảnh chiến-tranh, quen chịu đựng gian-khổ với mỗi tình khăng-khít giữa người với người trước những đau thương hiềm-họa lớn-lao chung, vụt nhiên được ném vào giữa một cuộc sống phù-phiếm, xa hoa, mà những thói kiêu sa, ích-kỷ, khinh-bạc làm cho con người cách biệt hẳn với con người.

Yến còn làm cho tôi cảm động hơn vì một chuyện nhỏ - nhất xảy ra. Một hôm, trong lúc chạy vội vào phía sau quầy hàng thay đĩa hát, Yến vô ý để tà áo vướng mắc vào cái tay nắm ở cửa tủ ướp lạnh. Nàng hoảng - hốt quay lại, gỡ chỗ vướng ra, ngăm - nghĩa cần - thận và suýt-soa như người vừa bị thương tích. Hồng và Cầm, hai cô bạn đồng nghiệp, nhìn Yến cười lớn :

— Gì mà phải cuống quýt lên thế ? Có rách cũng chưa chết mà.

Yến đỏ mặt, bẽn-lẽn, đưa mắt nhìn khắp chung quanh. Vì gặp lúc trong tiệm chỉ có vài ba người khách ngồi uống cà-phê ở chiếc bàn đằng xa, gần phía cửa ra vào, Yến nói nho-nhỏ với tôi :

— May quá.

— Yến lo cho chiếc áo đến thế sao ?

Bỏ đĩa hát, vặn cao thêm hơn, và nhân lúc Hồng đi chặt đá, Cầm bung cà-phê cho khách, Yến tiến lại phía đầu quầy hàng, gần chỗ tôi ngồi, vừa tháo thuốc bỏ vào lon, vừa kể lể với tôi :

— Với anh, em chả dẫu gì. Làm cái nghề này phải ăn mặc cho đàng-hoàng chủ người ta mới vừa lòng. Nhưng lấy đâu ra tiền để may sắm cho nhiều. Em không bì được với mấy đứa kia. Chúng có bao nhiêu, xài bấy nhiêu, nhiều lúc còn mượn

tiền trước của chủ để tranh đua may mặc, chụp ảnh, ăn quà. Nhưng em khác... Cái thì phải trả dần cho cô em, cái thì gọi về cho mẹ, không thể bắt chước chúng được. Với lại em có thích đâu. Bất - đắc - dĩ phải sắm cho có, có rồi lại phải căng dưỡng như trứng

mòng. Mặc đồ đẹp mà cứ phải lo ngay - ngáy mãi, sợng ích gì đâu. Ở thôn quê đâu phải cái khổ đó, hà anh. Buồn cười quá.

Tôi nhìn vào chiếc áo Yến. Một chiếc áo may với thứ hàng rẻ tiền thôi. So với Cầm và Hồng, Yến còn thua xa về mặt phục - sức. Yến thấy thế mỉm cười, thờ dãi :

— Lâu nay, em cứ đòi về mãi. Nhưng lần nào mẹ em cũng nhắc ra là chưa nên,



chưa nên. Em cứ sợ làm cái nghề này lâu ngày, nhổng-nhảnh quen, sau này về quê...

Giọng nói của Yến thành-thực quá khiến tôi cảm-dộng và phải nghĩ-ngợi nhiều. Lần lúc tôi đã phải băn-khoăn tự hỏi là cô thôn-nữ thất-thế trong Yến đã bám víu vào cái gì để cưỡng lại được sức hấp-dẫn, lôi cuốn mãnh-liệt của guồng sống thị-thành, nhất là của nghề-nghiệp? Và lần này, tôi nhìn vào chiếc hoa màu bạc đính lấp-lánh bên ngực Yến, thân-mật bảo đùa :

— Thì việc gì cứ phải nghĩ đến chuyện về quê mãi. Ở luôn đây rồi kiếm quách một ông chồng thành-thị chả hơn sao?

Tôi thật không ngờ câu nói đùa ấy lại gây ra một phản-ứng hơi lạ ở Yến. Vừa nghe xong, Yến đã nhíu mày, lắc đầu, tỏ vẻ khó chịu rồi đáp lại một cách cương quyết :

— Không.

— Sao lại không?

— Trâu đồng nào, ăn cỏ đồng nấy.

— Quan-niệm ấy xưa lắm rồi. Với lại chưa chắc đã thành thật.

— Tùy anh nghĩ. Em thì nhất-định như vậy đó.

— Tại sao mới được chứ?

Yến lại lắc đầu, úp mặt xuống trên cánh tay đặt ở quầy hàng, mỉm cười, nói nhỏ với cái giọng nũng-nịu thân-mật :

— Không biết. Đứng hồi nữa. Cắm anh hồi. Với lại em có muốn lấy chồng đâu mà thành-thị với thôn quê.

— Thật tôi chưa hề nghe một cô thiếu-nữ nào tuyên-bố là mình thích lấy chồng cả. Nhưng rồi..

Yến cười với đôi môi mím chặt rồi bỏ chạy ra phía ngoài. Tuy cuộc đối-thoại chỉ có tính-cách bông đùa, nhưng qua cái phản-ứng đầu tay của Yến, cái vẻ cương-quyết trong giọng nói và những nét buồn gợn lên ở đuôi mắt, khoé miệng, tôi không thể cho những câu nói của Yến vừa rồi là những câu nói bâng quơ, vô-nghĩa. Tôi cảm thấy như tôi vừa va chạm một ẩn-khuất nào đó trong cõi tâm tình của Yến.

Và chính trong đêm Noel này, một sự tình-cờ đã giúp tôi tin là tôi cảm-đoán không sai.

Tôi đến tiệm Thanh-Hương trước giờ nhà thờ cử-hành thánh-lễ nửa đêm. Và quả thật như lời Yến nói, quang-cảnh ở đây vui quá, đầm-ấm quá. Tuy còn sớm, khách hàng—những hạng có thói quen đi chơi đêm NOEL như tôi—còn thưa thớt, nhưng cửa tiệm cũng đã vui lắm rồi với tiếng nhạc Tây-Phương rộn ràng, ầm-ĩ, với những dây lồng đèn và màu hoa sắc lá, với cây NOEL rực-rỡ ánh trang-kim và những ngọn điện màu đính chi-chít trên những cành thông xanh dờn, làm tôn-trưởng thêm vẻ lộng-lẫy của một nơi vốn đã được màu hoa-lệ ngay trong lúc thường.

Yến vừa thấy tôi đã vội chạy ra, bảo nhỏ :

— Anh vào thẳng phòng trong ầm hơn. Ngoài này lát nữa đông lắm.

Tôi ngạc-nhiên khi nhìn vào mặt Yến. Sắc mặt nàng xanh nhợt, nhàu úa một cách khác thường :

— O' hay, Yển sao thế? Bị ốm hay có chuyện gì buồn không?

Yển như giật mình, lắc đầu:

— Không, em chẳng sao cả. Lạnh quá, nó thế đấy.

Vào đến phòng trong, Yển bảo tôi:

— Anh dùng gì bây giờ? Cà-phê rum cho ấm nhé. Hay là trà? Biết anh thường thích uống trà nên em đã soạn riêng một bộ ấm chén rồi đấy. Anh uống, em chế? Nhưng cho em làm xong công việc này đã. Một lát thôi.

Tôi cởi chiếc áo mưa và nhân vui miệng khẽ ngâm một câu thơ cổ:

— *Bán dạ tam bôi tửu, bình-minh nhất
trầu trà...*

Chừng như nghe không rõ, Yển vội hỏi:

— Anh bảo sao?

— Các cụ xưa dạy rằng trà uống vào buổi sớm, còn vào lúc nửa đêm, nửa hôm như thế này thì phải đánh chén tí-tì..

Yển ngơ tôi chính khéo, vội bảo:

— Thôi thế em lấy rượu nhé. Thứ gì bây giờ? Mát-ten? Rum? hay Huých-ky? Em cứ nghĩ là lát nữa đi nhà thờ về ăn khuya, anh mới cần đến rượu.

Tôi ngồi xuống, cười và lắc đầu:

— Nói đùa cho vui thôi. Cô cứ chế trà đi. Trời rét quá. Với lại tôi có phải là người công-giáo đâu mà đi nhà thờ.

— Thế anh theo Phật-giáo à?

— Không. Không là gì cả.

Yển đứng nhìn tôi với cái nhìn hơi khác. Một cái nhìn khiến tôi phải chú ý và bật cười, nhưng lúc ấy tôi không quan-tâm đến cái ý-nghĩa của nó. Thấy tôi cười, Yển quay phắt đi, cười theo rồi chạy lại phía góc phòng giúp hai đứa nhỏ sắp xếp ly cốc đang bỏ dở.

Tôi ngồi xuống một cái bàn nhỏ, dựa lưng vào bức tường màu lục. Vô-tình mắt tôi dừng lại trước một cái ví da nhỏ nằm cạnh chiếc khăn tay và một phong thư trên mặt chiếc bàn tròn phủ nhung

đỏ cạnh đấy. Tôi cười hỏi Yển:

— Của Yển đây phải không?

Yển đang bận tay, quay lại:

— À của em đấy. Thư của mẹ em đấy. Em vừa tiếp được lúc chiều.

— Xem được không? Nhưng nói đùa thế thôi. Tôi không xem đâu.

— Đùa gì. Anh xem cũng được chứ sao. Xem cho biết là em không nói dối.

Trong lúc ngồi chờ trà, tôi vui tay giở ra xem:

T. T... ngày... tháng...

Con,

« Mẹ vừa nhận được thư con với mấy
« trăm bạc. Mẹ mừng và nghĩ càng
« thương con quá. Nhờ có tiền con gởi
« về lâu nay, mẹ đã lợp lại nhà,
« nuôi thêm được hai con heo. Mẹ lại có
« mua được một số lúa để dành ăn cho
« đến ngày giáp hạt vì trong ta, luôn
« hai mùa, lúa thua quá. Tình-hình lúc
« này cũng thơi hơn trước đôi chút,

« nhưng mẹ nghĩ con cũng chưa nên về.
 « Mẹ nói như rứa mong con đủ hiểu.
 « Khi nào thiết nên về, mẹ tin con biết,
 « chớ mẹ cũng mong con về, mẹ con hũ
 « hũ với nhau vui hơn. Ở ngoài ấy con
 « có cần tiêu thì cứ để tiền lại mà tiêu,
 « lâu lâu hãy gởi về chút ít cũng được.
 « Một thân, một mình, mẹ chẳng tiêu pha
 « gì cho lắm đâu.

« Con có dặn mẹ hỏi thăm tin tức
 « thằng Cự và cha nó. Lâu nay mẹ cũng
 « cố dọ hỏi vì nghĩ hồi tân-cư gia-đình
 « mình với gia-đình bác ấy từng đùm
 « bọc, nương tựa nhau khá lâu, mẹ cũng
 « nhớ và muốn biết hiện chừ ở đâu mà
 « chưa thấy hồi-cư. Vừa rồi may có
 « bác Tám đi vào miền trong về, có cho
 « biết là hai cha con bác ấy hiện đang
 « ở Bình - Định. Mà nghèo khổ lắm.
 « Thằng Cự lại đau nặng. Nó đã bót
 « nhưng còn yếu lắm. Nó có gởi thơ
 « thăm mẹ, thăm con và ..

Tôi vừa đọc đến đây, bỗng Yến như
 sực nhớ ra điều gì, khẽ kêu lên một
 tiếng, đứng vội dậy, chạy lại phía tôi với
 cái dáng hốt-hoảng, giật lấy bức thư :

— Thôi, cho em xin lại. Anh đừng xem
 nữa...

— O' hay, lúc nào bảo xem, lúc nào
 thì giật lại. Tôi xem hết cả rồi còn gì.

Yến sững-sốt nhìn tôi tỏ vẻ chưa tin.

— Thì cứ đưa em.

Tôi nói với cái giọng ồm-ờ để dọ ý :

— Ai nói dối. Với lại việc gì Yến
 phải giấu-giếm tôi. Trâu đồng nào, ăn cỏ
 đồng nấy là sự thường.

Đôi má Yến vụt nhiên ửng đỏ, nàng
 cười :

— Anh này...

Rồi cố lấy vẻ tự-nhiên, Yến nhét thư vào
 túi áo, quay trở lại phía góc phòng. Nhưng
 cái dáng tự-nhiên giả-tạo ấy không giấu
 nổi tôi những nét ử dột, rã rời đang xâm
 chiếm cả gương mặt xanh xao dưới ánh
 đèn nê-ông sau khi cái màu ửng hồng
 của đôi má vừa lảng dịu, phai nhòa.

Tôi vụt hiểu tất cả. Đốt thuốc hút,
 tôi ngồi yên đưa mắt ái-ngại nhìn Yến,
 trong lúc trí tưởng tôi vẽ ra trước tôi
 cả một cuộc tình duyên thơ mộng... nhưng
 là một cuộc tình duyên dang dở của một
 đôi bạn trẻ ngay giữa thời khói lửa. Và
 lòng tôi nghe cảm lay cái khát-vọng lâu
 nay của Yến, cái khát-vọng một quê-
 hương yên tĩnh, an vui với những mộng
 vàng của hai quả tim son cùng dệt...

Một tiếng động làm tôi sực tỉnh.

Yến cho chiếc bình độc-ấm trà vừa chế
 với cái chén trạch nhỏ trắng muốt vào bát
 pha-lê có chứa nước sôi rồi bưng lại
 đặt trên mặt bàn lát kính ngay trước
 mặt tôi :

— Cứ để yên đây em. Bình này rót
 không quen nó sẽ tràn cả ra cho mà xem.
 Rồi nhìn tôi với cặp mắt đầy vẻ dò la :

— Anh nghĩ gì vậy ?

Tôi cười :

— Chính tôi mới cần hỏi Yến câu
 ấy ?

Yến nguyệt dài tôi rồi thu tay vào áo,
 rùng mình :

Sau các tập thơ

Tại Mahal và Từ-Thức

Nhạc đề

một thi-phẩm 230 trang
với 42 đề-tài mới mẻ
của **ĐOÀN-THÊM**

Nhạc đề

do **NAM-CHI** từng-thư xuất bản,
KIM-LAI ân-quản in và trình bày
trên giấy màu rất đẹp.

Nhạc đề

Loại thường, giấy blanc fin 72

Giá 65

Loại đặc-biệt, giấy Navare

Giá 130\$

SẼ BÁN TẠI SAIGON:

nhà Sách Xuân-Thu đường Tự-Do
nhà Sách Văn-Nghệ đường Phạm-
Ngũ-Lão số 51

CÁC TỈNH:

Các tiệm sách lớn.

— Lạnh quá. Lạnh ghê gớm. Chúa
giáng-sinh làm gì vào lúc nửa đêm lạnh-
lẽo thế này cho nó khổ thân. À, anh...
Em hỏi cái này ?

Biết là Yển cố đánh tống lảng, tôi vẫn
lóng tai nghe :

— Em có một con bạn gái, người
công-giáo, thân lắm. Nó vừa chết cách
đây nửa tháng. Tôi nghiệp quá. Em nhớ
nó quá, nhất là đêm nay. Vì nó thương
em ghê lắm, anh nhé. Hiểu rõ tình cảnh
em, nó thường khuyên em phải tin Chúa
như nó. Có thật có một chúa Giê-su không
anh? Mà chúa giáng-sinh làm chi rứa ?

Qua khung tròn giữa bức tường ngăn,
tôi nhìn phía cây NOEL ở phòng ngoài :

— Có chứ. Đức Giê-su cũng như
đức Phật. Các ngài xuống đời để gây lại
tình Yêu thương cho nhân-loại. Các ngài
dạy tình Yêu thương.

Cúi xuống chuyên trà cho tôi, Yển hỏi
với cái giọng rầu rầu mà khẩn-thiết :

— Yêu thương... Nhưng có thực một
chúa biết thương yêu, nghe ngóng và nhận
lời cầu-nguyện của những kẻ đau khổ
dưới trần-gian này không anh ? Con bạn
em nó thường nói như thế, có thật
không anh ?

Tôi mỉm cười thương hại. Và tôi định
đáp lại bằng cái lắc đầu phủ-nhận. Chuyện
đó thật là giản-dị. Nhưng khi mắt tôi vừa
bất gặp mắt Yển, tự-nhiên tôi dậm ra ngại-
ngùng lưỡng-cuống. Tôi nhớ lại và hiểu ý
nghĩa của cái nhìn lúc này. Ngay trong
ánh mắt của Yển lúc này có một cái gì lạ
lạ. Một cái gì nhắc-nhở ở tôi sự thận-trọng
trước cái trách-nhiệm tối thiểu của con

người đối với con người. Tôi thấy cái lác đầu phủ-nhận của tôi cũng tàn-ác như cái cử-chỉ đẩy lùi một khúc gỗ cho xa hẳn tầm với một kẻ trôi sông đã đuối sức. Chính tôi đang ở trong một trường-hợp mà có ngạo mạn và cái quyền hoài - nghi của con người về mọi huyền - nhiệm cần phải biết chùn bước để nhường bộ cái năng lực cứu - rỗi của tín-ngưỡng. Tôi đâm ra lúng - túng và đang lay-hoay với câu trả lời chưa tìm ra được, thì từ phía phòng ngoài, bên cạnh quầy hàng, ngay trước cái khung tròn giữa bức tường ngăn, có tiếng của Hồng nói với Cẩm vọng vào, qua tiếng âm nhạc :

— Con Sinh thế mà nó lấy chồng rồi mày ạ. Đám cưới cũng đang-hoàng lắm. Cưới hôm chúa-nhật. Cái con trông chẳng ra gì mà lại lấy được thằng chồng khá đến.

— Thằng Tân may ở tiệm Phúc - An đấy chứ gì. Hai đứa nó yêu nhau từ lâu rồi, tao biết.

— Sớm nay hai anh chị đưa nhau về làng. Nó ở Thuận-An. Tao gặp ở bến xe Chợ. Con ấy diện keng lắm mày nhé.

Yến lắng nghe. Sắc mặt bỗng sa sầm lại. Và nghe xong, Yến ngồi xuống ghé đưa mắt đắm đắm nhìn vào giỏ hoa ny-lông trong cái khung tròn ở giữa tường. Khuôn mặt nhìn nghiêng của Yến lúc này nổi bật trên bức màn ren treo cửa màu trắng có thắt một giải nơ đỏ lơ-lửng ở giữa, làm tôi vụt nhớ lại hình-ảnh A-Xiu thuở nào ngồi tựa cằm vào hệ cửa sổ nhìn ra con đường huyện-lộ. Với cái

thần-sắc của Yến, tôi biết có những gì đang sống lại trong nàng. Người thiếu-nữ ngồi bên tôi không còn là cô chiêu-dãi-viên của tiệm Thanh-Hương nữa, nhưng là một cô thôn-nữ với những ấn-tượng ghê-rợn, bi-đát của một thời loạn lạc và những thảm-họa gia-đình, còn ghi sâu trong tâm-não. Tuy Yến nhìn vào giỏ hoa, nhưng trước mắt nàng lúc này tôi biết không còn phải là giỏ hoa đẹp đẽ nữa. Theo hướng nhìn của Yến, tôi thấy những đồ đạc-trưng bày trong tiệm Thanh-hương, quầy hàng, kê rượu, cây nô-en, đèn lồng, hoa lá và cả cái ánh sáng rực-rỡ ấm cúng cũng nhòa hẳn đi. Trước mắt tôi, sống lại, và lần lượt điều lượn cả một loạt hình-ảnh khác lạ hẳn. Hình-ảnh một bà mẹ già lòm-khòm cô-độc dưới mái tranh vắng-vẽ quanh-hiu, hình-ảnh một ông cha nằm gục trên vung máu, giữa bãi cát vắng dưới ánh sao khuya, hình - ảnh một người yếu bệnh-hoạn thoát ăn, thoát hiện, lúc có, lúc không, xen lẫn với hình-ảnh của bốn người lạ mặt bị lính áp - giải trên con đường huyện - lộ, hình - ảnh một đoàn chính-trị phạm nhọc - nhằn lê bước dưới ánh đuốc và trước họng súng hăm-hăm nhả đạn, hình-ảnh của Minh bị trói tay, lùi thối tiến vào một địa-điểm, bí-mật, âm-u... và cuối cùng là hình-ảnh một quẻ hương ngập đầy ánh trắng, tiếng hát nhưng rất xa-xăm, mơ-hồ, gần như mộng mị...

Tôi rùng mình. Không thể ngồi yên để nhìn Yến trong cái trạng-thái ngất lạng pha-lê, cắt tiếng gọi. Nhưng không hiểu sao, giữa lúc gọi ngay tên nàng, tôi lại buột miệng kêu lên : A-Xiu.

Tiếng kêu như bay nhanh đi. Lóng nghe cái dư-âm của hai tiếng Á-Xiu tôi ngỡ chừng tôi vừa thốt ra một tiếng gọi hồn. Giữa tiếng âm-nhạc Tây-phương rộn-ràng âm-ĩ, và cái giá lạnh của đêm đông, tôi nghe tiếng gọi ấy lẻ-loi, đơn độc và yếu ớt làm sao. Một mối buồn thương cứ tăng dần trong lòng tôi theo với cái lắng chìm mỗi lúc mỗi sâu của tiếng gọi vào cõi vô-thanh. Tôi nhắm mắt lại để chờ cái phút nó lịm đi và tắt hẳn. Nhưng cũng chính ngay lúc ấy, tôi vụt bừng tỉnh, lòng nhẹ hẳn ra. Tiếng gọi của tôi trong một phút bất thần vụt chuyển lên, như được phụ-họa, tiếp sức bởi những tiếng chuông nhà thờ ngân vang lạnh-lãnh trong đêm tối bên ngoài. Và chính trong tiếng chuông cao

reo, như reo như gọi, nhần nhe, loan báo một tin mừng, tôi thấy Yên dần dần choàng tỉnh như một con chim bừng tỉnh dưới sức vuốt ve, sưởi ấm của ánh dương-quang.

Từ đâu phía phòng ngoài có tiếng Cẩm nói lớn :

— Cho thêm ánh sáng ở cây Nô-en.
Yên đứng lên vui vẻ bảo tôi :

— Tiếng chuông nghe vui tai quá, anh nhỉ.

Trong phút bàng-hoàng tôi nghe chừng như là giọng nói của Á-Xiu. Nhưng lần này không phải là một Á-Xiu, ử-rũ, chói-với trong vũ-khúc « Giấc mơ Hòa-bình, Tự-do ».

PHAN-DU

**SOCIÉTÉ FIDUCIAIRE
DU VIETNAM**
55 Đường NGUYỄN-HUYỆ. SAIGON
Agent Exclusif
POUR LE VIETNAM ET LE CAMBODGE



LIEN-XA CONG-TY
95. ĐƯỜNG THỐNG-CHẾ DE LATTRE DE TASSIGNY - SAIGON
DISTRIBUTEUR POUR LE VIETNAM

Continental



HỘP THƯ BÁCH KHOA

Bách-Khoa vừa nhận được:

Nho-sĩ với giai-nhân — Chiều Nha-Trang (Lâm-Tùng-Sinh) La Cum-parsita (Trần-Ai-Phan) Hai Khúc Nhạc (Duy-Đức) Mong manh, Hoang Rợ (Nguyễn Hàn-Sơn) Đêm Sóng Trắng (Trần-Hà-Trung) Con Thuyền Viễn xứ — Buồn chiều (W. S. Khắc - Minh) Mảnh mộng (H.H.) Thăm-Cùng một Đường — Buồn ai (Võ-Y) — Xuân Nguyễn ước — Nhân bạn (Trần-Ai-Nhân) Tình quê hương (Hoàng - Tâm) Huế — Gặp lại các em (Vũ-Trung Túy-Lang) Quyền sách (Huỳnh-Tấn) Bài thơ về chiều (Thạch-Nhân) Tình cát trắng — Tình mẫu tử (Lữ-Quỳnh) Sơn-Nữ (Vũ-Quỳnh-Bang) Tâm-sự (Tô - Dương - Tử) Chiều xứ Huế (Phạm-Năng-Hòa). Những lời suy ngẫm (Trọng-Thư), Cù lao Chàm (Xuân-Tùng), Bình minh (Nguyễn-Văn-Cồn), Chú tôi (Vũ-Trung), Thời gian — Ngày xưa — Cô độc (Kim-Tuấn), Vấn-đề phê-bình văn - học — Mồ xẻ tác - giả (Nguyễn - Văn - Xung), Chim xuống (Nghieu - Nhật), Anh ơi! bây giờ anh ở đâu? (Vũ - Hân), Võ - Hân (Nguyễn - Quang - Lục), Biển chiều (Nguyễn - Khánh), Xông pha (Ng - Đình-Thắng), Buổi trưa (Xuân-Tùng), Em tôi (Cuồng-Phong), Cuộc đời viết báo của tôi (Bửu-Kỷ), Niềm oan (Thanh - Việt - Thanh), Hương về người chết (Châu - Hải-Kỷ), Trong quán (Nguyễn - Phú-Long), Hơi khuya lạnh (Khoan-Thanh), Hồi chuông đêm Giáng-sinh (Ngô - Ngô), Thư tìm hiểu nguyên-thủy sinh-vật (Võ-Quang-Yến)

Xin trân trọng cảm ơn các bạn, tất cả những bài trên đây, nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp

đặc-biệt có thư riêng) thì xin các bạn coi như là không đăng mà thông cảm cho. Đa tạ.

A. Kim - Tuấn: Đã nhận được mấy sáng-tác của anh. Cảm ơn anh nhiều và sẽ gửi « Mai » đến Tuấn vào cuối tháng 6 này.

A. Nguyễn-Văn-Xung: Đã nhận được thư và bài của anh. Cảm ơn anh lắm và mong sẽ gặp anh vào tháng 7 này.

Ô. Nguyễn Văn-Thư: Chúng tôi đã nhận được bài thơ dịch và tập tài-liệu của ông. Xin đa-tạ và sẽ có thư riêng.

SÁCH MỚI

Bách - Khoa vừa nhận được, của giáo-sư Từ-Phát gửi tặng:

- « Việt-luận » (Đề-Thất và Đề-Lục) một tập văn liên mồi mề gồm 120 mẫu văn đủ loại, thể. Sách in lần thứ hai, dày 240 trang giá 40\$.
- « Việt-luận » (Lớp Nhì, Nhất, Tiếp Liên) soạn theo chương-trình hiện hành, in lần thứ ba, giá bán 40\$.
- « Việt-sử » lớp đệ nhất, của ô. b. Tăng-Xuân-An, giáo-sư trung-học đệ - nhất - cấp, soạn theo chương-trình lớp đệ - nhất mồi của Quốc-Gia Giáo-Dục.

Sách nói những biến-cổ lịch-sử xảy ra từ lúc nước ta mất (1884) đến gần đây (1955).

Sách soạn công phu, dựa vào những tài-liệu mới nhất, các tác-giả đã thành-công trong việc trình-bày đoạn sử-liệu này một cách khách quan.

Sách chẳng những cần cho các thí-sinh Tú-tải toàn-phần, mà cũng cần cho những người tự học.

Tao-Đàn xuất-bản. Giấy tốt, 330 trang. Giá 75\$.

Trân trọng cảm ơn các tác-giả và xin ân cần giới thiệu với độc-giả thân mến.

TIN THƠ

Cùng các bạn yêu thơ ở trong và ngoài nước đã hỏi về thơ xưa thơ nay trong năm rồi.

Xin các bạn vui lòng cho chúng tôi biết các bạn giờ có còn giữ ý-định năm rồi chăng và xin cho chúng tôi biết địa-chỉ hiện thời để tiện bề trao đổi ý-kiến...

N. H. N.

Thay mặt cho nhóm người
yêu Văn - nghệ ở Thủ - đô

HỘP THƯ « VƯỜN THƠ »

ÔÔ. Đặng-Trần-Huân K.B.C. 6.001 — Xin anh gửi các thơ của Huy-Thông, J. Leiba, Xuân-Hiến và Muối Sài-Gòn anh nói trong thư. Chúng tôi chưa được đọc các bài thơ ấy. Cảm ơn anh trước.— Phạm-Văn-Thanh, Lê-Văn-Tất, Phạm-Lương. Châu-Độc. — Đã được thư và thơ. Đa tạ.— Nguyễn-Công-Duyệt. Huế. — Xin ông gửi tập X. T. của H. Đ. Các thi-sĩ ông nhắc, cũng là trong chỗ bạn bè với chúng tôi. Đa tạ lòng sốt sắn của ông.— Nguyễn-Vang-Sơn. Bạc-Liêu — Được thư em trẻ nên mời em lại nhà để bàn về « V. T. » — Nguyễn-Trọng-Thủ, Qui-Nhơn. — Được thi phẩm, xin đa tạ.— Vũ-Văn-Đĩnh, k.b.c. 4744. — Chúng tôi không có dạy làm thơ. Em hãy tìm sách của Dương-Quảng-Hàm mà xem (Quốc-văn trích diển, Việt-Nam văn-học-sử) rồi nhờ một bậc đàn anh nào ở gần chỉ vẽ. — Thương, Huế. — Cảm ơn bạn đã góp ý; sẽ gửi tập thơ bạn cần nay mai.

B. Đ. K., N. H. L., N. H. N.

Sẽ xuất-bản

3 quyển cổ văn

do BÌNH-NGUYỄN-LỘC và NGUYỄN-NGU-Í

chú giải, tóm tắt; lược bình :

1.— **Chiêu hồn** (Văn tế thập loại chúng sinh) và **Tiểu thay duyên Tấn phận Tàn** (Thác lời người trai phường Nón...) của Nguyễn-Du.

* Kèm thêm Phụ-lục phong-phú :

— Thác lời người con gái phường Vải :

— Văn tế sống hai cô gái Trường-Lưu ;

và bài của : Trần-Thanh-Mại, Phan-Văn-Hùm, Trọng-Miên, Hoàng-Xuân-Hãn, Y-sĩ Ngô-Quang-Lý.

* Một công-trình nghiên-cứu mà sáng-tạo, các lối làm việc cùng các ý-kiến của Trần-Thanh-Mại, Phan-Văn-Hùm, Trọng-Miên, Hoàng-Xuân-Hãn và đưa một đề-nghị về thoai các áng văn cổ mà bộ Quốc-gia Giáo-dục chẳng thể bỏ qua.

Một Phim COLUMBIA :

Sóng Gió Chiến-Trường

(Ceux de Cordura)

(They Came To Cordura)

Tài tử chánh : Gary Cooper —

Rita Hayworth

Khởi chiếu ngày 16-6-1960

TẠI 4 RẠP :

**Majestic
Olympic
Khải-Hoàn
Palace**

} SAIGON

CHOLON

Hãng Phim Columbia

23 ĐƯỜNG GIA-LONG SAIGON

Đ.T. 24.710

ĐỌC VÀ CỔ-ĐỘNG CHO BÁN NGUYỆT-SAN :

S O N G

Cơ-quan tranh-đấu của Hội Nạn-Nhân Cộng-Sản

Chủ-nhiệm : **Ngô-Trọng-Hiếu**

Chủ bút : **Lưu-Hưng**

Thư-ký tòa soạn : **Duy-Sinh**

Với sự cộng-tác của nhiều nhà văn, thơ, trí-thức, quen biết :
Đàm-Quang-Thiện, Thanh-Hữu, Hồ-Nam, Uyên-Thao, Vị-Y, Thanh-
Thương-Hoàng, Thế-Phong, Thái-Tuấn, Trọng-Lang, Minh-Đăng-Khánh,
Thanh-Nam, Trần-Lê-Nguyễn, Mặc-Thu, Minh-Hải, Cung-Phúc-Chung,
Huỳnh-Văn-Phẩm, Dương-Vy-Long, Nguyễn-Ngu-Í, Văn-Thế-Bảo, Bà
Thu-Vân, Tú Be, Song-Hồ, Trần-Dạ-Từ, Viễn-Linh, Hoàng-Thế-Huân,
Dương-Nghiêm-Mậu, Thái-Thục-Nghĩa, Mai-Sử-Dương, Hoàng-Lung,
Sơn-Điền, Vũ-Lang, Hoàng-Ly...

60 trang lớn : 7 đ.

Spring



Thuốc thơm điển đại :

"MÙA XUÂN"

HƯƠNG-VỊ HUÊ-KỲ

**GIÁ
BÌNH DÂN**

10%

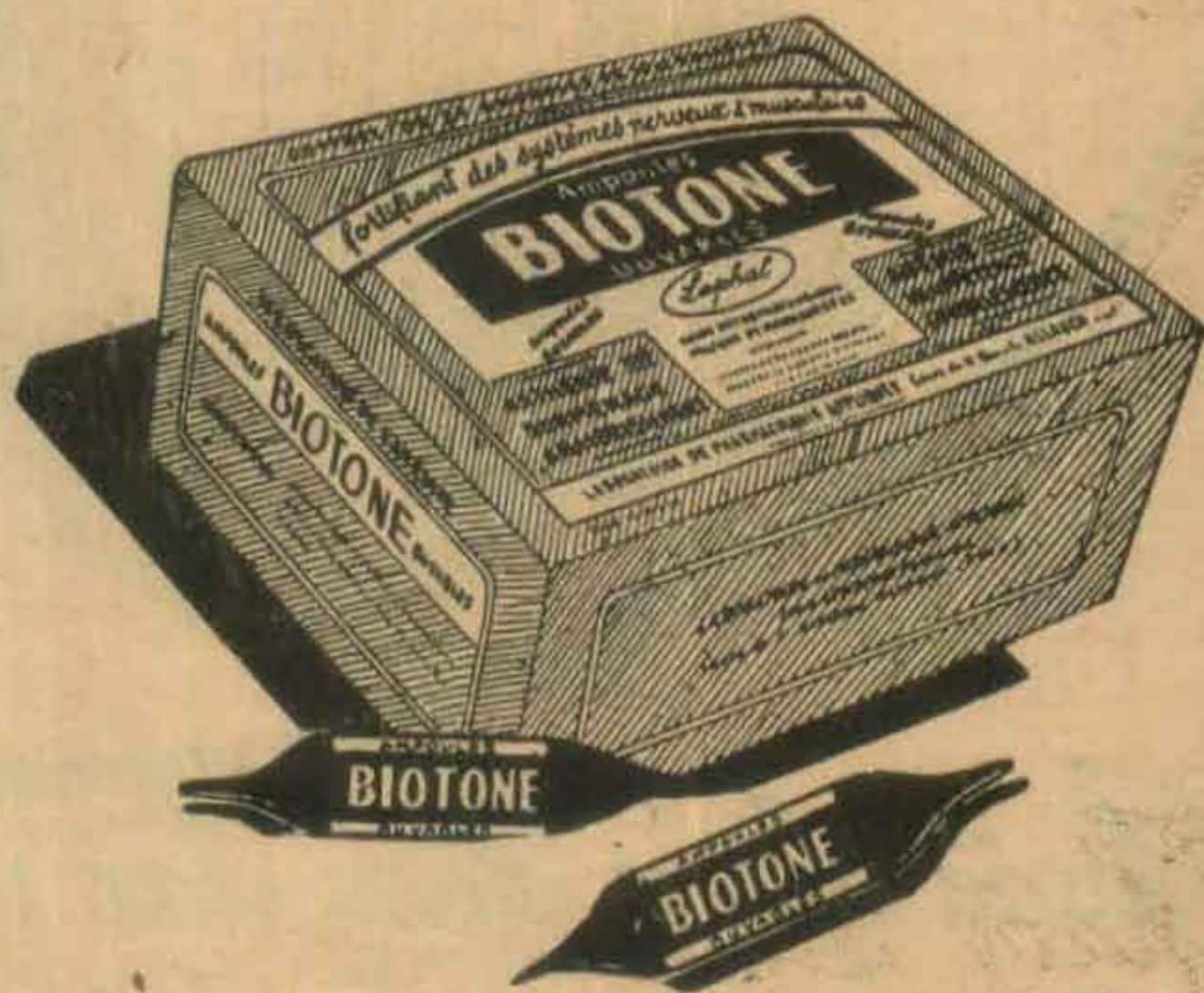
Chận đứng : Mệt mỗi

BIOTONE

ỐNG THUỐC UỐNG

TRỊ :

THIẾU MÁU
MỆT MỎI
YẾU SỨC
BIỂNG ĂN
GAY CÒM
LÀM VIỆC
QUÁ SỨC



TỔNG PHÁT HÀNH : Việt-Nam Dược Phẩm Cuộc
NGUYỄN-CAO-THẮNG, Dược-Sư
34 Đại-lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

CALTEX (ASIA) LIMITED

*Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị*



và đặc biệt nhất là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL

H.D.

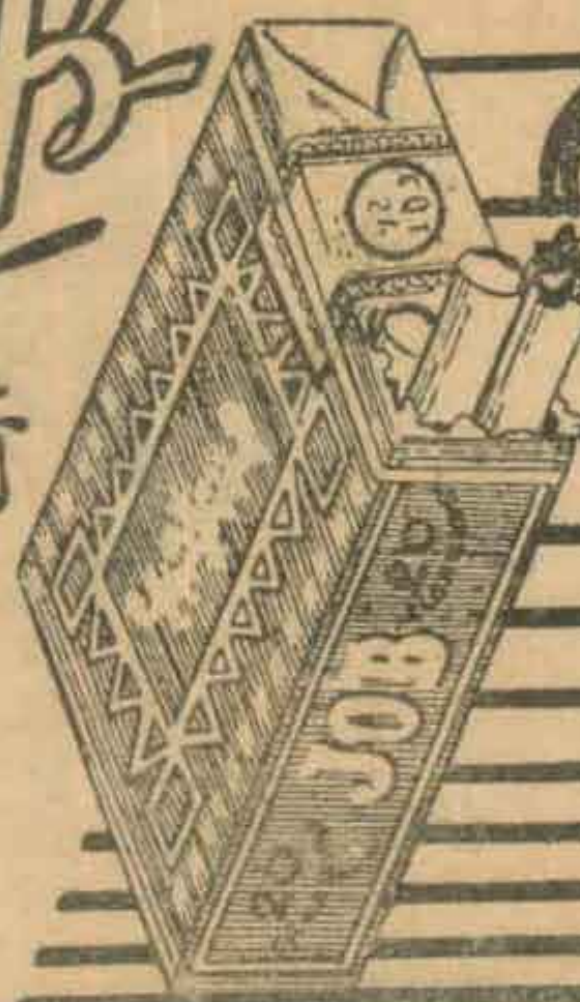
高發烟廠出品

THUỐC LÁ JOB
 MÙI ÈM DỊU
 KHỎI THƠM SẠY
 HƯƠNG - VỊ NGẠT - NGÀO
 KHÁP GẦN XA NƯỚC TIỀNG.

NÊN HÚT THUỐC LÁ

Job

請吸
 金字烟



**Société Indochinoise de Documentation
et de
Représentations Commerciales**

(S. I. D. E. R. C. D.)

Exclusivités :

Whisky BALLANTINE'S »

Cognac « COURVOISIER »

Sardines « LES OCÉANIDES »

Champagne « HEIDSIECK & C°
MONOPOLE »

Vins de Chianti et Vermouth
« MIRAFIORE »

Vin Rose Valpolicella Chiaretto
« MONTRESOR »

Huile d'Olive « ADOLPHE PUGET »

18, Bến Bạch Đằng
SAIGON

Tél : 20.055

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18. BEN BACH DANG — SAIGON

SÙNG CHÍNH VIỆN

xuất bản trong năm 1960

— <i>Lược khảo về thơ 1900—1959</i> nhận định của Uyên-Thao	tháng 4-60 Giá 200\$
— <i>Mây Hà Nội</i> thơ của Nhị-Thư	tháng 6-60 Giá 50\$
— <i>Thiết Tha</i> thơ của Hoàng-Nguyên	tháng 6-60 Giá 100\$
— <i>Cao My Nhân Tập Đầu</i> thơ của Cao My Nhân	tháng 6-60 Giá 50\$
— <i>Ngoài Phố</i> truyện của Thanh Thương Hoàng.	tháng 8-60 Giá 50\$
— <i>Đường Sầu Trần Gian</i> truyện của Cao Đan Hồ	tháng 8-60 Giá 100\$
— <i>Uyên Thao Tập Một</i> truyện của Uyên Thao	tháng 8-60 Giá 50\$
— <i>Thơ Thế Phong</i> thơ của Thế Phong	tháng 10-60 Giá 100\$
— <i>Thơ Hoài Khanh</i> thơ của Hoài Khanh	tháng 10-60 Giá 100\$
— <i>Thơ Nhị Thư</i> thơ của Nhị Thư	tháng 10-60 Giá 100\$
— <i>Lược khảo về thơ 1900—1959</i> phê bình của Uyên Thao	tháng 12-60 Giá 600\$
— <i>Lược khảo về thơ 1900—1959</i> hợp tuyển của Uyên Thao	tháng 12-60 Giá 200\$
— <i>Trung Đô Văn Nghệ</i> tuyển tập thơ, truyện 1960	tháng 12-60 Giá 200\$

thư từ, bài vở và ngân phiếu xin đề tên Ông Trịnh-Đình-Thắng. 267/2
Phạm-Ngũ-Lão Sài-Gòn

THẺ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN



6 tháng 12 số : 90\$00 — 1 năm 24 số : 180\$

Ở ngoại quốc xin gửi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON — Đ. T. 25.539

Nhà in : 412-414, đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA

hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-Văn-Lang

160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

Hút Chuốc Thơm

Mã nhất tâm



Sang Tinh Chấn

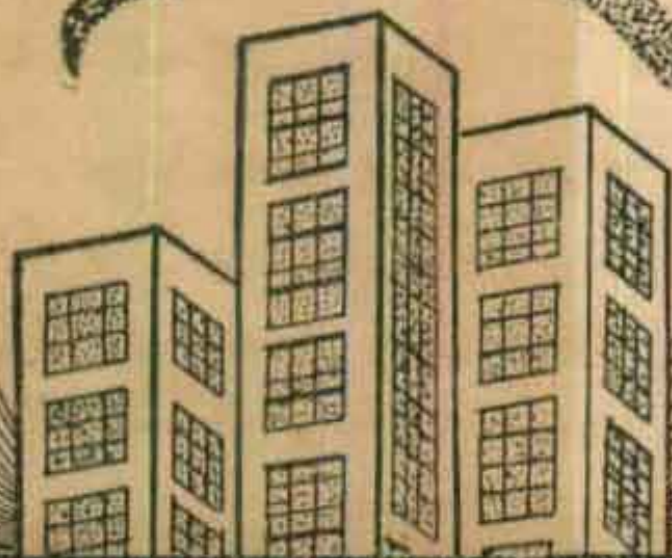
Vân -

- Nghe -

- Li

GIÁ HẠ

15\$



ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА
ВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОАВАСННОА

百科雜誌

Chủ-nhiệm : HUYNH-VĂN-LANG
Quản-nhiệm :

Tòa Soạn :
160, Phan-Đình-Phùng — Sài-gòn
Dây nối : 25.539

In tại nhà in VĂN - HÓA
412-414, Trần-Hung-Đạo — SAIGON

Giá : 10\$
Công sở : 15\$